

MỤC LỤC

TÀI CHÍNH VĨ MÔ

3. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2023: Cơ hội và thách thức
Đỗ Bảo Chi - CQ59/09.02

7. Cơ hội và thách thức phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam
Nguyễn Nguyệt Anh - CQ59/22.01CLC

11. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế
Đỗ Thị Huế - CQ58/05.01

TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

15. Đẩy mạnh số hóa trong công tác thanh tra, kiểm tra kho bạc: Thực trạng và giải pháp
Phạm Thị Ngọc Ánh - CQ58/22.04

18. Chuyển đổi số - Cơ hội và thách thức đối với ngành kiểm toán
Nguyễn Thị Dung; Đoàn Thị Vân; Đào Thu Phương - CQ59/23.01

21. Thị trường ô tô điện Việt Nam: Cơ hội và thách thức
Nguyễn Quốc Việt - CQ58/06.06CLC

24. Áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu - Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam
Phạm Ngọc Ánh - CQ58/02.03

27. Áp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có đường: Chính sách nhân văn giảm gánh nặng bệnh tật
Nguyễn Thị Hoài - CQ58/09.04

29. Blockchain trong kế toán, kiểm toán cơ hội hay thách thức
Cao Ngọc Minh Trang - CQ58/32.01

33. Vai trò của công nghệ trí tuệ nhân tạo trong kế toán, kiểm toán
Đỗ Nguyễn Lan Anh - CQ58/21.06CLC; Lê Thanh Thanh Vy - CQ59/21.01CLC

38. Doanh nghiệp logistics Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0
Nguyễn Thị Kim Chinh - CQ59/05.02

41. Hải quan số - Thực trạng và giải pháp để triển khai thành công
Phạm Quốc Hưng - CQ59/06.07CLC

44. Nâng cao hiệu quả kết nối doanh nghiệp và các trường đại học tại Việt Nam
Nguyễn Thị Hường - CQ58/11.03

CÁC VẤN ĐỀ KINH TẾ

47. Artificial Intelligence và tiềm năng ứng dụng vào ngành hàng bán lẻ tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay
Phan Thị Mai Hoa - CQ59/21.10CLC

51. Giải pháp thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế số tại Việt Nam

Ngô Tuấn Nguyên - CQ59/11.07

53. "Nối room tín dụng" và tác động tới thị trường bất động sản

Đỗ Thị Khánh Thảo - CQ59/11.01CLC; Trần Hà Ngọc - CQ58/09.04

56. Phát triển tiêu dùng xanh ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp

Võ Lam Trang - CQ58/23.01

TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

60. Kinh tế Việt Nam khi gia nhập các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

Nguyễn Thị Trà My - CQ58/11.01CLC

65. Cơ hội và thách thức của các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu ở Việt Nam khi Trung Quốc mở cửa biên giới sau đại dịch

Vũ Thị Tâm - CQ59/09.04

THÔNG TIN SỰ KIỆN

70. Ảnh hưởng của mạng xã hội đối với sinh viên

Hoàng Phương Thảo - CQ58/21.01CLC

74. Giải pháp bảo vệ thông tin người dùng khi tham gia sử dụng các nền tảng mạng xã hội

Võ Thị Hạnh - CQ58/11.02

77. Xu hướng khởi nghiệp thông qua TikTok Shop của Gen Z

Lê Thị Linh Chi - CQ59/21.01; Nguyễn Thu Thủy - CQ59/21.02



THẺ LỆ GỬI BÀI

Bài viết ngắn gọn, rõ ràng, đánh máy trên một mặt giấy A4 (độ dài không quá 5 trang, lề trái bằng 3,5cm, lề phải bằng 2,0cm, lề trên + dưới 3,0cm, cỡ chữ 14, khoảng cách dòng tối thiểu là 1,3cm), đánh số trang; các ký hiệu, công thức và hình vẽ phải chính xác, đúng quy định, đánh số và ghi rõ vị trí đặt hình, tiêu đề bài báo viết bằng chữ in hoa, họ và tên tác giả, số điện thoại... được đặt ngay dưới dòng tiêu đề sát với lề phải của trang 1.

Tư liệu nước ngoài và dẫn liệu cần ghi rõ xuất xứ (tên tác giả, tên ấn phẩm, nhà xuất bản, năm xuất bản; báo chí phải ghi rõ số ra ngày, tháng, năm; tên trang Web và tên chuyên mục của trang Web. v.v....).

Không nhận những bài viết đã đăng trên các ấn phẩm khác ở trong và ngoài Học viện.

Bài viết và ý kiến trao đổi xin gửi về:

Phòng 317 - Ban Quản lý Khoa học - Học viện Tài chính - Đức Thắng - Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Điện thoại: 024.02191967; Email: noisansvnckh@gmail.com

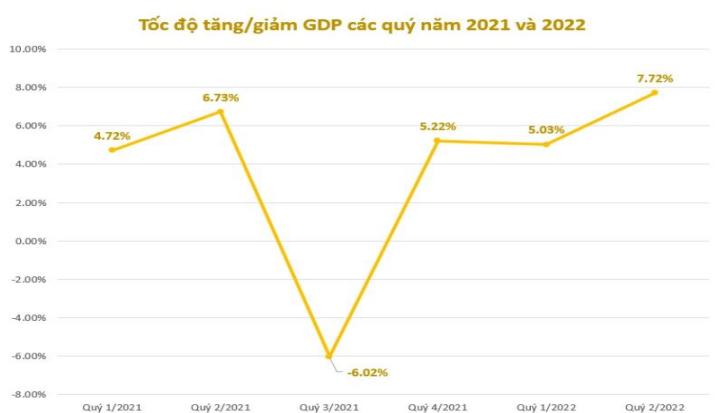
Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2023: Cơ hội và thách thức

Đỗ Bảo Chi - CQ59/09.02

Dại dịch Covid-19 kể từ đầu năm 2020 đã có những tác động bất lợi, sâu rộng, cả trực tiếp và gián tiếp đối với kinh tế toàn cầu. Vượt qua những khó khăn, thách thức do tác động của đại dịch Covid-19, kinh tế Việt Nam đã có những tín hiệu phục hồi tích cực từ quý 4/2021 cho tới nay. Tuy vậy, những diễn biến mới của cảng thẳng địa chính trị thế giới, biến động của thị trường tài chính toàn cầu, cùng với những rủi ro vĩ mô trong nước còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ... là những yếu tố tác động không nhỏ tới tiến trình phục hồi và tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Cơ hội tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2023

Thứ nhất, những điều kiện kinh tế vĩ mô thuận lợi. Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2022 đã có những tín hiệu phục hồi tích cực làm tiền đề quan trọng cho sự tăng trưởng kinh tế, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm; hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục khởi sắc; sản xuất công nghiệp phục hồi tích cực...



Tốc độ tăng/giảm GDP các quý năm 2021 và 2022

Nguồn: Tổng cục Thống kê

GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022. Trong mức tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%.

Về kiểm soát lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2022 tăng 3,15% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra trong bối cảnh một năm nhiều biến động

khó lường. Một số chính sách hiệu quả nhằm giảm áp lực lạm phát như: Giảm thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8% từ ngày 01/02/2022; giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022; thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động...

Nhìn chung, nhờ áp dụng kịp thời những chính sách đúng đắn, chưa có tiền lệ và những giải pháp đột phá đã 'bom máu', tiếp sức cho nền kinh tế phục hồi, phát triển. Duy trì sự ổn định kinh tế đã trở thành một lợi thế của Việt Nam, theo đánh giá từ Ngân hàng Thế giới (WB), giúp tạo niềm tin và sự yên tâm cho nhà đầu tư về môi trường kinh doanh lâu dài.

Thứ hai, Việt Nam có cơ hội trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư ngoại trong xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu sau đại dịch covid - 19. Quá trình phục hồi của kinh tế nước ta giai đoạn hiện nay gắn liền với chuyển đổi mô hình kinh tế, dịch chuyển chuỗi cung ứng. Nhờ sự thành công trong kiểm soát dịch covid - 19 và sức chống chịu khá tốt của nền kinh tế Việt Nam trước cú sốc, Việt Nam đã trở thành điểm đến của sự chuyển dịch chuỗi cung ứng các tập đoàn lớn trên thế giới. Đơn cử như Apple bắt đầu chuyển sản xuất khỏi Trung Quốc sang Việt Nam và tăng số lượng tai nghe sản xuất tại Việt Nam (với khoảng 4 triệu chiếc tai nghe được sản xuất trong quý II/2020). Còn Google và Microsoft cũng đang chuyển một số dây chuyền sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam. Hoa Kỳ cũng xác định Việt Nam là đối tác ưu tiên trong chuỗi cung ứng. Panasonic sẽ chuyển nhà máy đến Hà Nội để thành trung tâm sản xuất máy giặt và máy lạnh lớn nhất Đông Nam Á.

Thứ ba, tăng cường quan hệ thương mại. Ngày 15/11/2020, Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) đã chính thức được ký kết, đây là Hiệp định sẽ hình thành khu vực kinh tế lớn nhất từ trước đến nay, với GDP chiếm tới 32% tổng GDP toàn cầu, khoảng 32.000 tỷ USD, chiếm 47,5% dân số thế giới và được kỳ vọng sẽ giúp thúc đẩy mạnh việc hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN 2025. Tóm lại, cùng với các cam kết mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ và đầu tư, điểm khác biệt của RCEP tạo ra khuôn khổ để đơn giản hóa thủ tục hải quan và thiết lập quy tắc xuất xứ, tạo thuận lợi cho thương mại, tạo không gian kết nối chung sản xuất trong toàn ASEAN. RCEP bao gồm các lĩnh vực và nguyên tắc chưa từng có trong các FTA trước đây giữa ASEAN và các nước đối tác.

Thứ tư, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tiếp tục có những tín hiệu tích cực nhờ mở rộng các hoạt động kinh tế - xã hội. Dù đôi mặt với rủi ro từ bên ngoài gia tăng, khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn, tăng lãi suất cho vay và tỷ giá, gánh nặng trả nợ gia tăng, cùng với sự thu hẹp đầu ra cho hàng hóa tiêu thụ (đặc biệt là xuất khẩu), số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới hoặc quay trở lại hoạt động vẫn tăng. Trong năm 2022, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 27,1% và số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng 38,8%. Tuy nhiên, sự gia tăng 34,3% trong

số doanh nghiệp tạm thời đóng cửa kinh doanh cho thấy sự phục hồi không đồng đều và một số lĩnh vực, ngành nghề vẫn đối diện nhiều khó khăn.

Thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam năm 2023

Thứ nhất, môi trường kinh tế đang đối mặt với một số thách thức và tác động tiêu cực rõ rệt. Những thách thức bao gồm: (1) Khủng hoảng địa chính trị ở Ukraine vẫn diễn ra và ngày càng phức tạp, gây khó khăn trong việc dự đoán và ổn định tình hình kinh tế; (2) Dịch covid - 19 vẫn chưa chấm dứt và ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế Trung Quốc sau khi các biện pháp kiểm soát được nới lỏng từ tháng 12/2022; (3) Lạm phát toàn cầu đã giảm nhưng vẫn ở mức cao do giá cả của các mặt hàng thiết yếu như năng lượng và lương thực; (4) Thị trường tài chính và tiền tệ quốc tế đang trải qua biến động mạnh, với hạn chế về thanh khoản và dư địa chính sách tài khóa và tiền tệ thu hẹp ở hầu hết các nền kinh tế; (5) Tranh chấp và căng thẳng thương mại, công nghệ giữa các quốc gia đang tăng lên sau giai đoạn Covid-19.

Thứ hai, áp lực lạm phát còn tăng, lãi suất ở mức cao. Lạm phát diễn ra là sự cộng hưởng của nhiều yếu tố. Đối với nền kinh tế Việt Nam, sự cộng hưởng của lạm phát toàn cầu do diễn biến của cuộc chiến tranh Nga - Ukraine; việc điều chỉnh tiền lương cơ sở (dự kiến tăng gần 21%) được áp dụng trong năm 2023, các ngân hàng trung ương lớn còn tăng lãi suất đến giữa năm 2023, trong khi dư địa chính sách tiền tệ của Việt Nam đang hẹp dần. Nửa cuối năm 2022 dưới tác động của xung đột Nga - Ukraine, lạm phát toàn cầu gia tăng đạt 8,8%.

Thứ ba, thách thức đối với hoạt động xuất, nhập khẩu

Một là, nhập khẩu khó khăn. Nước ta nhập khẩu hàng hóa dịch vụ khá nhiều đặc biệt là nhập khẩu nguồn hàng đến từ thị trường Trung Quốc, tuy nhiên, nền kinh tế Trung Quốc lại đang gặp phải nhiều khó khăn cho nên bất chấp tăng trưởng kinh tế và xuất khẩu đã hồi phục mạnh mẽ song thách thức gia tăng nhập khẩu dịch vụ, do chi phí xuất khẩu tăng cao vẫn hiện hữu. Chi phí vận tải, logistics và bảo hiểm quốc tế gia tăng liên tục khiến nhập khẩu dịch vụ tăng mạnh, dẫn đến cán cân vãng lai xấu đi.

Hai là, xuất khẩu có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại do cầu thế giới suy yếu. Tình trạng thiếu đơn hàng, đặc biệt là thiếu các đơn hàng ngành tiêu dùng. Mặc dù sau đại dịch số lượng đơn hàng xuất khẩu đã tăng, nhưng chưa đạt kỳ vọng. Nguyên nhân do các thị trường xuất khẩu lớn nhất nhì của Việt Nam trong đó có Hoa Kỳ vì ảnh hưởng của lạm phát toàn cầu và các vấn đề kinh tế chính trị khác mà nhu cầu nhập khẩu hàng Việt Nam bị giảm. Nỗi lo ngại của các doanh nghiệp được phản ánh ngay trong sự sụt giảm đáng kể của kim ngạch xuất, nhập khẩu trong quý 1/2023. Trong quý 1/2023 so với cùng kỳ năm trước, xuất siêu sang Hoa Kỳ ước đạt 17,5 tỷ USD, giảm 23,4%; xuất siêu sang EU ước đạt 6,9 tỷ USD, giảm 10,1%; nhập siêu từ Trung Quốc 12,1 tỷ USD, giảm 15,4%; nhập siêu từ Hàn Quốc 6,3 tỷ USD, giảm 40,1%; nhập siêu từ ASEAN 2 tỷ USD, giảm 46,3%; nhập siêu từ Nhật Bản 158,5 triệu USD, giảm 66,4%.

Ba là, rào cản thương mại. Một thách thức không nhỏ khác đối với hoạt động xuất, nhập khẩu đến từ việc ký kết hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực RCEP. Bên cạnh việc mở rộng thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa rẻ và công nghệ hiện đại phù hợp thì RCEP cũng tạo nên áp lực cạnh tranh hàng hóa xuất khẩu. RCEP không hướng vào cắt giảm thuế quan đơn thuần như EVFTA mà nó hướng vào giải quyết các yếu tố, thủ tục trong xuất khẩu hàng hóa. Trong khi đó chất lượng hàng hóa khiêm tốn so với các nước trong khu vực cùng với đó là cơ cấu xuất khẩu khá tương đồng với một số đối tác tham gia RCEP nên càng gây bất lợi và đòi hỏi phải nâng cao năng lực cạnh tranh hơn.

Kiến nghị

Thứ nhất, chủ động xây dựng chiến lược, giải pháp cụ thể để tăng tính độc lập, tự chủ, tự cường và nâng cao sức chống chịu của nền kinh tế, của các ngành, lĩnh vực và doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ hai, phối hợp hài hòa các chính sách kinh tế vĩ mô, cân bằng giữa kiểm soát lạm phát và tăng trưởng; giữa lãi suất và tỷ giá; giữa cân đối ngân sách và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp; giữa đầu tư công, FDI và đầu tư tư nhân trong bối cảnh đầu tư tư nhân tăng khá thấp so với 2 kênh dẫn vốn còn lại.

Thứ ba, thực hiện các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp chịu tác động tiêu cực từ suy giảm xuất khẩu và biến động mạnh lãi suất, tỷ giá, như: tiếp tục chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy xuất khẩu, đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu; điều hành chính sách tiền tệ (tỷ giá, lãi suất) cơ bản ổn định, có khả năng dự báo; tiếp tục đẩy mạnh cải thiện thực chất môi trường đầu tư, kinh doanh, thể chế theo các cam kết hội nhập...

Kết luận

Thời kỳ phục hưng sau đại dịch Covid -19 đã đánh dấu sự tăng trưởng trở lại và phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam. Ngay khi dịch bệnh được kiểm soát, bức tranh kinh tế ảm đạm đã đóng lại, Việt Nam dần mở ra những cơ hội vàng để hồi phục kinh tế, cơ hội tăng trưởng hay cơ hội mở rộng quan hệ thương mại quốc tế... sẽ là những đòn bẩy hữu lực mở ra một cánh cửa mới cho nền kinh tế trong tương lai gần. Bên cạnh những cơ hội phát triển còn có không ít những thách thức đòi hỏi nền kinh tế Việt Nam phải vượt qua. Áp lực lạm phát, tăng trưởng hay hoạt động xuất nhập khẩu chậm lại... là những mối đe dọa kéo tụt đà phát triển của nền kinh tế sau đại dịch. Việc nắm bắt kịp thời các cơ hội và đột phá những thách thức trong thời kỳ phục hưng sẽ giúp Việt Nam đặt một bước chân vững vàng trong việc hoàn thành các mục tiêu kỳ vọng của Chính phủ, Nhà nước và của cả những người dân Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

Tổng cục Thống kê - Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê: Kinh tế Việt Nam vẫn còn tồn tại những khó khăn, thách thức (gos.gov.vn).

TS. Cấn Văn Lực (2023). *Thách thức cho bài toán tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2023 - Công thông tin điện tử Viện chiến lược và chính sách Tài chính.*

Cơ hội và thách thức phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam

Nguyễn Nguyệt Anh - CQ59/22.01CLC

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu đã tạo ra những tác động to lớn nhưng kéo theo đó là sự thiếu hụt tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng. Để giải quyết những vấn đề này, các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, đang hướng tới phát triển kinh tế tuần hoàn nhằm giải quyết thách thức giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường. Nền kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó mọi hoạt động từ thiết kế, sản xuất đến cung cấp dịch vụ đều hướng tới tái sử dụng vật chất và loại bỏ các tác động tiêu cực đến môi trường. Trên thực tế, mô hình kinh tế tuần hoàn đã bắt đầu thu hút được sự chú ý ở Việt Nam nhờ tiềm năng tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên, ổn định nguồn cung và mang lại cơ hội lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp. Mặc dù Việt Nam là một trong những quốc gia có nhiều nỗ lực và đạt được nhiều thành tựu trong quá trình phát triển bền vững, nhưng hiện nay Việt Nam đang phải đổi mới với tình trạng gia tăng rác thải ở nhiều loại, đặc biệt là rác thải sinh hoạt, trong khi cơ sở hạ tầng quản lý rác thải còn nhiều bất cập. Bên cạnh đó, phần lớn doanh nghiệp Việt Nam có công nghệ lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ, thiếu nguồn lực đầu tư công nghệ tái chế. Vì vậy, xây dựng nền kinh tế tuần hoàn đã được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định là một trong những định hướng phát triển của đất nước giai đoạn 2021 - 2030 nhằm mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, ứng phó với ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu trên diện rộng trong 10 năm tới. Do vậy, nghiên cứu này sẽ nêu một số định nghĩa, triển vọng và giải pháp thúc đẩy phát triển nền kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

Định nghĩa về kinh tế tuần hoàn

Cho đến nay, đã có hơn 100 định nghĩa về kinh tế tuần hoàn được đề cập trong các bài báo khoa học và tạp chí nghiên cứu. Các chuyên gia, nhà khoa học từ các lĩnh vực khác nhau có những cách tiếp cận khác nhau đối với nền kinh tế tuần hoàn. Thật vậy, một triết gia sẽ có quan điểm khác với một nhà phân tích tài chính khi tìm hiểu về nền kinh tế tuần hoàn. Tuy nhiên, cách tiếp cận phổ biến đối với nền kinh tế tuần hoàn thường tập trung vào việc sử dụng nguyên liệu thô hoặc thay đổi hệ thống.

Ở cách tiếp cận thứ nhất, khái niệm kinh tế tuần hoàn dựa trên hệ thống ba nhân tố liên quan đến mô hình “tái sử dụng - tái chế”, thúc đẩy giảm thiểu chất thải và giảm khai thác tài nguyên thông qua tái chế, giảm thiểu và tái sử dụng. Về cách tiếp cận thứ nhất, nền kinh tế tuần hoàn là một cách tiếp cận có hệ thống để phát triển kinh tế được

thiết kế để mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, xã hội và môi trường. Từ đó, ta có thể thấy nền kinh tế tuần hoàn là nền kinh tế có khả năng phục hồi và tái tạo và đảm bảo nền kinh tế có thể phát triển đồng thời ít phụ thuộc hơn vào các nguồn tài nguyên không thể tái tạo.

Với cách tiếp cận thứ hai, các định nghĩa tập trung vào thay đổi hệ thống thường nhấn mạnh 3 yếu tố: Quy trình khép kín, Năng lượng tái tạo, Tư duy hệ thống. Trong nền kinh tế tuần hoàn, các quy trình vật chất khép kín theo ví dụ về hệ sinh thái: “Không có gì gọi là lãng phí” bởi vì mỗi yếu tố còn lại đều có thể được sử dụng để tạo ra một sản phẩm mới. Các chất độc hại được loại bỏ và các yếu tố còn sót lại được tách thành một quy trình kết hợp giữa sinh học và kỹ thuật. Người sản xuất nhận lại sản phẩm của họ sau khi sử dụng và cải tiến chúng để có thời gian sử dụng lâu hơn. Do đó, đối với trong hệ thống này, điều quan trọng không chỉ là vật liệu được tái chế đúng cách mà còn là sản phẩm, linh kiện và nguyên liệu thô phải duy trì chất lượng cao trong các quy trình này. Tương tự như nguyên liệu thô và sản phẩm, năng lượng cũng tồn tại lâu nhất có thể trong một vòng tròn kinh tế. Hệ thống kinh tế tuần hoàn được cung cấp bởi các nguồn năng lượng tái tạo. Bởi vì không thể tái chế năng lượng, nên không đề cập đến quy trình năng lượng, mà đề cập đến các dòng năng lượng. Do đó, khái niệm về nền kinh tế tuần hoàn coi nhựa đã qua sử dụng là nguồn nguyên liệu quý giá được tái chế thay vì là chất thải bị loại bỏ. Điều này rất thuận lợi để thúc đẩy phát triển bền vững vì nó tạo cơ hội cho Việt Nam mở rộng quy mô tái chế và các nỗ lực tuần hoàn nhựa khác. Theo cách tiếp cận này, nền kinh tế tuần hoàn là một hệ thống kinh tế gồm các vòng khép kín, trong đó nguyên liệu thô, linh kiện và các sản phẩm đã qua sử dụng, các nguồn năng lượng tái tạo và tư duy hệ thống là cốt lõi.

Nền kinh tế tuần hoàn là một cách tiếp cận tăng trưởng kinh tế mang lại lợi ích cho tất cả mọi người trong giới hạn của hành tinh chúng ta. Phương pháp nằm ở mọi khâu của một quá trình sản xuất: từ thiết kế, sản xuất, tiêu dùng cho đến loại bỏ. Trong quá trình đó, giai đoạn thiết kế đóng vai trò quan trọng nhất vì khoảng 80% các tác động môi trường được xác định trong giai đoạn này. Bằng cách thiết kế loại bỏ rác thải và ô nhiễm, duy trì sử dụng các sản phẩm và vật liệu cũng như tái tạo các hệ thống tự nhiên, chúng ta có thể “sáng tạo lại” mọi thứ. Đó là sự hiểu biết về nền kinh tế tuần hoàn.

Cơ hội và thách thức phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam

Những dấu hiệu ban đầu của các mô hình kinh tế tuần hoàn đã xuất hiện trên toàn thế giới, mở ra những cơ hội đầy hứa hẹn cho sự phát triển của kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

Thứ nhất, Việt Nam là quốc gia có tốc độ hội nhập kinh tế sâu rộng, mạnh mẽ, đặc biệt là tham gia các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Hầu hết các hiệp định này đều có các điều khoản, thỏa thuận về phát triển bền vững, bảo vệ

môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và tuân thủ các tiêu chuẩn về chất thải, khí thải. Đây sẽ là tiền đề thúc đẩy Việt Nam đẩy mạnh chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn.

Thứ hai, nhiều quốc gia đã thành công trong việc áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn như Thụy Điển, Phần Lan, Singapore, Canada... Đây là cơ hội lớn để Việt Nam tiếp thu những kinh nghiệm quý báu từ những nước tiên phong và áp dụng vào tình hình đất nước hiện tại.

Thứ ba, Việt Nam đang hướng tới cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc nghiên cứu, thúc đẩy đổi mới công nghệ, chuyển sang hội nhập 4.0 sẽ là cơ hội lớn để thực hiện phát triển kinh tế, dẫn đến hiệu quả tăng trưởng cao hơn so với phương pháp tăng trưởng trước đây.

Thứ tư, Việt Nam đang thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) và ứng phó với biến đổi khí hậu. Áp dụng nền kinh tế tuần hoàn giúp giảm thiểu khí nhà kính do chúng được thu hồi gần như hoàn toàn, không phát thải ra môi trường. Phát triển kinh tế tuần hoàn chính là con đường để đạt được nhiều mục tiêu và chỉ tiêu của SDGs.

Đặc biệt, là một quốc gia có nền kinh tế đang phát triển, việc chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn với nhiều yêu cầu cao của xu thế phát hội nhập đã và đang đặt ra cho Việt Nam nhiều thách thức như:

Thứ nhất, khuyến khích sự hiểu biết đầy đủ và áp dụng nền kinh tế tuần hoàn, từ lập kế hoạch ban đầu đến thực thi, trong tất cả các ngành và lĩnh vực bởi các công ty, cá nhân và nhân viên quản lý, cũng như các nhà lãnh đạo, là một trở ngại lớn cần phải vượt qua để đạt được một nền kinh tế cùng phát triển, cùng hội nhập.

Thứ hai, nguồn lực cho quá trình chuyển đổi sang phát triển kinh tế tuần hoàn còn yếu (kinh tế tuần hoàn phải gắn với đổi mới khoa học, tiếp cận công nghệ tiên tiến). Ngoài ra, để phát triển kinh tế tuần hoàn cần có đội ngũ chuyên gia giỏi, có thể giải quyết các vấn đề từ khâu đầu đến khâu cuối của cả quy trình.

Thứ ba, khái niệm về nền kinh tế tuần hoàn liên quan đến một chiến lược đòi hỏi phải có sự hợp tác giữa các ngành công nghiệp - thương mại trong nền kinh tế. Do đó, nhiệm vụ to lớn là thúc đẩy các bên liên quan áp dụng nền kinh tế tuần hoàn thông qua việc sử dụng các cơ chế thị trường và các ưu đãi kinh tế.

Thứ tư, Việt Nam hiện chưa có nhiều công ty sở hữu công nghệ tái chế tiên tiến và đủ chuyên môn để tái sử dụng hiệu quả các sản phẩm đã qua sử dụng. Việc thay đổi thói quen sản xuất và tiêu dùng của toàn xã hội theo hướng chỉ sử dụng vật liệu có thể tái chế là một nhiệm vụ đầy thách thức, đặc biệt đối với các sản phẩm được sử dụng rộng rãi như túi ni lông và đồ nhựa dùng một lần. Ngoài ra, cũng là một thách thức to lớn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam khó đầu tư đổi mới công nghệ.

Những bước cần thực hiện để đưa các lộ trình kinh tế tuần hoàn hiện tại vào hoạt động?

Khái niệm về tính tuần hoàn không chỉ đơn giản là quản lý chất thải và nên được thực hiện trong mọi khía cạnh của thiết kế, sản xuất, tiêu dùng, quản lý chất thải và sử dụng tài nguyên. Trong nền kinh tế tuần hoàn, thiết kế không chỉ bao gồm thiết kế sản phẩm mà còn bao gồm cả thiết kế chất thải. Do đó, các mục tiêu đã được thiết lập bao gồm phát triển hàng hóa thân thiện với môi trường và nâng cao năng lực tái chế. Ngoài ra, trong giai đoạn sản xuất, phải nhấn mạnh vào việc giảm thiểu khí thải và tối ưu hóa dòng nguyên liệu. Trong khi đó, trọng tâm sẽ là cải thiện dịch vụ và nâng cao trách nhiệm của người tiêu dùng đối với môi trường. Bước cuối cùng của quản lý chất thải sẽ bao gồm phân loại, thu gom vào cuối vòng đời sản phẩm và tái chế chất thải.

Về phía cơ quan quản lý, trước hết cần thực hiện đồng bộ các giải pháp từ nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp đến hoàn thiện thể chế, tổ chức hiện nay. Nhà nước cần thực hiện vai trò kiến tạo để doanh nghiệp và người dân phát huy vai trò trung tâm trong xây dựng và phát triển nền kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

Ngoài ra, Chính phủ cần ban hành hành lang pháp lý rõ ràng cho việc hình thành và phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để có định hướng thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn rõ ràng và hợp lý hơn.

Hỗ trợ phát triển kinh tế tuần hoàn đối với các ngành, lĩnh vực, địa phương đã có mô hình kinh tế tiếp cận với kinh tế tuần hoàn; qua đó Nhà nước cần bổ sung, góp ý phù hợp đối với từng ngành, lĩnh vực thí điểm, sau đó nhân ra diện rộng.

Đối với doanh nghiệp, trước hết cần tích cực nâng cao nhận thức của chủ doanh nghiệp và người dân đối với sự phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn của đất nước. Hai là, tập trung nguồn lực tài chính cho đổi mới khoa học công nghệ, chuyển đổi phương thức sản xuất hiện đại. Các doanh nghiệp phải cân nhắc kỹ giữa việc lựa chọn lợi ích ngắn hạn hay đầu tư cho mục tiêu dài hạn trong tương lai.

Kết luận, kinh tế tuần hoàn là xu hướng toàn cầu và Việt Nam cũng không phải ngoại lệ, tuy nhiên để hiện thực hóa định hướng này, đòi hỏi sự nỗ lực chung của mọi người trong xã hội, đặc biệt là Nhà nước và doanh nghiệp với vai trò trung tâm.

Tài liệu tham khảo:

- https://vir.com.vn/extra-support-required-for-circular-economy-development-in-vietnam-99395.html?fbclid=IwAR2yzDoIYFPQ9Bhz_agOkS3Soke1PTXNxqcjSCMrdQE9PbUXHecnxiQxD7g
- https://tapchicongsan.org.vn/web/english/economy/detail-/asset_publisher/mqd1ARxqSObP/content/opportunities-and-challenges-for-developing-circular-economy-in-vietnam?fbclid=IwAR3auyfkv0TYQQj4cERJGSX_bmsqc6bAvD3wGBwXmBMxdt6Sh3umZ2LQnw0
- https://ejmcm.com/article_5971_c40ddb2d224b57dd18bd3ac63685f075.pdf
- <https://www.vietnam-briefing.com/news/vietnams-circular-economy-decision-687-development-plan-ratified.html/>

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

Đỗ Thị Huế - CQ58/05.01

Trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền, hoạt động quản lý hành chính nhà nước được thể hiện trên hầu khắp các lĩnh vực vực từ kinh tế, xã hội văn hóa, y tế, giáo dục cho đến an ninh - quốc phòng, đối ngoại,... Trong điều kiện nhà nước ta thực hiện chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và hội nhập sâu rộng quan hệ quốc tế, thì nhu cầu của các tầng lớp dân cư trong xã hội cũng tăng lên về số lượng và đa dạng, phong phú, phức tạp về hình thức, nội dung. Tình hình đó đặt ra yêu cầu Nhà nước phải thực hiện chuyên đổi cơ chế quản lý thích ứng với cơ chế kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế; khắc phục tình trạng yếu kém, hạn chế, bất cập của bộ máy quản lý. Vì vậy, vấn đề mang tính thời sự và cấp thiết đó là việc “Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế”.

Một số khái niệm

Thủ tục hành chính (TTHC) là trình tự về thời gian, không gian và là cách thức giải quyết công việc của cơ quan hành chính công trong mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức và cá nhân công dân. TTHC được đặt ra để các cơ quan nhà nước có thể thực hiện mọi hoạt động cần thiết của mình, trong đó bao gồm: trình tự thành lập các công sở; trình tự bổ nhiệm, bãi nhiệm, điều động công chức; trình tự lập quy, áp dụng quy phạm pháp luật; trình tự điều hành, tổ chức các hoạt động tác nghiệp hành chính.

Cải cách thủ tục hành chính (CCTTHC) là hoạt động sửa đổi, hoàn thiện các quy định pháp luật về trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền của các cơ quan quản lý nhà nước và người có thẩm quyền; cải cách các quy định về các loại TTHC; cải cách việc thực hiện các TTHC.

Sự cần thiết của việc CCTTHC

Thứ nhất, xu hướng chung của các nước trên thế giới là tinh giản, gọn nhẹ các TTHC, CCTTHC hướng tới việc nâng cao khả năng hoạt động của bộ máy hành chính để giúp cho quá trình quản lý xã hội của Nhà nước được tốt hơn.

Thứ hai, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế dần đến trình độ dân trí ngày càng cao và mọi người có khả năng nhận thức khá cụ thể về hoạt động và hiệu quả của cơ quan quản lý hành chính công.

Thứ ba, các TTHC có súc ý, trì trệ do mang tính kế thừa liên tục của cơ chế cũ và đã được chuyển sang nền kinh tế thị trường một cách tự động. Hậu quả dẫn đến tác phong trì trệ và các thói quen cửa quyền, hách dịch, tham nhũng...của một bộ phận cán bộ công chức trong bộ máy hành chính.

Thứ tư, các TTHC còn cồng kềnh; việc thay thế hệ thống TTHC cồng kềnh bằng một hệ thống TTHC được tinh giản, gọn nhẹ là một đòi hỏi cấp thiết, phù hợp với xu thế thời đại.

Thực trạng Cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam

Tình hình Cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam trong thời gian qua

✓ *Về đảm bảo tính pháp lý, hiệu quả, minh bạch và công bằng trong việc giải quyết các công việc hành chính:* Việc triển khai thực thi phương án đơn giản hóa TTHC theo 25 nghị quyết chuyên đề của Chính phủ đã được các bộ, ngành thực hiện cơ bản hoàn thành. Hàng năm, việc rà soát, đơn giản hóa TTHC; việc công bố, niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC đã giúp giải phóng nguồn lực xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

✓ *Về cơ chế kiểm tra cán bộ, công chức tiếp nhận và giải quyết các công việc của dân*

Chính phủ đã kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các TTHC theo quy định của pháp luật, đồng thời tiếp nhận kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính. Xử lý nghiêm người có hành vi sách nhiễu, hách dịch, vô trách nhiệm bên cạnh đó khen thưởng những người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đi cùng với đó là cần phải đơn giản hóa TTHC.

Tại Đề án đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức (ban hành theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ) đã yêu cầu phải có các quy định cụ thể về việc đề cao trách nhiệm trong hoạt động thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương lần thứ bảy, khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ nêu rõ: “Chuẩn hoá, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với xây dựng thể chế, tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, phát huy sáng tạo và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung. Phân công, phân cấp gắn với giao quyền, ràng buộc trách nhiệm, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và xử lý nghiêm minh sai phạm”.

✓ *Về cơ chế “một cửa”*

Cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tiếp tục được đẩy mạnh triển khai tại các địa phương. Riêng trong năm 2018, các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình thực hiện nhằm rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Công bố, công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, tại bộ phận “một cửa”,

trên Trang Thông tin kinh tế - xã hội của tỉnh và website của một số sở, ban ngành, UBND cấp huyện. Đã rà soát và đơn giản hóa đối với TTHC tại một số Sở, ngành, cụ thể: Sở Tài nguyên và môi trường đã đơn giản hóa giảm được 16 thủ tục trong số 100 TTHC thuộc Sở, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã sửa đổi, bổ sung 34/67 TTHC trong đó đã rút ngắn thời gian giải quyết đối với một số TTHC thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh bình quân là 3 ngày/1 hồ sơ.

Những kết quả đạt được trong CCTTHC ở Việt Nam trong thời gian qua

Tính từ đầu nhiệm kỳ Chính phủ khóa XIV đến tháng 11/2020, đã cắt giảm, đơn giản hóa hơn 1.000 TTHC, 3.893/6.191 điều kiện kinh doanh; 6.776/9.926 danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành; tổng chi phí xã hội tiết kiệm được khoảng 18 triệu ngày công/năm, tương đương hơn 6.300 tỷ đồng/năm. Chẳng hạn, Bộ Tài chính đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với 176 TTHC (trong đó, cắt giảm 148 thủ tục và đơn giản hóa 28 thủ tục) thuộc các lĩnh vực quản lý của Bộ. Các lĩnh vực có nhiều TTHC được đề xuất cắt giảm là: chứng khoán (giảm 36 thủ tục); công sản (giảm 23 thủ tục); kho bạc (giảm 10 thủ tục). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cắt giảm, đơn giản hóa 32/63 TTHC liên quan đến hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

Thực hiện Đề án Tổng thể đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020, hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch tại các địa phương đã tiến hành cấp sổ định danh cá nhân cho hơn 1,39 triệu trường hợp đăng ký khai sinh; đến nay ngành công an đã cấp hơn 73 triệu thẻ căn cước công dân gắn chíp trên tổng số gần 82 triệu công dân đủ điều kiện làm căn cước.

Hạn chế trong CCTTHC ở Việt Nam

Bên cạnh những kết quả tích cực, CCTTHC vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần khắc phục. Đó là việc tổ chức thực hiện 25 nghị quyết của Chính phủ tại một số bộ, ngành còn chậm. Hoạt động đánh giá tác động và lấy ý kiến đơn vị kiểm soát TTHC đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC chưa được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, chặt chẽ. Tiempo thực hiện Đề án 896 (Đề án tổng thể đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân và cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020) chậm hơn so với kế hoạch được duyệt. Việc thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” còn chồng chéo. Cụ thể, quy trình của nhiều TTHC còn rườm rà, chưa bảo đảm kịp thời, đầy đủ, không thống nhất về số lượng và nội dung thủ tục, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Phương thức thực hiện các TTHC của các cơ quan hành chính nhà nước chưa tích cực áp dụng những tiến bộ công nghệ tin học để phù hợp với nhu cầu trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, việc tổ chức niêm yết công khai TTHC chưa thực sự nghiêm túc; nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự sử dụng các TTHC đã được công bố như một tài liệu chính thống để công khai, hướng dẫn và kiểm soát việc giải quyết TTHC. Quá trình giải quyết TTHC tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự đem đến sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp, chưa gán trách nhiệm giải trình với trách nhiệm giải quyết TTHC. Vẫn còn xảy ra tình trạng chưa kiểm soát chặt chẽ quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ và trả kết quả thông qua một đầu mối, chưa thực hiện

việc giải trình, giải thích lý do rõ ràng, cụ thể bằng văn bản khi đối tượng thực hiện TTHC chưa hiểu rõ hoặc thực hiện không đúng quy định.

Giải pháp đẩy mạnh CCTTHC ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

Một là, rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực phục vụ cho yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước. Thực hiện sắp xếp lại cơ quan hành chính các cấp, đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết 18, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), nâng cao chất lượng đội ngũ công chức theo hướng tinh giản; sửa đổi đề án vị trí việc làm các cơ quan hành chính phù hợp với quy định mới của Chính phủ.

Hai là, tiếp tục cải cách công vụ, CCTTHC; hiện đại hóa hành chính và cải cách tài chính công. Hiện đại hóa nền hành chính cần phải kết hợp cơ sở hạ tầng kỹ thuật đang được người dân và tổ chức sử dụng mang tính rộng rãi, phổ biến hiện có như mạng xã hội Zalo, Ví điện tử... Đổi mới cơ chế, chính sách quản lý ngân sách theo hướng giảm dần việc quản lý ngân sách theo định mức đầu vào, hướng tới xây dựng và quản lý ngân sách, tài chính công theo đầu ra...

Ba là, tiếp tục nâng cao nhận thức, coi trọng công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về CCTTHC. Bảo đảm sự nhất quán, kiên trì, liên tục trong triển khai CCTTHC của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và các địa phương. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác điều phối chung, tổng hợp, đôn đốc và theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ CCTTHC trên từng lĩnh vực.

Năm là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá quá trình triển khai thực hiện công tác CCTTHC; tăng cường, phát huy vai trò giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với công tác CCTTHC. Nâng cao năng lực của đội ngũ công chức làm công tác CCTTHC; bố trí đủ nguồn lực tài chính cho CCTTHC.

Sáu là, cần nhân rộng cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại; thực hiện giao dịch điện tử rộng rãi và phổ biến; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn VN ISO 9001:2008. Đồng thời cần ban hành chế tài để ngăn chặn những hành vi của cán bộ hành chính có hành vi tiêu cực, như: giải quyết công việc chậm trễ, sách nhiễu, tiêu cực...

Tài liệu tham khảo:

TS. Nguyễn Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Đức Lợi, 2018, Giáo trình “Quản lý hành chính công”, Nhà xuất bản Tài chính.

Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ; Nghị quyết 18, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII)

Đề án 896 (Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020)

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương lần thứ bảy, khóa XII.

Đẩy mạnh số hoá trong công tác thanh tra, kiểm tra kho bạc: Thực trạng và giải pháp

Phạm Thị Ngọc Ánh - CQ58/22.04

Công nghệ số đang mở ra một kỷ nguyên mới kết nối toàn cầu mang lại cơ hội phát triển cho rất nhiều các ngành nghề lĩnh vực. Chính vì vậy, nhằm tạo điều kiện cho người dân và các đơn vị giao dịch, Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã và đang từng bước đẩy mạnh cải cách hành chính, phương pháp làm việc, triển khai mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin, số hoá trong công tác thanh tra, kiểm tra kho bạc. Đồng thời để góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển, KBNN cần không ngừng nghiên cứu tìm hiểu những giải pháp nhằm nâng cao khả năng điện tử hoá trong công tác thanh tra kho bạc.

Thực trạng số hoá công tác thanh tra, kiểm tra kho bạc

Trong thời gian qua, KBNN đã tiến hành chỉ đạo các tỉnh thành, thành phố tập trung xây dựng và triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra với nhiệm vụ được giao phù hợp với tình hình thực tiễn. Hơn nữa, hệ thống KBNN đã thực hiện kiểm tra giám sát những lĩnh vực có nguy cơ rủi ro cao. Những đối tượng được đưa vào kế hoạch kiểm tra phải luân phiên theo trình tự để không bỏ sót đơn vị, đồng thời kết hợp khéo léo giữa kiểm tra đột xuất, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra chéo.

Trong công tác thanh tra chuyên ngành năm 2022 vừa qua, toàn hệ thống KBNN đã thực hiện được hơn 217 cuộc thanh tra chuyên ngành, đạt 100% kế hoạch phê duyệt. Qua đó, các đơn vị KBNN đã kiến nghị xử lý kinh tế trên 4,2 tỷ đồng, số tiền kiến nghị thu hồi lên đến hơn 3,8 tỷ đồng. Trong công tác kiểm tra nội bộ, toàn hệ thống thực hiện 1.129 cuộc, trong đó gồm 928 cuộc thanh tra theo kế hoạch, 201 cuộc đột xuất. Qua công tác kiểm tra nội bộ, KBNN kiến nghị xử lý về kinh tế 347 triệu đồng, số tiền kiến nghị thu hồi 347 triệu đồng về ngân sách nhà nước, số tiền kiến nghị xử lý khác 470 triệu đồng.

Công chức thanh tra trong hệ thống KBNN đã thực hiện giám sát nội dung ghi sổ chi tiết hoạt động các tài khoản trong bảng và ngoài bảng, nguồn kinh phí hoạt động; các khoản thanh toán, đồng thời tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động nghiệp vụ nhằm phòng ngừa rủi ro, đảm bảo duy trì tốt hoạt động quản lý tài chính nội bộ trong toàn hệ thống. Bên cạnh đó, KBNN tổ chức triển khai thí điểm kiểm toán nội bộ tại Cục Quản lý ngân quỹ... Vụ Thanh tra Kiểm tra cho biết trung bình mỗi năm, toàn hệ thống KBNN đã thực hiện được 1.359 cuộc kiểm tra nội bộ. Bên cạnh đó, các đơn vị còn tiến hành các cuộc kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị, hoặc khi có dấu hiệu vi phạm.

KBNN cho biết các khoản thu ngân sách nhà nước đã được tiến hành hạch toán theo đúng quy trình và đồng thời phân chia các khoản thu cho các cấp ngân sách theo đúng quy định. Các khoản phải thu, phải trả, tạm giữ, tạm thu chờ xử lý được thực hiện theo quy định, ít thấy tình trạng các khoản thu đã đủ điều kiện nộp ngân sách nhà nước nhưng vẫn hạch toán trên tài khoản tạm thu, tạm giữ. Tình hình hạch toán sai mục lục ngân sách nhà nước cũng như mục lục ngân sách nhà nước không tương thích cũng ngày càng ít xảy ra hơn. Đi kèm với đó, công tác thanh toán liên kho bạc, thanh toán điện tử cũng diễn ra một cách thông suốt, khắc phục kịp thời những sự cố xảy ra trong quá trình giao dịch. Duy trì tốt kỷ luật, kỷ cương tài chính, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước chấp hành nghiêm quy định về việc mở và sử dụng tài khoản tiền gửi tại KBNN.

Thực hiện hoàn thành Tiện ích tra cứu dữ liệu Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) phục vụ công tác thanh tra, giám sát. Đây là tiện ích công nghệ thông tin giúp cho hoạt động thanh tra, kiểm tra giám sát nội bộ hệ thống KBNN nhằm hỗ trợ công chức làm công tác thanh tra cũng như là kiểm tra tra cứu, khai thác thông tin, dữ liệu, hồ sơ chứng từ mà đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước gửi thanh toán. Đồng thời giúp công chức thanh tra kiểm tra thực hiện công tác giám sát từ xa các thủ tục hành chính trong hoạt động kiểm soát chi ngân sách nhà nước. Đến thời điểm hiện nay, 100% đơn vị sử dụng ngân sách trên cả nước đã đăng ký tham gia DVCTT với KBNN. Đây là bước khởi đầu quan trọng trong đánh dấu việc áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thanh tra kiểm tra KBNN trong điều kiện hình thành kho bạc số hướng tới mục tiêu thanh tra kiểm tra theo phương thức điện tử.

Bên cạnh đó, KBNN đã phối hợp với các bên liên quan tổ chức nghiên cứu các thử nghiệm như công nghệ Blockchain, công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động nghiệp vụ trong việc hỗ trợ vận hành, quản lý kiểm tra rủi ro. Kết quả nghiên cứu cho thấy tiềm năng ứng dụng cao của các công nghệ này trong lĩnh vực vận hành cũng như quản lý rủi ro nghiệp vụ.

Tiến hành xây dựng và vận hành một cách hiệu quả Tiện ích lập và gửi báo cáo thanh tra, kiểm tra KBNN trên môi trường điện tử nhằm giảm thiểu báo cáo giấy, thông tin được trao đổi kịp thời, giảm thời gian giao dịch cũng như chi phí đi lại giữa KBNN và KBNN tỉnh, thành phố trong quá trình báo cáo định kỳ, đột xuất công tác thanh tra, kiểm tra cũng như giải quyết khiếu nại tố cáo chống tham nhũng... Đồng thời cập nhật thông tin, số liệu một cách thường xuyên về công tác thanh tra, triển khai Dịch vụ công trực tuyến giúp cho các hoạt động của KBNN trở nên công khai, minh bạch, giảm thiểu nhiều tiêu cực, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng của hệ thống KBNN.

Tiến tới kho bạc số trong công tác thanh tra, kiểm tra tại KBNN cũng được cải cách, hiện đại hoá để phù hợp với chiến lược của KBNN đến năm 2030. Cụ thể, KBNN đã và đang chuyển dần phương thức kiểm soát thanh toán tiền kiểm sang hậu kiểm, theo cơ chế quản lý rủi ro. Cùng với đó, có nhiều khoản chi ngân sách nhà nước (NSNN) qua KBNN đã được thực hiện theo phương thức thanh toán trước, kiểm soát sau và công tác hậu kiểm được giao cho thanh tra chuyên ngành KBNN thực hiện.

Bên cạnh những điểm mạnh sau khi thực hiện số hoá trong công tác thanh tra, kiểm tra KBNN, vẫn còn tồn đọng một vài hạn chế nhất định cần phải được giải quyết. Trình độ, năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của một số cán bộ thanh tra, kiểm tra KBNN các cấp vẫn còn hạn chế. Chất lượng áp dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát chưa được tối ưu, tính linh hoạt trong việc ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào công tác thanh tra kiểm tra vẫn còn nhiều yếu kém. Công tác thanh tra, kiểm tra chưa thực sự kịp thời, quyết liệt, vẫn còn nhiều bất cập trong cơ chế, chính sách, chế độ cần được kiến nghị bổ sung sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn.

Giải pháp đẩy mạnh số hoá trong công tác thanh tra, kiểm tra kho bạc nhà nước Việt Nam

Thứ nhất, từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý như Luật Đầu tư công, Luật NSNN theo hướng đơn giản hoá các tài liệu, từ đó mới dễ dàng đưa vào số hoá giúp nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách cũng như chi tiêu công điện tử.

Thứ hai, cần xây dựng một cơ quan duy nhất có trách nhiệm thống nhất trong việc tổ chức chỉ đạo, lên kế hoạch triển khai các hoạt động trong quá trình điện tử hoá để hiện đại hoá các hoạt động nghiệp vụ, giúp công tác thanh tra kiểm tra kho bạc được chính xác, minh bạch.

Thứ ba, luôn chú trọng đến các vấn đề về an toàn, an ninh thông tin dữ liệu. Bảo vệ các thiết bị kết nối với trung tâm dữ liệu khỏi các rủi ro tự nhiên. Đưa ra các giải pháp an ninh trong truy cập thiết bị và chữ ký số, để phòng các cuộc tấn công thông tin. Đây là một vấn đề hết sức nghiêm trọng ảnh hưởng đến cả một quốc gia, cần phải đặc biệt quan tâm.

Thứ tư, không ngừng xây dựng, hoàn thiện và ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo được tính pháp lý cao nhất trong quá trình sử dụng chữ ký số, không làm ảnh hưởng đến quá trình kiểm soát. Đây cũng là một giải pháp hữu ích, bởi những quy định này còn mang tính đồng bộ với các đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị thuế, hải quan trong việc điện tử hoá các nghiệp vụ thu, chi NSNN.

Thứ năm, tích cực học hỏi và ứng dụng chọn lọc kinh nghiệm thực tiễn từ các quốc gia khác trong quá trình nghiên cứu cải cách cũng như hiện đại hoá hoạt động nghiệp vụ của mình.

Tóm lại, trong thời gian qua công tác số hoá thanh tra kho bạc đã và đang được tiến hành thực hiện hiệu lực, hiệu quả. Bài viết đã nêu thực trạng trong thanh tra kiểm tra KBNN và đưa ra một số giải pháp để có thể góp phần cải tiến và phát triển hoạt động này. Để có thể đóng góp xây dựng nền tài chính quốc gia ngày càng an toàn, bền vững hơn nữa, KBNN cần tích cực nghiên cứu bổ sung thêm nhiều những giải pháp hữu hiệu.

Tài liệu tham khảo:

Lê Thị Ngọc, Bùi Thị Hồng Việt, "Kinh nghiệm quốc tế về hiện đại hoá kho bạc thông qua điện tử hoá/số hoá và bài học đối với KBNN Việt Nam", Tạp chí khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội, 2022.

Gia Hân, "Hiện đại hoá, nâng cao chất lượng thanh tra, kiểm tra của Kho bạc Nhà nước", Tạp chí Tài chính, 09/02/2023

Nhà báo Tiến Cường, "Hiện đại hóa công tác thanh tra, kiểm tra trong hệ thống kho bạc", Thời báo Tài chính, 13/03/2023

Chuyển đổi số - Cơ hội và thách thức đối với ngành kiểm toán

Nguyễn Thị Dung; Đoàn Thị Vân; Đào Thu Phương - CQ59/23.01

Không có thể định giá chính xác về chuyển đổi số, bởi vì quá trình áp dụng sẽ ảnh hưởng đến từng lĩnh vực khác nhau. Tại Việt Nam, khái niệm “Chuyển đổi số” thường được hiểu là quá trình thay đổi từ mô hình doanh nghiệp truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet cho vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)... nhằm thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa công ty. Khi nhắc đến cuộc cách mạng công nghiệp và phân tích dữ liệu thì không thể không nhắc đến nguồn tài nguyên vô cùng phong phú là chuyển đổi số, được xem là nền tảng để tạo ra những giá trị ở tầm cao mới cho doanh nghiệp. Việc ứng dụng Chuyển đổi số đang trở nên rất phổ biến tại Việt Nam, hầu hết các công ty đều có dữ liệu và có nhu cầu phân tích để tìm ra lợi thế cạnh tranh trong thời đại mọi thứ đều được số hóa. Không đứng ngoài vòng sự phát triển, những doanh nghiệp kiểm toán hiện nay cũng đang tìm cách thích ứng với những thay đổi mang lại từ việc nghiên cứu và sử dụng ứng dụng Chuyển đổi số một cách cẩn thiết và hiệu quả. Trong nhiều năm trở lại đây, các kiểm toán viên đã có thể dựa vào những công cụ phân tích dữ liệu trong đổi mới phát triển nhờ công nghệ thông tin để đưa ra ý kiến của mình, tuy nhiên với sự bùng nổ ngày càng mạnh của cuộc cách mạng 4.0 đòi hỏi sự chuyển đổi trong cách xử lý và phân tích thông tin cũng như những hiểu biết của kiểm toán viên về nguồn dữ liệu Chuyển đổi số là rất quan trọng và cần thiết. Đó là cơ hội đồng thời cũng là thách thức của ngành kiểm toán, vì vậy tôi đã chọn đề tài “Chuyển đổi số - cơ hội và thách thức đối với ngành kiểm toán” để nghiên cứu.

Giới thiệu về Chuyển đổi số

Chuyển đổi số (Digital Transformation) là sự tích hợp các công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các lĩnh vực của một doanh nghiệp, tận dụng các công nghệ để thay đổi căn bản cách thức vận hành, mô hình kinh doanh và cung cấp các giá trị mới cho khách hàng của doanh nghiệp đó cũng như tăng tốc các hoạt động kinh doanh. Chuyển đổi số cũng là một sự thay đổi về văn hóa của các doanh nghiệp, đòi hỏi các doanh nghiệp phải liên tục thay đổi, thử nghiệm những cái mới và chấp nhận thất bại. Tại Việt Nam, khái niệm “chuyển đổi số” thường được hiểu theo nghĩa là quá trình thay đổi từ mô hình doanh nghiệp truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn (Bigdata), Internet cho vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)... nhằm thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc và văn hóa công ty. Thực tế thì việc chuyển đổi số đã diễn ra âm thầm nhung khá mạnh mẽ ở Việt Nam những năm qua, tác động sâu sắc tới nhiều lĩnh vực và COVID-19 là tác nhân đẩy nhanh quá trình này.

Để kịp xu hướng đổi mới và phát triển, các công ty Kiểm toán và các Hội nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán như ACCA, AICPA,... đã có những nghiên cứu liên quan đến

vấn đề vận dụng Chuyển đổi số trong kiểm toán. Tuy nhiên tại Việt Nam, những vấn đề này còn khá mới mẻ và ít nhận được sự quan tâm từ các kiểm toán viên.

Cơ hội và thách thức đối với ngành kiểm toán khi ứng dụng Chuyển đổi số

❖ Về cơ hội

Việc xây dựng và sử dụng chuyển đổi số giúp cho khoa học phân tích và quản lý dữ liệu trong lĩnh vực kiểm toán ngày càng được thực hiện một cách đơn giản, nhanh chóng và hiệu quả.

Một là, các công ty kiểm toán có nhiều cơ hội tiếp cận và mở rộng cung ứng các sản phẩm và dịch vụ kiểm toán phù hợp với các loại đối tượng khách hàng khác nhau. Các cơ quan quản lý Nhà nước và các Hiệp hội nghề nghiệp có cơ hội tiếp cận với các mô hình hoạt động kiểm toán hiệu quả từ các nước phát triển trên thế giới, từ đó góp phần nâng cao năng lực quản trị, quản lý. Đồng thời góp phần giúp Nhà nước hoàn thiện hệ thống pháp lý, chuẩn mực và đáp ứng yêu cầu quốc tế, tạo điều kiện cho doanh nghiệp làm quen với các thông lệ chung của hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế.

Hai là, khi áp dụng Chuyển đổi số vào trong lĩnh vực kiểm toán sẽ giúp các kiểm toán viên đưa ra việc tính toán chi tiết, cẩn thận, cung cấp một bức tranh toàn cảnh về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo thời gian thực kịp thời và dựa vào đó để đưa ra những tư vấn riêng cho từng đối tượng khách hàng.

Ba là, việc thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu lớn sẽ tạo ra những tri thức mới, hỗ trợ việc đưa ra các quyết định nhanh chóng và hiệu quả, từ đó góp phần giảm được chi phí và tạo lợi thế cạnh tranh cho các công ty kiểm toán.

Bốn là, thay vì phải thu thập thông tin theo hình thức thủ công như trước đây thì các kiểm toán viên cũng có thể trích xuất dữ liệu từ kho dữ liệu ngành, phục vụ cho tất cả các loại quyết định, các cấp lãnh đạo, tất cả các loại trạm kiểm soát thông tin ra quyết định và tất cả những người có lợi ích liên quan. Nhờ đó giúp nâng cao độ tin cậy và hợp lý của việc báo cáo thông qua việc tự kiểm soát hoặc các hệ thống tự kiểm. Việc ứng dụng Chuyển đổi số mang lại hiệu quả về mặt kinh tế, giúp tăng năng suất lao động tạo ra nhiều việc làm mới, cải tiến sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh,... Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội mà nó mang lại thì cũng có nhiều thách thức khi áp dụng Chuyển đổi số.

❖ Về thách thức

Một là, việc phòng ngừa rủi ro an ninh mạng và bảo vệ bí mật thông tin được đặt lên hàng đầu. Kiểm toán là một trong những ngành đối mặt với nguy cơ mất an toàn thông tin cao nhất. Với sự phát triển nhanh chóng và hiện đại của công nghệ số, nếu cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin không có độ đảm bảo cao thì những lỗ hổng về bảo mật cũng có nguy cơ tăng, kéo theo đó là những lo ngại về các rủi ro trong nghiệp vụ thanh toán, hoạt động đầu tư. Do vậy việc nhận thức và đầu tư tương xứng cho vấn đề an ninh mạng, bảo vệ bí mật thông tin là vô cùng quan trọng.

Hai là, cách thức xây dựng và khai thác nguồn thông tin từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu bên ngoài phục vụ cho công tác kiểm toán vừa mang tính chủ quan, vừa mang tính khách quan của dữ liệu và thông tin chưa đầy đủ, phong phú và kịp thời, còn có nhiều thông tin chưa chính xác, đối tượng được sử dụng và thu thập thông tin còn hạn chế.

Ba là, sự thiếu hụt về nguồn lao động chất lượng cao trong lĩnh vực kiểm toán. Theo nhiều nghiên cứu, người lao động Việt Nam đã qua đào tạo được đánh giá là thông minh, chăm chỉ, nhanh nhẹn... nhưng lại thiếu hụt về các kỹ năng mềm, đặc biệt là khả năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và trình độ về công nghệ chưa cao. Đối với chuyên ngành Kiểm toán hiện nay, đa số các cơ sở đào tạo tại Việt Nam vẫn đang đào tạo theo hướng truyền thống, chương trình đào tạo chưa gắn liền với nhu cầu thực tiễn của các doanh nghiệp do còn nặng về lý thuyết chưa đi sâu vào thực hành. Hậu quả dẫn đến việc thiếu hụt nguồn lao động chất lượng chưa thực sự am hiểu về công nghệ.

Bốn là, trang thiết bị chưa đủ tân tiến để thích ứng với tiến bộ khoa học công nghệ số. Đầu tư cho các thiết bị công nghệ sẽ mang lại hiệu quả cao, tuy nhiên chi phí đầu tư là vấn đề đáng quan tâm của ngành.

Một số các khuyến nghị

Trước những cơ hội và thách thức của việc sử dụng Chuyển đổi số đặt ra, Việt Nam nói chung và ngành kế toán nói riêng cần phải thực hiện một số giải pháp để phát triển ngành kiểm toán trong bối cảnh mới. Cụ thể:

Một là, cần nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ, nhân viên hành nghề kiểm toán, làm cho họ hiểu rõ tầm quan trọng và ảnh hưởng của cuộc cách mạng số đến ngành Kiểm toán Việt Nam. Tập trung xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực ngành Kiểm toán, trong đó chú trọng đổi mới và tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao. Tăng khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng đội ngũ kiểm toán viên đủ năng lực, phẩm chất đạo đức để có thể đáp ứng yêu cầu của ngành và góp phần nâng cao sức cạnh tranh từ đó rút ngắn khoảng cách chênh lệch về trình độ so với khu vực và thế giới.

Hai là, chú trọng đầu tư, hoàn thiện kết cấu cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin để có thể hiện đại hóa, tự động hóa hầu hết các quy trình kiểm toán. Phát triển dịch vụ kiểm toán thông qua ứng dụng công nghệ số dựa vào nền tảng công nghệ tự động hóa, kết nối đa chiều và thông minh hóa của Chuyển đổi số.

Ba là, cần phải đặc biệt chú trọng đến vấn đề an ninh mạng. Các doanh nghiệp kiểm toán cần đầu tư, trang bị các giải pháp và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về an ninh, bảo mật; phát hiện và xử lý kịp thời những lỗ hổng về bảo mật và bảo đảm bí mật thông tin khách hàng.

Thứ tư, trong bối cảnh chung của thế giới hội nhập và phụ thuộc lẫn nhau, các công ty cần nỗ lực liên kết tổng thể. Trong ứng phó với cuộc CMCN 4.0, công ty cần khai thác triệt để kinh hợp tác và hội nhập quốc tế, thống nhất quan điểm và kế hoạch hành động chung với quốc gia cùng nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, thu hẹp khoảng cách phát triển.

Tài liệu tham khảo:

<https://tapchitaichinh.vn/ke-toan-kiem-toan/co-hoi-va-thach-thuc-doi-voi-ke-toan-kiem-toan-viet-nam-trong-boi-canhang-moi-318241.html>

<https://vnr500.com.vn/Chuyen-doi-so-co-hoi-vuot-lon-cua-DN-Viet-8686-1006.html>

<https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/nang-cao-chat-luong-dao-tao-ke-toan-kiem-toan-dap-ung-yeu-cau-cua-boi-canhang-moi-333607.html>

Thị trường ô tô điện Việt Nam: Cơ hội và thách thức

Nguyễn Quốc Việt - CQ58/06.06CLC

Giao thông vận tải (GVT) là hoạt động phát thải khí nhà kính lớn thứ ba tại Việt Nam, chỉ sau ngành năng lượng và nông nghiệp. Theo Vụ Môi trường, Bộ GVT, dự báo lượng khí CO₂ phát thải trong ngành GVT năm 2025 là hơn 65 triệu tấn. Đến năm 2030, con số này tăng lên hơn 89 triệu tấn, trong đó, lĩnh vực vận tải đường bộ chiếm đến 85% tổng lượng khí nhà kính phát thải ra môi trường. Việt Nam cũng đang trong quá trình tiến tới “tương lai vận chuyển” thông qua chương trình hành động chuyển đổi năng lượng xanh của Chính phủ, đặt ra mục tiêu phát triển hợp lý các phương thức vận tải, thực hiện mạnh mẽ việc chuyển đổi hoàn toàn các phương tiện hướng đến sử dụng năng lượng xanh vào năm 2050, nhằm đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng 0. Trong bối cảnh đó, xe ô tô điện (EV - electric vehicle) trở thành xu thế trên toàn cầu và Việt Nam cũng không phải là một ngoại lệ.

Thị trường ô tô điện tại Việt Nam hiện nay

Xe ô tô điện chính thức được các hãng xe nhập khẩu và phân phối chính hãng tại thị trường Việt Nam trong khoảng một vài năm trở lại đây. Tuy vậy, số lượng ô tô điện tại Việt Nam còn khá khiêm tốn ở mức 140 chiếc năm 2019, 900 chiếc năm 2020 và khoảng 1.500 chiếc tính đến quý I năm 2021, trong đó phần lớn là những mẫu xe lai giữa xăng và điện. Tính đến cuối năm 2022, nhờ vào những bước đi tiên phong của hãng xe nội địa VinFast trong việc sản xuất xe thuần điện, số lượng xe điện lăn bánh tại Việt Nam vào khoảng 3.000 chiếc.

Năm 2022 được coi là năm bước ngoặt của ô tô điện Việt Nam khi rất nhiều hãng xe lớn gia nhập thị trường. Một vài cái tên quen thuộc có thể kể đến như: Porsche, Mercedes-Benz, Volvo, Toyota, Hyundai, KIA... Hầu hết các hãng đều đã giới thiệu hoặc đang có kế hoạch phát triển sản phẩm mới để bán tại Việt Nam với đủ các phân khúc giá từ phổ thông cho tới cao cấp. Tại thị trường Việt Nam hiện nay, ô tô điện bao gồm các dòng xe sau:

- Hybrid (HEV - xe lai điện): Là những chiếc xe được trang bị 1 động cơ đốt trong và 1 motor điện. Xe dùng động cơ điện để khởi hành và vận hành ở tốc độ thấp, khi đủ tốc độ, động cơ đốt trong truyền thống mới được sử dụng, giúp giảm lượng nhiên liệu hóa thạch tiêu thụ. Đồng thời, động cơ đốt trong sẽ tạo ra điện để sạc pin của xe, hoặc tái tạo năng lượng từ việc đạp phanh khi xe chạy. Một số mẫu xe HEV đang được phân phối chính hãng tại Việt Nam: Toyota Corolla Cross 1.8HV, Toyota Camry 2.5HV, Lexus RX450h...

- Plug-in hybrid (PHEV - xe hybrid cắm sạc): Giống như HEV, những chiếc PHEV cũng được trang bị 1 động cơ đốt trong và 1 motor điện. Tuy nhiên, pin của PHEV có dung lượng lớn hơn HEV, có thể được sạc bằng cách cắm với nguồn điện, ngoài ra cũng được sạc lại khi xe chạy. Khi được sạc đầy, xe chỉ sử dụng động cơ điện. Khi hết pin, xe sẽ chuyển qua sử dụng động cơ đốt trong. Một số mẫu xe PHEV tại Việt Nam hiện nay: Mitsubishi Outlander PHEV, KIA Sorento PHEV, Volvo XC60 Recharge...

- Xe thuần điện (BEV): BEV là loại xe sử dụng hoàn toàn động cơ điện với bộ pin có thể nạp lại được và không dùng động cơ xăng. Xe BEV tích điện trong các bộ pin có dung

lượng lớn và được dùng để chạy motor điện hay các bộ phận sử dụng điện khác. Xe BEV hiện nay chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ trong cơ cấu xe ô tô điện tại Việt Nam với một số lượng khiêm tốn các mẫu xe như: VinFast VF 8, Porsche Taycan, Hongqi E-HS9...

Cơ hội và thách thức cho sự phát triển của thị trường ô tô điện Việt Nam

Cơ hội

Thứ nhất, phương tiện giao thông xanh nói chung, ô tô điện nói riêng sẽ là xu thế tất yếu không chỉ ở Việt Nam mà còn trên thế giới. Nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới đã ban hành những chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp sản xuất xe điện như một nỗ lực để đổi mới với biến đổi khí hậu. Liên minh châu Âu (EU) đã ký kết thỏa thuận về việc cấm bán các loại ô tô sử dụng động cơ đốt trong kể từ năm 2035. Na Uy, cùng với lộ trình phát triển rất rõ ràng của mình, đặt mục tiêu kể từ 2025, trên đường phố sẽ chỉ có xe thuần điện. Tại Thái Lan, đại diện hiếm hoi của Đông Nam Á đang ở giai đoạn thị trường mới nổi, các chính sách hỗ trợ của chính phủ liên quan tới trợ cấp và ưu đãi thuế đang giúp thị trường xe điện của nước này phát triển nhanh chóng. Bên cạnh đó, hầu hết các hãng xe lớn trên thế giới như Mercedes-Benz, BMW, Ford, Honda, Toyota... đều đã công bố lộ trình cụ thể để từng bước loại bỏ hoàn toàn xe động cơ đốt trong khỏi danh mục sản xuất của mình, hướng tới chuyển đổi hoàn toàn sang xe điện trong tương lai.

Thứ hai, xe điện là thị trường mới nhưng đầy tiềm năng. Việt Nam có dân số khoảng 100 triệu người, nhu cầu sở hữu phương tiện cá nhân lớn. Bên cạnh đó, dân số của nước ta là dân số trẻ với sự gia tăng nhanh chóng của tầng lớp trung lưu, những người dành sự quan tâm lớn đặc biệt tới các công nghệ tiên tiến và nhận thức cao về bảo vệ môi trường. Đây là những cơ hội tuyệt vời cho sự phát triển vượt bậc của thị trường ô tô điện tại Việt Nam trong tương lai. Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA) dự báo Việt Nam sẽ đạt mức 1 triệu xe điện vào khoảng năm 2028. Đến năm 2040, Việt Nam sẽ có khoảng 3,5 triệu xe ô tô điện.

Thứ ba, chính sách và hỗ trợ của Nhà nước giúp phát triển thị trường. Là một trong 6 quốc gia trên thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, Việt Nam luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến các vấn đề phát triển bền vững, bảo vệ môi trường. Hiện nay, những chính sách cụ thể hỗ trợ xe điện chủ yếu thông qua trợ giá. Cụ thể, ngày 11/01/2022, Quốc hội thông qua Luật số 03/2022/QH15, trong đó sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt. Theo đó, thuế suất thuế TTĐB đối với BEV được điều chỉnh giảm xuống còn 1-3% (áp dụng từ 01/3/2022 - 28/02/2027) và 4-11% (áp dụng từ ngày 01/3/2027), thấp hơn so với xe chạy bằng nhiên liệu hóa thạch truyền thống. Ngay sau đó, ngày 15/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 10/2022/NĐ-CP quy định về lệ phí trước bạ, trong đó quy định mức thu lệ phí trước bạ là 0% đối với BEV đăng ký lần đầu trong 3 năm kể từ ngày 01/3/2022. Trong 2 năm tiếp theo, mức thu này sẽ bằng 50% so với mức thu của các loại xe xăng, dầu có cùng số chỗ ngồi.

Thách thức

Thứ nhất, mức giá để sở hữu một chiếc xe điện tại Việt Nam còn cao. Phần lớn các mẫu xe điện tại Việt Nam hiện nay là các mẫu HEV và PHEV, những loại xe không được hưởng các ưu đãi về thuế, phí và có giá bán cao hơn khoảng 15% so với phiên bản xăng/dầu tính trên cùng một mẫu xe. Kể cả đối với các mẫu BEV, đặc biệt là các mẫu xe nhập khẩu, mặc dù được hưởng ưu đãi về thuế, phí, tuy nhiên do giá bán cao hơn, người tiêu dùng cũng vẫn không được hưởng lợi nhiều khi chọn mua xe điện thay vì các mẫu xe chạy xăng, dầu

trong cùng phân khúc. Mức giá cao cũng là nguyên nhân lớn nhất khiến cho xe điện chưa đủ hấp dẫn đối với người tiêu dùng trong nước.

Thứ hai, không chỉ cao hơn về mức giá sở hữu, xe điện còn có xu hướng tốn kém hơn xe động cơ đốt trong ở chi phí vận hành. Một nghiên cứu từ Tập đoàn kinh tế Anderson có trụ sở tại Mỹ đã chỉ ra rằng nhiều phương tiện chạy bằng động cơ đốt trong có chi phí đồ xăng rẻ hơn so với việc sạc xe điện. Sau khi đổi chiếu về chi phí nạp năng lượng ở các phân khúc, nhóm nghiên cứu đánh giá rằng với xu hướng giá điện tăng và giá xăng giảm tại Mỹ, hầu hết các phương tiện chạy bằng xăng, dù truyền thống đều có chi phí nhiên liệu thấp hơn xe điện trong giai đoạn nửa đầu năm 2023.

Thứ ba, cơ sở hạ tầng về trạm sạc vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Sự khác biệt giữa tiêu chuẩn kỹ thuật của công sạc khiến cho các hãng xe còn e dè trong việc chấp nhận để hãng xe khác sử dụng công sạc của mình. Do vậy hầu như hiện nay, xe của hãng nào chỉ sử dụng được trạm sạc của hãng đó, gây nhiều khó khăn cho người dùng. Bên cạnh đó, hệ thống trạm sạc vẫn còn ít do những vấn đề liên quan đến an ninh năng lượng quốc gia. Nếu các trạm sạc công cộng đi vào hoạt động, Việt Nam có thể bị quá tải điện từ 3%-32% ở một số đường dây truyền tải nhất định.

Thứ tư, những chính sách hỗ trợ của Nhà nước còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng. Chính sách này bao gồm hai phần: trợ giá cho doanh nghiệp sản xuất và trợ giá bằng tiền mặt cho người mua xe. Chúng ta gần như chưa có chính sách hỗ trợ về tín dụng, đầu tư, thương mại dành cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xe điện, trong khi chi phí sản xuất ô tô điện so với xe động cơ đốt trong truyền thống cùng kích thước vẫn cao hơn khoảng 45%.

Giải pháp phát triển thị trường ô tô điện Việt Nam

Thứ nhất, cần có thêm nhiều chính sách ưu đãi dành cho xe điện, ví dụ như chính sách hỗ trợ các nhà sản xuất (chính sách tài chính, tín dụng, chính sách hỗ trợ nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ tùng, hỗ trợ xây dựng các nhà máy sản xuất pin...) để khuyến khích đầu tư phát triển xe điện; chính sách trợ giá cho người mua xe điện; chính sách ưu tiên về phí như miễn, giảm phí đồ xe trong đô thị..., giúp cho giá thành xe điện gần hơn với túi tiền của người tiêu dùng.

Thứ hai, cần có những quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với trạm sạc, phát triển các nguồn điện tái tạo như điện gió để cung cấp điện cho trạm sạc, nhằm giảm giá thành điện bán lẻ cũng như tránh nguy cơ quá tải điện.

Thứ ba, cần nghiên cứu cải tiến công nghệ pin nhằm rút ngắn thời gian sạc, tăng quãng đường di chuyển cho một lần sạc đầy pin.

Thứ tư, cần gia tăng các tiện ích dành cho xe ô tô điện thông qua phát triển hệ thống trạm sạc, đi kèm những chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động trạm sạc.

Tài liệu tham khảo:

Khánh Ly. (2019). Chuyển đổi vận tải theo hướng giảm phát thải. Báo Tài nguyên và Môi trường: <https://baotainguyenmoitruong.vn/chuyen-doi-van-tai-theo-huong-giam-phat-thai-293571.html>

Lan Anh. (2022). Việt Nam sẽ là thị trường ô tô điện tiềm năng bậc nhất Đông Nam Á. Tạp chí điện tử Kinh tế môi trường: <https://kinhtemoitruong.vn/viet-nam-se-la-thi-truong-o-to-dien-tiem-nang-bac-nhat-dong-nam-a-65372.html>

Lê Vũ. (2023). Cần thêm nhiều chính sách hỗ trợ cho phát triển ô tô điện tại Việt Nam. Tạp chí điện tử VnEconomy: <https://vneconomy.vn/automotive/can-them-nhieu-chinh-sach-ho-tro-cho-phat-trien-o-to-dien-tai-viet-nam.htm>

VIETNAM ELECTRIC VEHICLE INDUSTRY. (2022). International Trade Administration: <https://www.trade.gov/market-intelligence/vietnam-electric-vehicle-industry>

Áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu - Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

Phạm Ngọc Ánh - CQ58/02.03

Trong thời gian vừa qua, nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong thu hút nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài, nhiều quốc gia trên thế giới đã tích cực chạy đua về thuế suất ưu đãi. Cuộc đua này đã tạo cơ hội cho các hành vi “trốn thuế/tránh thuế” của các tập đoàn, công ty đa quốc gia thông qua việc chuyển lợi nhuận sang những quốc gia, vùng lãnh thổ có mức thuế suất thấp hoặc bằng không, hay còn gọi là “Xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận” (BEPS - Base Erosion and Profit Shifting). Tình trạng này đã gây ra những tổn thất đáng kể tới nguồn thu ngân sách của các quốc gia. Trước tình trạng trên, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã khởi xướng thuế tối thiểu toàn cầu (GMT - Global Minimum Tax). Trong bối cảnh thuế được coi là lợi thế trong thu hút đầu tư tại Việt Nam, việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu vừa mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng là thách thức lớn đòi hỏi Việt Nam cần phải có những biện pháp ứng phó kịp thời.

Khái quát về thuế tối thiểu toàn cầu

Nhằm giải quyết các thách thức đối với hệ thống thuế, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các quốc gia, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế toàn cầu, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đã khởi xướng và được Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) thông qua Sáng kiến chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển dịch lợi nhuận với 2 nội dung: Phân chia quyền đánh thuế, thực hiện đánh giá về phân bổ lợi nhuận và các nguyên tắc phân bổ lợi nhuận.

Ngày 08/10/2021, Diễn đàn hợp tác toàn cầu về BEPS (IF) đã ban hành tuyên bố về “Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số”. Theo khung giải pháp này, Trụ cột 1 quy định về phân bổ thuế đối với hoạt động kỹ thuật số, Trụ cột 2 quy định về thuế suất tối thiểu toàn cầu. Tính đến thời điểm hiện tại, 142 quốc gia thành viên đã đồng thuận việc triển khai Khung giải pháp Hai trụ cột, trong đó có Việt Nam - thành viên thứ 100 của BEPS từ năm 2017.

Theo Trụ cột 2, sẽ áp dụng mức thuế tối thiểu toàn cầu là 15% đối với các công ty đa quốc gia có tổng doanh thu từ 750 triệu EUR (hay 800 triệu USD) trở lên trong 2 năm của 4 năm liên kề gần nhất. OECD dự tính với việc áp dụng Trụ cột 2 về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu, tổng nguồn thu thuế toàn cầu từ các công ty đa quốc gia sẽ tăng lên khoảng 220 tỷ USD. Như vậy, Trụ cột 2 là giải pháp mà theo đó các quốc gia lớn, có dòng vốn đầu tư ra nước ngoài sẽ tạo ra một mức thuế thu nhập doanh nghiệp tối thiểu chung và đánh thuế đối với phần chênh lệch giữa mức thuế tối thiểu chung với mức thuế thấp hơn ở các quốc gia mà công ty con đầu tư, từ đó kéo các tập đoàn đang hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại nước mẹ, hạn chế việc tránh thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trụ cột 2 không bắt buộc các quốc gia phải cùng nâng mức thuế suất lên 15% và đánh thuế bổ sung phần thuế suất chênh lệch, mà chỉ đưa ra cơ chế để thu thuế trong trường hợp các tập đoàn có công ty con nộp thuế dưới mức 15% tại một quốc gia này sẽ bị đánh thuế bổ sung lên mức 15% ở quốc gia có công ty mẹ để bảo đảm đạt mức thuế suất tối thiểu toàn cầu.

Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

Việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu dự kiến sẽ đem lại cho Việt Nam nhiều cơ hội theo chiều hướng tích cực:

Thứ nhất, tăng cường hội nhập quốc tế, cải cách hệ thống thuế theo hướng phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế thông qua việc sửa đổi, bổ sung các chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Thứ hai, góp phần hoàn thiện khung pháp lý về thuế của Việt Nam và thúc đẩy nâng cấp chiến lược, sửa đổi chính sách thu hút FDI theo hướng giảm ưu đãi về thuế, xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định, cạnh tranh lành mạnh, tiến tới chuyển sang mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững thông qua phát triển cơ sở hạ tầng, đầu tư công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chính sách hải quan thuận lợi,...

Thứ ba, việc tích cực tham gia, triển khai các công cụ, khuôn khổ pháp lý của OECD sẽ góp phần cải thiện hình ảnh của Việt Nam trong mắt các đối tác, nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ tư, áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu góp phần tăng thu ngân sách Nhà nước từ thuế, đồng thời tránh việc phải cạnh tranh về thuế giữa các quốc gia, hạn chế các hiện tượng trốn, tránh thuế, chuyen giá, chuyen lợi nhuận,... của các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam.

Bên cạnh những cơ hội, việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu cũng được coi là một thách thức không nhỏ đối với nền kinh tế Việt Nam:

Thứ nhất, Việt Nam là quốc gia chủ yếu tiếp nhận đầu tư. Theo số liệu mới nhất, hiện nay Việt Nam có khoảng 335 dự án có số vốn đầu tư đăng ký trên 100 triệu USD hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại các khu kinh tế và khu công nghiệp. Tổng vốn đầu tư đăng ký của các dự án này hiện đang chiếm gần 30% tổng vốn FDI tại Việt Nam (đạt khoảng 131,3 tỷ USD). Đây là những dự án có khả năng sẽ chịu ảnh hưởng lớn khi thuế tối thiểu toàn cầu chính thức được áp dụng, cùng với đó là hàng nghìn doanh nghiệp vệ tinh, phụ trợ đi theo sẽ bị ảnh hưởng nếu các tập đoàn này điều chỉnh chính sách đầu tư. Tình thế này đòi hỏi Việt Nam phải cân nhắc, có những biện pháp ứng phó kịp thời khi mà các dự án không còn được hưởng lợi ích từ chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, từ đó ảnh hưởng đến lợi thế cạnh tranh của thị trường Việt Nam trong thu hút nguồn vốn FDI.

Thứ hai, với thỏa thuận thuế tối thiểu toàn cầu, các doanh nghiệp FDI thuộc đối tượng điều chỉnh có thể sẽ phải nộp “thuế bổ sung” tại quốc gia nơi đặt trụ sở chính, gây ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn vốn cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của các doanh nghiệp này, đồng thời, ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của môi trường đầu tư, từ đó tác động đến dòng vốn FDI vào Việt Nam và gián tiếp ảnh hưởng nguồn thu ngân sách Nhà nước từ thuế đối với các doanh nghiệp FDI trong tương lai.

Thứ ba, khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng có thể dẫn đến phát sinh những bất đồng, tranh chấp với một số đối tác, từ đó phần nào ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ tư, việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu có thể làm phát sinh một số chi phí cải cách hệ thống quản lý thuế, thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư. Việc sửa đổi chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật có liên quan có thể gây ảnh hưởng đến chính sách thu hút vốn FDI tại Việt Nam.

Thứ năm, trường hợp Việt Nam đánh thuế bổ sung, nâng thuế suất tối thiểu lên 15%, Chính phủ Việt Nam sẽ phải chịu sức ép từ các doanh nghiệp bị tác động bởi Trụ cột 2. Cùng với đó, nếu Việt Nam không đánh thuế bổ sung, toàn bộ số thu được ưu đãi cho các doanh nghiệp hiện tại sẽ được thu về ngân sách của các quốc gia phát triển có doanh nghiệp đầu tư tại Việt Nam.

Một số kiến nghị và giải pháp

Có thể thấy rằng, thuế tối thiểu toàn cầu là một bài toán mới đối với các quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng khi triển khai. Bài toán này đòi hỏi các quốc gia cần phải kịp thời đề ra các biện pháp nhằm ứng phó với các thách thức, giữ vững lợi thế cạnh tranh trong thu hút nguồn vốn FDI. Để giải được bài toán này, Việt Nam cần chú trọng một số kiến nghị và giải pháp sau:

Thứ nhất, nhanh chóng rà soát, đánh giá phạm vi và mức độ ảnh hưởng của chính sách thuế tối thiểu toàn cầu đối với hoạt động đầu tư tại Việt Nam, từ đó nghiên cứu và xây dựng lộ trình triển khai phù hợp.

Thứ hai, cần sớm ban hành, điều chỉnh các chính sách về thuế, về kế toán cũng như các quy định pháp luật có liên quan. Khẩn trương nghiên cứu, cần thiết nên tổ chức tham vấn lấy ý kiến các doanh nghiệp cũng như các nhà đầu tư để sớm xây dựng và triển khai thuế tối thiểu nội địa (QDMT) đạt chuẩn, đồng bộ, phù hợp thực tiễn của Việt Nam trên cơ sở hướng dẫn của OECD.

Thứ ba, đổi mới cơ chế, chính sách thu hút nguồn vốn FDI theo hướng cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh và đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước với các nhà đầu tư. Chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng, đầu tư công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, cải cách thủ tục hành chính,... thay vì các chính sách ưu đãi về thuế. Chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ, đa dạng hóa thị trường và các nhà đầu tư có tính chiến lược, chọn lọc rõ ràng nhằm tận dụng cơ hội và hạn chế rủi ro tập trung, rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng.

Thứ tư, đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ, chuyển giao công nghệ và thu hút vốn FDI, ODA một cách chủ động.

Tài liệu tham khảo:

Minh Đức (2023), Áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu - Quan trọng nhất là quyền lợi quốc gia, Báo Nhân Dân điện tử, <https://nhandan.vn/ap-dung-thue-toi-thieu-toan-cau-quan-trong-nhat-la-quyen-loi-quoc-gia-post747406.html>, 12/04/2023.

Phương Nga (2023), Thuế tối thiểu toàn cầu: Thời cơ cải thiện môi trường thu hút FDI, Báo điện tử Kinh tế & Đầu tư, <https://kinhtedothi.vn/thue-toi-thieu-toan-cau-thoi-co-cai-thien-moi-truong-thu-hut-fdi.html>, 03/05/2023.

Ánh Tuyết (2023), Chuẩn bị cho “sân chơi” thuế tối thiểu toàn cầu, Tạp chí Kinh tế Việt Nam, <https://vneconomy.vn/chuan-bi-cho-san-choi-thue-toi-thieu-toan-cau.htm>, 24/04/2023.

Áp thuế tối thiểu toàn cầu: Cơ hội trong thách thức, Báo điện tử VTV News, <https://vtv.vn/kinh-te/ap-thue-toi-thieu-toan-cau-co-hoi-trong-thach-thuc-19/04/2023>.

Áp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có đường: Chính sách nhân văn giảm gánh nặng bệnh tật

Nguyễn Thị Hoài - CQ58/09.04

Trong bối cảnh đồ uống có đường đang ngày càng đa dạng về chủng loại, có thể dễ dàng mua với giá thành phù hợp với nhiều tầng lớp dân cư. Người dân đã và đang nhận thức được tác hại của rượu bia, thuốc lá nhưng với đồ uống có đường thì đường như chưa được quan tâm đúng mức. Bằng chứng là tỉ lệ tiêu thụ loại đồ uống này đang gia tăng hàng năm, kéo theo là hệ lụy bệnh tật. Việc áp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có đường là một chính sách nhân văn hướng tới bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giảm gánh nặng bệnh tật. Trong khi đó, doanh nghiệp sẽ không bị phuong hại gì nếu biết điều chỉnh hàm lượng đường phù hợp trong đồ uống.

Thực trạng và tác hại của việc sử dụng đồ uống có đường của người Việt Nam

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) sử dụng khái niệm đồ uống có đường là tất cả các loại đồ uống có chứa đường tự do, gồm có: Nước ngọt không chứa cồn có ga hoặc không có ga; nước ép trái cây/rau củ, đồ uống từ trái cây/rau củ, dưới dạng đồ uống; chất cô đặc dạng lỏng và bột, nước có pha chế hương liệu; nước tăng lực; đồ uống cho người chơi thể thao; trà pha sẵn; cà phê pha sẵn và đồ uống sữa có pha chế hương liệu.

Theo Tổ chức y tế Thế giới (WHO), tác hại của việc tiêu thụ đồ uống có đường quá mức không chỉ làm tăng nguy cơ sâu răng, mà còn làm tăng nhanh mức calor trong khẩu phần, vì đánh lừa cảm giác no, tăng nguy cơ thừa cân và béo phì ở cả người lớn và trẻ em, tăng nguy cơ mắc bệnh tiểu đường тип 2..., đồ uống có đường có thể mang lại cảm giác sảng khoái, ăn ngon miệng hơn và ăn được nhiều hơn, chính vì thế càng được giới trẻ ưa chuộng. Theo một báo cáo về tiêu thụ đồ uống có đường của Việt Nam, học sinh từ 13 - 17 tuổi uống nước ngọt có ga ít nhất 1 lần/ngày tăng từ 31,7% lên tới gần 34%.

Có nhiều nguyên nhân người Việt Nam tiêu thụ ngày càng nhiều đồ uống có đường, trong đó có 3 nguyên nhân chính là lối sống thay đổi, mức sống tăng lên và quảng cáo tràn lan trong khi kiến thức về đồ uống có đường chỉ dừng lại ở những người làm chuyên môn dinh dưỡng, y tế, chưa được phổ biến rộng trong cộng đồng.

Ảnh hưởng của việc áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt với đồ uống có đường

*Đối với người dân

Việc áp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có đường góp phần giảm gánh nặng bệnh tật, nhất là bệnh béo phì. Đây là một chính sách thể hiện giá trị nhân văn khi bảo vệ sức khỏe cho cộng đồng, đặc biệt nhóm yếu thế là trẻ em. Điều này sẽ thay đổi thói quen

tiêu dùng đồ uống có đường ở người dân cũng như trong các gia đình giúp người dân tiếp cận với các sản phẩm lành mạnh hơn, nâng cao sức khỏe cộng đồng.

*Đối với doanh nghiệp

Doanh nghiệp sẽ không bị phương hại gì với tác động của chính sách thuế này nếu biết điều chỉnh hàm lượng đường phù hợp trong đồ uống. Điều này cho thấy, chính sách thuế đã hạn chế được lượng đường tiêu thụ quá mức, giảm thiểu tác hại của đường tới sức khỏe mà không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có thể điều chỉnh, sắp xếp bố trí hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa đảm bảo vừa ổn định sản xuất, vừa đóng góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước, vừa hạn chế tiêu thụ sử dụng đồ uống có đường nhập lậu, nguồn gốc không rõ ràng kém chất lượng, tránh thất thu thuế, đồng thời góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

*Đối với Nhà nước

Việc áp thuế đối với đồ uống có đường trong Dự thảo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi được Quốc hội thông qua, nguồn thu ngân sách sẽ tăng lên, ước tính khoảng 5.300 tỷ đồng đến 13.500 tỷ đồng, tùy vào mức áp thuế. Đây là nguồn lực quan trọng để bổ sung cho việc nâng cao sức khỏe, các vấn đề an ninh - xã hội và các đe án khắc phục hậu quả sau COVID-19. Đây là một biện pháp hữu hiệu và khả thi để giảm mua đồ uống có đường và góp phần giảm gánh nặng thừa cân, béo phì và giảm các bệnh không lây nhiễm liên quan đến chế độ ăn uống. Việc sử dụng chính sách thuế để bảo vệ sức khỏe cộng đồng là cần thiết. Tuy nhiên, Nhà nước cũng cần nhắc về lộ trình hợp lý để có biện pháp hiệu quả trong từng giai đoạn. Trong đó, cần lưu ý một số vấn đề sau:

Thứ nhất, dự thảo Luật Thuế TTĐB cần đưa ra những khái niệm và quy định cụ thể để quá trình triển khai luật được thông suốt, hạn chế tối đa tình trạng doanh nghiệp không biết sản phẩm của mình có thuộc diện chịu thuế TTĐB hay không.

Thứ hai, Nhà nước cần chọn ra các sản phẩm cụ thể để thí điểm với mức áp thuế từ thấp đến cao theo hướng điều tiết. Và lựa chọn cách thức áp thuế phù hợp như theo giá trị tuyệt đối hay tương đối hoặc kết hợp như đã nói trên.

Thứ ba, có thể cân nhắc việc nguồn ngân sách thu được phục vụ cho các vấn đề về y tế và an sinh xã hội. Điều này cũng phù hợp với mục tiêu của Bộ Tài chính đưa ra là góp phần nhằm nâng cao sức khỏe của người dân. Các cơ quan chức năng cần phân tích, đánh giá cụ thể sức khoẻ nền kinh tế hiện nay và trong ngắn hạn, trung hạn tương lai để có phương án đưa ra lộ trình. Ngoài ra, các cơ quan có chức năng kiểm tra nên phối hợp nhau để đưa ra nhận định về mức độ tác động của đồ uống có đường được sản xuất với quy mô công nghiệp đối với sức khỏe.

Tài liệu tham khảo:

<https://tapchitaichinh.vn/ap-thue-tieu-thu-dac-biet-doi-voi-do-uong-co-duong-chinh-sach-nhan-van-giam-ganh-nang-benh-tat.html>

<https://vtv.vn/suc-khoe/tac-hai-cua-do-uong-co-duong-20190724234544642.htm>

<https://soha.vn/nguoiviet-uong-do-uong-co-duong-gap-10-lan-sau-2-thap-nien-2022070709233527.htm>

Blockchain trong kế toán, kiểm toán cơ hội hay thách thức

Cao Ngọc Minh Trang - CQ58/32.01

Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 với nòng cốt là chuyển đổi số, đã và đang tác động đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Không nằm ngoài dòng chảy đó, lĩnh vực kế toán, tài chính cũng đang chịu tác động mạnh mẽ trên nhiều phương diện. Đặc biệt là những lĩnh vực luôn luôn đòi hỏi sự nhanh và chính xác cao như kế toán, kiểm toán. Công nghệ ngày càng phát triển, đi đôi với sự phát triển của công nghệ số, AI và nhất là sự xuất hiện của công nghệ Blockchain đã và đang có những ảnh hưởng lớn tới nhân sự ngành này. Bài viết nêu lên được thực trạng cũng như các cơ hội, thách thức của ứng dụng công nghệ Blockchain trong kế toán, kiểm toán. Từ đó phân tích và đưa ra giải pháp giúp phát triển việc ứng dụng công nghệ Blockchain trong kế toán, kiểm toán trong bối cảnh hội nhập và công nghệ số hiện nay.

Cơ sở lý thuyết về Công nghệ Blockchain

Blockchain là một cơ sở dữ liệu phân cấp lưu trữ thông tin trong các khối (block) được liên kết với nhau bằng mã hóa và mở rộng theo thời gian để tạo thành một chuỗi (chain). Mỗi khối trong Blockchain sẽ được liên kết với khối trước đó, chứa thông tin về thời gian khởi tạo khối đó kèm một mã thời gian và dữ liệu giao dịch. Hiểu đơn giản, Blockchain có thể được xem là một cuốn sổ cái điện tử được phân phối trên nhiều máy tính khác nhau, lưu trữ mọi thông tin giao dịch và đảm bảo các thông tin đó không thể bị thay đổi dưới bất kỳ hình thức nào.

Theo khía cạnh kế toán kiểm toán, Blockchain là một công nghệ cho phép truyền tải dữ liệu một cách an toàn, minh bạch dựa vào hệ thống mã hóa vô cùng phức tạp, tương tự như cuốn sổ cái kế toán hoạt động trong lĩnh vực kỹ thuật số. Các bên tham gia chỉ cần xây dựng một mạng sổ cái chia sẻ tất cả thông tin giao dịch, khi một thành viên cập nhật thông tin thì tất cả các thành viên còn lại được phép xem và đọc.

Các đặc điểm nổi bật của Công nghệ Blockchain:

- *Không thể làm giả, không thể phá hủy các chuỗi Blockchain*: theo như lý thuyết thì chỉ có máy tính lượng tử mới có thể giải mã Blockchain và công nghệ Blockchain biến mất khi không còn Internet trên toàn cầu.

- *Bất biến*: dữ liệu trong Blockchain không thể sửa (có thể sửa nhưng sẽ để lại dấu vết) và sẽ lưu trữ mãi mãi.

- *Bảo mật*: Các thông tin, dữ liệu trong Blockchain được phân tán và an toàn tuyệt đối.

- *Minh bạch*: Ai cũng có thể theo dõi dữ liệu Blockchain đi từ địa chỉ này tới địa chỉ khác và có thể thống kê toàn bộ lịch sử trên địa chỉ đó.

- *Hợp đồng thông minh*: là hợp đồng kỹ thuật số được nhúng vào đoạn code if-this-then-that (IFTTT), cho phép chúng tự thực thi mà không cần bên thứ ba.

Thực trạng ứng dụng công nghệ Blockchain trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán

Nếu như trong hoạt động kế toán thông thường, một nhân viên kế toán cần phải ghi bút toán kép thì Blockchain chỉ cần một bút toán có thể cung cấp thông tin cho tất cả các bên mà không lo về tính xác thực. Hồ sơ kế toán sẽ không thể sửa chữa, thay đổi một khi đã được lưu vào Blockchain, ngay cả khi chủ sở hữu hệ thống kế toán yêu cầu. Bởi trên nền tảng Blockchain, mọi giao dịch hàng ngày được ghi chép lại và xác thực, do đó tính vẹn toàn của các hồ sơ tài chính được đảm bảo. Theo số liệu từ Nasdaq, cho đến nay có 4 tổ chức kiểm toán hàng đầu thế giới bao gồm PwC, Deloitte, Ernst & Young và KPMG đều đã thành lập ban nghiên cứu về Blockchain và những ứng dụng của công nghệ này trong ngành kế toán, kiểm toán. Các doanh nghiệp lớn về công nghệ tại Việt Nam cũng tiên phong trong ứng dụng công nghệ Blockchain: Viettel, TMA Solution, FPT, MISA, ...

Có thể kể tới, MISA đã xây dựng và đưa vào áp dụng thực tế tại các doanh nghiệp phần mềm hóa đơn điện tử MeInvoice.vn. Tiếp nối ứng dụng công nghệ này cũng được Công ty cổ phần công nghệ Vakaxa triển khai thực hiện. Nhờ đó, tính bảo mật thông tin tại các doanh nghiệp gia tăng, chi phí mua giảm thiểu; người mua nhận chứng từ một cách nhanh chóng; cơ quan thuế có thể tra cứu và kiểm tra dễ dàng,... Ứng dụng dịch vụ kết nối ngân hàng điện tử dựa trên nền tảng blockchain được tích hợp trong phần mềm kế toán Misa. Với ứng dụng này, việc lưu trữ thông tin thay đổi trạng thái của giao dịch trong blockchain đảm bảo tính công khai của thông tin trong các giao dịch, phục vụ mục đích đối soát sau này thông qua mối quan hệ giữa 3 bên DN (kế toán, kế toán trưởng, giám đốc) - lập lệnh giao dịch, kiểm tra giao dịch và phê duyệt giao dịch; ngân hàng chi trả - thực hiện giao dịch và ngân hàng hưởng thụ - xác nhận giao dịch).

Bên cạnh đó, các nền tảng ứng dụng khác trong kế toán trên blockchain cũng được các công ty công nghệ và phần mềm tại Việt Nam triển khai nghiên cứu như dự án về Hợp đồng thông minh (smart contract - tối ưu hóa về thời gian, chi phí và tính an toàn thông tin), Hệ thống thông tin kế toán ghi ba (A triple entry Accounting information system) - với sự liên kết chặt chẽ các bước trong đoạn thực hiện từ dữ liệu đầu vào đến hệ thống xử lý ERP và các ứng dụng được tích hợp trong quá trình thực hiện.

Áp dụng công nghệ Blockchain, doanh nghiệp có thể quản lý tài sản, lao động ở mọi nơi, mà không cần trực tiếp có mặt tại nơi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hay có mặt tại doanh nghiệp. Nghề kế toán cũng không còn bó hẹp trong phạm vi một doanh nghiệp, một đất nước, mà có thể hành nghề kế toán trên toàn cầu, khi con người có thể đáp ứng yêu cầu về ngôn ngữ, trình độ và am hiểu pháp luật và chuẩn mực kế toán, kiểm toán quốc tế. Blockchain sở hữu tính năng đặc biệt đó là truyền tải dữ liệu không đòi hỏi một trung gian để xác nhận thông tin. Thông tin trong Blockchain không thể bị thay đổi và chỉ được bổ sung thêm khi có sự đồng thuận của tất cả các nút trong hệ thống. Đây là một hệ thống bảo mật an toàn cao trước khả năng bị đánh cắp dữ liệu. Ngay cả khi một phần của hệ thống Blockchain sụp đổ, những máy tính và các nút khác sẽ tiếp tục bảo vệ thông tin và giữ cho mạng lưới tiếp tục hoạt động.

Những tác động tích cực của việc ứng dụng công nghệ Blockchain trong ngành Kế toán - Kiểm toán

Từ những đặc điểm nổi bật và tính năng nổi trội của mình, việc ứng dụng công nghệ Blockchain đã giúp cho ngành kế toán, kiểm toán có những thay đổi tích cực. Do tính bảo mật cao và tính bất biến của dữ liệu (không thể sửa đổi). Blockchain có nhiều tác động tích cực như:

Một là, cải thiện hiệu quả, Blockchain thiết kế thông minh để trở thành một cơ sở lưu trữ dữ liệu đầy đủ và nhanh. Việc nhận dữ liệu vào và đưa dữ liệu ra khỏi hệ thống có thể được thực hiện hiệu quả hơn so với việc tương tác với các ứng dụng phần mềm kế toán cũ.

Hai là, giảm thiểu tỉ lệ lỗi do con người, việc xảy ra lỗi khi sử dụng Blockchain là thường chỉ ở bước nhập dữ liệu. Một khi dữ liệu nằm trong chuỗi, hợp đồng thông minh sẽ làm cho nhiều chức năng kế toán trở nên tự động từ đó giảm lỗi do con người ở các khâu tính toán này.

Ba là, giúp giảm chi phí, việc tăng hiệu quả và giảm lỗi trong bất kỳ hệ thống nào cũng sẽ giúp giảm chi phí. Các công ty có thể tiết kiệm chi phí hơn so với các hệ thống kế toán thông thường.

Bốn là, giảm việc gian lận, tính bất biến của Blockchain khiến cho việc xử lý gian lận bằng cách sử dụng chung một nền tảng. Việc này gây ra khó khăn lớn khi muốn sửa đổi một bản ghi, vì chỉ một thay đổi đó cùng sẽ phải được thực hiện trên tất cả các bản sao của sổ cái phân tán cùng một lúc, điều này rất không khả thi.

Năm là, giúp cải thiện việc tuân thủ quy định, việc bảo mật được cải thiện do ứng dụng Blockchain có thể đơn giản hóa rất nhiều gánh nặng của một cơ quan về việc đáp ứng các yêu cầu quy định, giúp các công ty dễ dàng tuân thủ hơn.

Sáu là, giúp giảm lượng công việc của kiểm toán viên, thông qua sức mạnh của hợp đồng thông minh, nhiều chức năng kiểm toán có thể được tự động hóa, giảm thời gian kiểm toán viên cần phải xem xét hồ sơ. Hơn nữa, khả năng truy nguyên nguồn gốc được tích hợp trong Blockchain giúp cho việc kiểm toán nhanh chóng và dễ dàng.

Những thách thức khi ứng dụng công nghệ Blockchain trong ngành Kế toán - Kiểm toán

Những tác động tích cực mà công nghệ Blockchain mang lại cho ngành kế toán, kiểm toán là không thể phủ định, nhưng bên cạnh những mặt tích cực cũng là những thách thức không nhỏ, ta có thể được chia thành 2 loại chính: kỹ thuật và phi kỹ thuật như sau:

Thứ nhất, về mặt kỹ thuật hầu hết các phần mềm kế toán không tương thích với công nghệ Blockchain. Vì vậy, ngay cả khi đã sẵn sàng đưa công ty của mình ứng dụng Blockchain trong kế toán, phần mềm lưu giữ hồ sơ của công ty có thể không thích ứng. Ngoài ra việc ứng dụng Blockchain đòi hỏi các doanh nghiệp phải bỏ ra mức chi phí ban đầu cao hơn vì nó sẽ yêu cầu mua các dịch vụ kế toán dựa trên các điện toán đám mây đã có sẵn và có thể thuê một nhà phát triển Blockchain để tạo giao diện người dùng tùy chỉnh cho công ty của bạn.

Thứ hai, về tác động phi kỹ thuật có thể kể tới việc trong khuôn khổ pháp lý cho ứng dụng Blockchain tại Việt Nam mới chỉ mang tính thử nghiệm, nên vẫn còn gây khó khăn cho các doanh nghiệp muốn tiên phong thay đổi.

Ngoài ra, chắc chắn khi ứng dụng Blockchain vào kế toán sẽ xảy ra sự gián đoạn. Công nghệ sổ cái phân tán chắc chắn sẽ buộc các kế toán viên thay đổi cách họ làm việc và theo những cách mà chúng ta chưa thể thấy trước.

Một số giải pháp giúp tăng cường ứng dụng công nghệ Blockchain trong ngành Kế toán - Kiểm toán

Thứ nhất, ứng dụng Blockchain trên các phần mềm kế toán.

Hiện nay, việc sử dụng phần mềm kế toán trong hoạt động không còn xa lạ với các doanh nghiệp Việt Nam. Việc kết hợp công nghệ Blockchain trên các phần mềm kế toán sẽ giúp công tác kế toán tại các doanh nghiệp tối ưu hóa tính bảo mật, an toàn và minh bạch của các thông tin kế toán. Đồng thời cải tiến, nghiên cứu các tính năng để giúp giảm thiểu sự không tương thích với các phần mềm kế toán cũ để các doanh nghiệp dễ dàng chuyển đổi.

Thứ hai, xây dựng các công ty cung cấp ứng dụng công nghệ Blockchain trong kế toán, kiểm toán.

Thời gian gần đây, nhiều doanh nghiệp bắt đầu quan tâm đến việc áp dụng Blockchain, hiểu rõ những tích cực nó mang lại và muốn triển hành ứng dụng nhưng thực tế hiện nay, công cụ lập trình của các dự án Blockchain còn hạn chế, gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc hiện thực hóa các ý tưởng ứng dụng. Các dự án Blockchain tiên tiến cần giải quyết vấn đề này, cần những công cụ lập trình hoàn chỉnh để hỗ trợ các nhà phát triển ứng dụng. Với mục tiêu phá vỡ các rào cản trong việc ứng dụng công nghệ Blockchain trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán cho các DN, cần có các tổ chức chuyên nghiệp để cung cấp các dịch vụ, nền tảng công nghệ và công cụ để hỗ trợ các DN truyền thống tại Việt Nam tiếp cận công nghệ Blockchain một cách an toàn, nhanh chóng và hiệu quả nhất.

Thứ ba, cập nhật công nghệ Blockchain cho các kế toán viên, kiểm toán viên thông qua các chương trình đào tạo.

Để có thể ứng dụng công nghệ này trong lĩnh vực kế toán, điều tiên quyết trước nhất phải là giúp các kế toán viên am hiểu về ứng dụng này như Viện Kế toán công chứng Anh và xứ Wales đã đưa Blockchain và một số xu hướng công nghệ then chốt khác vào nội dung đào tạo của mình.

Ngoài ra, các kế toán viên, kiểm toán viên phải cập nhật xu hướng của những thay đổi này đối với ngành; làm quen với các khái niệm mới, như: dữ liệu lớn (Big Data), mật mã, hệ thống số cái (Blockchain), hệ thống thanh toán, thanh toán qua các thiết bị di động và các nền tảng mới kết nối giữa các nhà cung cấp với người sử dụng dịch vụ tài chính. Từ đó tạo lợi thế cạnh tranh cho bản thân trong lĩnh vực kế toán tại thị trường lao động tương lai, ngoài những kiến thức chuyên môn, cần cập nhật những thông tin về công nghệ, cũng như những ứng dụng mới vào trong môi trường làm việc của ngành.

Thứ tư, Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền có thể lắng nghe, xem xét và đưa ra các khuôn khổ pháp lý rộng mở hơn cho việc ứng dụng Blockchain trong kế toán, kiểm toán tại Việt Nam.

Với một chính sách cởi mở, tạo nhiều thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc ứng dụng các công nghệ mới của Chính phủ sẽ giúp cho các công ty có thể sẵn sàng chuyển đổi hơn, ít gặp khó khăn về mặt công nghệ và tài chính. Từ đó sẽ có nhiều hơn các doanh nghiệp ứng dụng Blockchain trong kế toán, kiểm toán, từ đó tạo nên một hệ thống các chuỗi công ty cùng sử dụng, điều này giúp các doanh nghiệp trong và ngoài nước dễ liên kết, trao đổi với nhau đồng thời giúp giảm mức chi phí ứng dụng ban đầu vì đã có nhiều hơn các công ty cùng gia nhập.

Tài liệu tham khảo:

Trương Thị Anh Đào (2022), “Công Nghệ Blockchain - cơ hội và thách thức trong lĩnh vực kế toán”, bài đăng trên Bản tin thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Bình - số 1/2020.

ThS. Lê Minh Thành (2022), “Ứng dụng công nghệ blockchain trong ngành Kế toán - Kiểm toán”, bài đăng trên Tạp chí Công Thương <https://taphicongthuong.vn/bai-viet/ung-dung-cong-nghe-blockchain-trong-nganh-ke-toan-kiem-toan-86821.htm>

Bùi Thị Thu (2019), Triển vọng ứng dụng công nghệ Blockchain trong kế toán kiểm toán ở Việt Nam hiện nay https://www.researchgate.net/publication/351361463_Trien_vong_ung_dung_cong_nghe_Blockchain_trong_ke_toan_kiem_toan_o_Viet_Nam_hien_nay

Vai trò của công nghệ trí tuệ nhân tạo trong kế toán, kiểm toán

Đỗ Nguyễn Lan Anh - CQ58/21.06CLC
Lê Thanh Thanh Vy - CQ59/21.01CLC

Công nghệ trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligent) trong Kế toán, Kiểm toán hiện nay được coi là một lĩnh vực mới. Công nghệ trí tuệ nhân tạo là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp máy tính có thể tự động hóa các hành vi thông minh như con người. Sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) mang lại hiểu biết có giá trị tăng thêm giúp cho việc hình thành các giả định về định hướng cho tương lai. Chuỗi nhận thức tiến bộ, sử dụng các thuật toán máy móc tự học: Ví dụ nhập dữ liệu đầu vào vào các số kê toán của một công ty dẫn đến chuỗi nhận thức tiến bộ của máy dựa trên dữ liệu đã có và tự phân tích xu hướng về chi phí, doanh thu, tiền... AI có thể cho phép phân tích rộng hơn và khả năng cải tiến việc xác định xu hướng theo thời gian khi các thuật toán máy móc tự học và nhiều dữ liệu hơn. Dữ liệu lớn hơn tạo ra nhiều thông tin đầu vào hơn về khách hàng, giá, cơ cấu chi phí; Cho phép các kế toán viên, kiểm toán viên có nhiều thông tin đầu vào yếu tố tạo ra giá trị tương lai cho công ty, hơn là chỉ dựa vào kết quả thực hiện được báo cáo trong quá khứ. AI có thể làm những công việc thủ công của kế toán, kiểm toán như thu thập, xử lý, tính toán số liệu. Có thể đánh giá rằng, Công nghệ trí tuệ nhân tạo dù không thay thế được hoàn toàn con người nhưng nó đang làm thay đổi rất lớn đến môi trường, hoàn cảnh, hiệu quả của hoạt động kế toán, kiểm toán.

Đặt vấn đề

Mặc dù các kỹ thuật trí tuệ nhân tạo như học máy không phải là mới, và tốc độ thay đổi nhanh chóng, việc áp dụng rộng rãi trong kinh doanh và kế toán vẫn còn ở giai đoạn đầu. Để xây dựng tầm nhìn tích cực về tương lai, chúng ta cần phát triển sự hiểu biết sâu sắc về cách trí tuệ nhân tạo có thể giải quyết các vấn đề kế toán và kinh doanh, những thách thức thực tế và kế toán kỹ năng cần phải làm việc cùng với các hệ thống thông minh.

Phương pháp nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu áp dụng phương pháp phép biện chứng duy vật và cơ sở phương pháp luận.

Kết quả và thảo luận

Lý luận chung về trí tuệ nhân tạo

Trí tuệ nhân tạo hay trí thông minh nhân tạo (tên tiếng Anh: *artificial intelligence* hay *machine intelligence*, thường được viết tắt là **AI**) là trí tuệ được biểu diễn bởi bất cứ một hệ thống nhân tạo nào. Thuật ngữ này thường dùng để nói đến các máy tính có mục

đích không nhất định và ngành khoa học nghiên cứu về các lý thuyết và ứng dụng của trí tuệ nhân tạo.

Tuy rằng trí thông minh nhân tạo có nghĩa rộng như là trí thông minh trong các tác phẩm khoa học viễn tưởng, nó là một trong những ngành trọng yếu của tin học. Trí thông minh nhân tạo liên quan đến cách cư xử, sự học hỏi và khả năng thích ứng thông minh của máy móc. Các ví dụ ứng dụng bao gồm các tác vụ điều khiển, lập kế hoạch và lập lịch (*scheduling*), khả năng trả lời các câu hỏi về chẩn đoán bệnh, trả lời khách hàng về các sản phẩm của một công ty, nhận dạng chữ viết tay, nhận dạng tiếng nói và khuôn mặt. Bởi vậy, trí thông minh nhân tạo đã trở thành một môn học, với mục đích chính là cung cấp lời giải cho các vấn đề của cuộc sống thực tế. Ngày nay, các hệ thống nhân tạo được dùng thường xuyên trong kinh tế, y dược, các ngành kỹ thuật và quân sự, cũng như trong các phần mềm máy tính thông dụng trong gia đình và trò chơi điện tử.

Các nhà nghiên cứu đầu tiên đã phát triển các thuật toán bắt chước theo lý luận từng bước mà con người sử dụng khi giải quyết các câu đố hoặc đưa ra các phương pháp loại trừ logic. Vào cuối những năm 1980 và 1990, nghiên cứu về AI đã phát triển các phương pháp xử lý thông tin không chắc chắn hoặc không đầy đủ, sử dụng các khái niệm từ xác suất và kinh tế.

Đối với những vấn đề khó, các thuật toán bắt buộc phải có phần cứng đủ mạnh để thực hiện phép tính toán không lò - để trải qua "vụ nổ tổ hợp": lượng bộ nhớ và thời gian tính toán có thể trở nên vô tận nếu giải quyết một vấn đề khó. Mức độ ưu tiên cao nhất là tìm kiếm các thuật toán giải quyết vấn đề.

Con người thường sử dụng các phán đoán nhanh và trực quan chứ không phải là phép khái trừ từng bước mà các nghiên cứu AI ban đầu có thể mô phỏng. AI đã tiến triển bằng cách sử dụng cách giải quyết vấn đề "biểu tượng phụ": cách tiếp cận tác nhân được thể hiện nhân mạnh tầm quan trọng của các kỹ năng cảm biến động đến lý luận cao hơn; nghiên cứu mạng thần kinh có gắng để mô phỏng các cấu trúc bên trong não làm phát sinh kỹ năng này. Các phương pháp tiếp cận thống kê đối với AI bắt chước khả năng của con người.

Thực trạng của việc áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong kế toán, kiểm toán

Hiện nay, trên thế giới những công ty, doanh nghiệp áp dụng AI vào trong Kế toán, Kiểm toán còn rất ít. Tuy nhiên, ban đầu đã có những khai thác đáng kể.

Smacc, một công ty phần mềm có trụ sở tại Đức, sử dụng trí thông minh nhân tạo để giúp các dịch giả tự do, các công ty nhỏ và doanh nghiệp cỡ trung bình tự động hóa hệ thống kế toán và báo cáo tài chính của họ. Họ đã nhận được 3,5 triệu đô la trong Series A tài trợ từ nhiều nhà đầu tư mạo hiểm, nhà đầu tư thiên thần cao cấp và những người sáng lập đã phát triển khái niệm này sau khi gặp khó khăn với kế toán trong giai đoạn đầu của công ty khởi nghiệp của riêng họ.

Các khách hàng Smacc truyền các biên lai của họ, sau đó được chuyển đổi thành dạng có thể đọc được bằng máy. Biên lai được phân bổ vào tài khoản thích hợp sau khi mã

hóa. Theo thời gian, hệ thống tự dạy mình để cải thiện các chức năng của mình: bán hàng, chi phí, quản lý hóa đơn và hồ sơ thanh khoản.

Tự học và cải thiện: Phần mềm sử dụng hơn 60 điểm dữ liệu để xem lại hóa đơn và hóa đơn. Nó kiểm tra xem toán học có chính xác hay không và xác minh xem nhà phát hành có đúng hay không với các chi tiết như số nhận dạng Thuế giá trị gia tăng (VAT). Khi phần mềm đã học cách xử lý từng nhà cung cấp, các tác vụ sau đó sẽ được xử lý tự động. Trí thông minh nhân tạo của nó cho phép nó tự học và không ngừng cải thiện khả năng sắp xếp và phân bổ thông tin. Khách hàng có thể kiểm tra dữ liệu thanh toán và chi phí của họ trong thời gian thực trực tuyến và không còn phải nhập dữ liệu hoặc chờ đợi cho đến cuối tháng để xem tài chính của họ đúng ở đâu. Một số công ty, chẳng hạn như QuickBooks, cung cấp phần mềm kế toán dựa trên đám mây, nhưng Smacc là một trong những công ty đầu tiên tận dụng trí tuệ nhân tạo để cải thiện khả năng tự động hóa các nhiệm vụ của phần mềm.

Sự trỗi dậy của AI: Thế giới kế toán chỉ là mới nhất trong một loạt các ngành công nghiệp bị ảnh hưởng bởi sự gia tăng nhanh chóng trong việc sử dụng trí tuệ nhân tạo. Bill Gates thậm chí còn gọi sự trỗi dậy của trí tuệ nhân tạo là "Chén thánh" của khoa học máy tính. Sau nhiều nỗ lực thất bại trong quá khứ, độ chính xác và tốc độ của trí tuệ nhân tạo ngày nay đã được cải thiện rất nhiều. Bạn không thể đi một ngày mà không có ai đó trên nguồn cấp dữ liệu Facebook của bạn chia sẻ một bài viết về trí tuệ nhân tạo và cách nó sẽ đảm nhận công việc của bạn trong vài năm tới, nhưng những lo ngại này không phải là mới. Những nỗi sợ hãi tương tự đã đi đầu trong tâm trí của mọi người khi các nhà máy lan rộng khắp nước Anh 200 năm trước. Robot đã được sử dụng trên khắp nhà, nơi làm việc và trung tâm giải trí của chúng tôi và trong 10 năm tới, Forrester Research ước tính rằng AI sẽ đảm nhận tới 16% công việc tại Hoa Kỳ. Google tin rằng robot sẽ đạt được mức độ thông minh của con người vào năm 2029 và Gartner ước tính rằng 33% tất cả các ngành nghề sẽ được thực hiện bởi robot thông minh vào năm 2025. FOW dự đoán 5 lĩnh vực sẽ cảm thấy tác động mạnh nhất: chăm sóc sức khỏe, sản xuất, vận chuyển, dịch vụ khách hàng và tài chính.

Kiểm tra thực tế: Với tất cả những gì đã nói, kế toán nhiều khả năng không phải lo lắng về trí tuệ nhân tạo trong một thời gian dài. Smacc đang phát triển các ứng dụng AI thú vị để giúp tự động hóa và sắp xếp hợp lý hơn các nhiệm vụ kế toán và các gói phần mềm kế toán dựa trên đám mây như QuickBooks cho biết chúng đã được tự động hóa 75%. Điều đó nói rằng, kế toán viên chuyên nghiệp làm nhiều hơn là theo dõi các khoản thu và cung cấp các báo cáo cơ bản. Họ đóng vai trò là nhà tư vấn tư vấn về lập kế hoạch thuế, thảo luận về hoạt động, xem xét các mục tiêu của khách hàng và hơn thế nữa. Tốc độ thay đổi nhanh chóng trong các ngành công nghiệp của khách hàng và mở rộng các quy định phức tạp có nghĩa là các dịch vụ điều khiển của con người sẽ cần thiết để đảm bảo các yêu cầu tuân thủ được đáp ứng và kiểm soát tài chính là đúng đắn.

Nhiều quốc gia: Điều này đặc biệt đúng đối với các công ty hoạt động ở nhiều quốc gia. Rất khó để xử lý thuế ở nước bạn, nhưng ý nghĩa của mã số thuế và các quy định kinh

doanh ở một số nước ngoài là rất khó khăn. Các robot AI đã sẵn sàng để đối phó với mạng lưới các quy định rầm rộ liên quan đến Liên minh châu Âu hay các yêu cầu tuân thủ của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)? Không có thuật toán trí tuệ nhân tạo nào có thể phân loại các tương tác phức tạp này hiện đang tồn tại.

Những thách thức bối cảnh: Học máy có thể được đào tạo để xử lý một loạt các nhiệm vụ tuyệt vời nếu bạn cung cấp cho nó đủ các ví dụ đủ rộng để rút ra. Các nhà khoa học dữ liệu không chắc chắn chính xác làm thế nào điều này xảy ra. Toán học rất phức tạp, thật khó để thiết kế lại nó để xem hệ thống học như thế nào, điều này khiến cho việc chẩn đoán các vấn đề trở nên khó khăn. AI có thể làm những điều tuyệt vời, nhưng nó không tốt lắm trong nhiều thứ mà con người làm một cách tự nhiên. Chúng tôi đưa ra rất nhiều quyết định dựa trên bối cảnh. Các dịch vụ điều khiển chuyên nghiệp hiểu các quy tắc và quy định mà khách hàng của họ phải tuân thủ và họ có thể trình bày các tùy chọn và đề xuất theo cách mà khách hàng có thể hiểu.

Các hệ thống máy học ngày nay không xử lý tốt loại bối cảnh này. Các nhà tương lai học đã tuyên bố những lợi ích của AI trong nhiều thập kỷ nay, mô tả những thế giới tuyệt vời nơi robot làm cho cuộc sống hàng ngày của bạn trở nên dễ dàng và thư giãn. Tương lai đó có thể ở đây nhanh hơn bạn nghĩ, nhưng hiện tại, các dịch vụ kế toán thuê ngoài có một lợi thế là các thuật toán tiên tiến nhất không thể sao chép liên lạc với con người.

Vai trò của trí tuệ nhân tạo đối với con người trong kế toán, kiểm toán

AI sẽ thay đổi rất lớn vai trò của người làm kế toán - kiểm toán trong tương lai. Vai trò của chuyên gia kế toán, kiểm toán trong thời đại trí tuệ nhân tạo không phải chỉ là ghi chép sổ sách, mà là đưa ra các quyết định chính xác và giúp cho doanh nghiệp phát triển thịnh vượng, cũng như đảm bảo trách nhiệm giải trình của những người có liên quan

Thay vì loại bỏ lực lượng lao động của con người trong các công ty kế toán, con người sẽ có những đồng nghiệp mới. Công nghệ trí tuệ nhân tạo, những người sẽ kết hợp với họ để cung cấp các dịch vụ hiệu quả và hiệu quả hơn cho khách hàng. Hiện tại, không có sự thay thế máy móc cho các yêu cầu về trí tuệ cảm xúc của công việc kế toán, nhưng máy móc có thể học cách thực hiện các nhiệm vụ dư thừa, lặp lại và thường xuyên rất tốn thời gian. Dưới đây là một số khả năng:

Kiểm toán để trình chi phí: Trí tuệ nhân tạo có thể tìm hiểu chính sách chi phí của công ty, đọc biên lai và yêu cầu kiểm toán chi phí kiểm toán để đảm bảo tuân thủ và chỉ xác định và chuyển tiếp các yêu cầu đúng đắn cho con người để phê duyệt. Nếu không, Trí tuệ nhân tạo có thể xử lý phần lớn nhiệm vụ này.

Xóa thanh toán hóa đơn: Ngày nay, khi khách hàng gửi thanh toán có thể kết hợp nhiều hóa đơn hoặc không khớp với bất kỳ hóa đơn nào trong hệ thống kế toán, sẽ rất tốn thời gian để nhân viên tài khoản phải thu áp dụng thanh toán chính xác mà không gọi điện cho khách hàng hoặc cố gắng xác định sự kết hợp đúng của hóa đơn. Tuy nhiên, công nghệ trí tuệ nhân tạo thông minh có thể phân tích các hóa đơn có thể và có thể khớp số tiền đã

thanh toán với sự kết hợp đúng của hóa đơn, xóa các khoản thanh toán ngắn hoặc tự động tạo hóa đơn để phản ánh khoản thanh toán ngắn mà không cần sự can thiệp của con người.

Đánh giá rủi ro: Trí tuệ nhân tạo có thể tạo điều kiện lập bản đồ đánh giá rủi ro bằng cách lấy dữ liệu từ mọi dự án mà một công ty đã từng hoàn thành để so sánh nó với một dự án được đề xuất. Đánh giá rất toàn diện này sẽ là không thể cho con người thực hiện trên quy mô này và theo một mốc thời gian tương tự.

Tính toán phân tích: Bộ phận kế toán liên tục bị cấm với các câu hỏi tương tự như, doanh thu của chúng tôi cho sản phẩm này trong quý ba năm ngoái là gì? Hay bộ phận này đã phát triển như thế nào trong 10 năm qua? để trả lời những câu hỏi này rất nhanh

Giao diện loại Siri cho tài chính doanh nghiệp: Pegg, một ứng dụng hoạt động với ứng dụng nhắn tin, Slack, đã hiển thị những gì có thể về mặt tạo hóa đơn, trả lời các câu hỏi về dự báo doanh thu và trạng thái tài khoản chi phí. Ứng dụng này cũng như các giao diện trò chuyện khác có tiềm năng rất lớn để phá vỡ kế toán và thực hiện một số nhiệm vụ đơn giản như trò chuyện.

Phân loại hóa đơn tự động: Công ty phần mềm kế toán Xero đang triển khai một hệ thống tự động hóa học máy có thể học theo thời gian cách phân loại hóa đơn, một việc hiện đang yêu cầu cầu kế toán làm thủ công.

Kết luận

Trí tuệ nhân tạo có thể làm điều mà con người khó có thể làm. Tuy nhiên, chúng chỉ là công cụ hỗ trợ công việc trong kế toán - kiểm toán, hoạt động theo lập trình vốn có, chúng khó có thể đưa ra những nhận định, lời tư vấn trong từng trường hợp phát sinh đặc biệt với những tình huống mang tính mới mẻ chưa từng xảy ra.

Hơn nữa, kế toán - kiểm toán cần tuân theo những quy phạm pháp luật nhất định, con người luôn cần thiết với giai đoạn cập nhật cho thiết bị làm công cụ phục vụ công việc của mình. Trí tuệ nhân tạo là sản phẩm do con người tạo ra và phục vụ mục đích của con người, tự động hóa có thể thay đổi hoàn cảnh, điều kiện làm việc nhưng cũng không thể khẳng định rằng, trí tuệ nhân tạo có thể thay thế hoàn toàn cho con người trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán nhưng cũng sẽ đặt ra yêu cầu cao hơn trong kế toán: xử lý bằng máy tính, bảo mật thông tin, phân tích dữ liệu và mạng máy tính.

Tuy nhiên, mỗi cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán phải ý thức được tầm quan trọng của công nghệ để ứng dụng nó cho phù hợp xu thế, tiết kiệm nguồn lực và gia tăng hiệu quả công việc.

Tài liệu tham khảo:

<https://www.thebalancesmb.com/is-artificial-intelligence-the-future-of-accounting>

<https://www.forbes.com/sites/bernardmarr/2017/07/07/machine-learning-artificial-intelligence-and-the-future-of-accounting/>

Doanh nghiệp logistics Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0

Nguyễn Thị Kim Chinh - CQ59/05.02

Cuộc Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0 đang diễn ra một cách nhanh chóng và mạnh mẽ. Nó có tác động toàn diện tới mọi lĩnh vực như cơ cấu ngành nghề, cung cầu thị trường lao động, hệ thống quản trị sản xuất,... Quản trị logistics và chuỗi cung ứng cũng không nằm ngoài sự tác động này. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi các ngành công nghiệp trong xã hội phải chuyển mình theo hướng thông minh hơn để đáp ứng với nhu cầu của xã hội. Với vai trò quan trọng trong sự phát triển của Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp nói riêng, logistics cũng phải bắt kịp xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp này. Bài viết đề cập tới xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực logistics cũng như những cơ hội, thách thức đặt ra cho các doanh nghiệp logistics Việt Nam trong thời đại CMCN 4.0.

Công nghệ nền tảng chuyển đổi số trong doanh nghiệp Logistics

Chuyển đổi số trong các doanh nghiệp logistics phụ thuộc chủ yếu vào tiến bộ khoa học và công nghệ. Hiện nay, tùy theo quy mô, nhu cầu và khả năng mà các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ ở các mức độ khác nhau, trong đó, có thể kể đến các công nghệ nền tảng phổ biến:

- *Internet vạn vật kết nối (IoT)*. IoT giúp tăng cường khả năng hiển thị ở mọi liên kết trong chuỗi cung ứng và nâng cao hiệu quả quản lý hàng tồn kho. Với hệ thống cảm biến dựa trên 4G LTE, truyền dữ liệu nhanh hơn, ít độ trễ hơn cho phép hiển thị hàng hóa theo thời gian thực, theo dõi, giám sát tình trạng và quản lý đội xe, bao gồm: Kết nối phương tiện vận tải qua hệ thống định vị toàn cầu (GPS), nhà kho thông minh, hệ thống cảng kết nối, hệ thống container kết nối.

- *Trí tuệ nhân tạo (AI)*. Sự kết hợp giữa thuật toán AI và máy học hỗ trợ doanh nghiệp logistics chủ động ứng phó với những biến động của nhu cầu như: hệ thống dự báo thông minh cho phép nhà quản lý lập kế hoạch các quy trình chuỗi cung ứng và giảm chi phí hoạt động; xe tự hành, thiết bị bay không người lái giúp chuyển từ dịch vụ giao hàng truyền thống sang giao hàng tự động hóa. Ngoài ra, công nghệ tự động hóa dựa trên trí tuệ nhân tạo giúp doanh nghiệp tự động hóa các tác vụ quản trị, công tác quản lý và tăng tốc các hoạt động sử dụng nhiều thông tin.

- *Điện toán đám mây (Cloud computing)*. Điện toán đám mây giúp các công ty logistics giải quyết các trở ngại về giao tiếp và cho phép doanh nghiệp cộng tác, chia sẻ dữ liệu an toàn, thu thập dữ liệu từ hệ thống quản lý để phân tích các quy trình logistics tổng thể.

- *Công nghệ Chuỗi khói - Blockchain*. Công nghệ Blockchain giúp doanh nghiệp logistics minh bạch hóa các giao dịch trong toàn bộ quy trình logistics. Đồng thời, các hợp đồng thông minh dựa trên Chuỗi khói cho phép phê duyệt và thông quan nhanh hơn bằng cách giảm thời gian xử lý tại các điểm kiểm tra. Công nghệ Blockchain có thể tự động hóa

các khâu khác trong logistics như quản lý hoạt động vận tải, lập kế hoạch vận chuyển hàng hóa, quản lý giao nhận và phương tiện nội bộ.

- *Dữ liệu lớn (Big Data) và phân tích dữ liệu.* Dữ liệu lớn là khối lượng dữ liệu khổng lồ từ nhiều nguồn khác nhau được tạo ra bởi con người, công cụ và máy móc, bao gồm thông tin thu thập từ các thiết bị hỗ trợ Internet như điện thoại thông minh, phương tiện truyền thông, các dữ liệu số nội bộ doanh nghiệp... Sự kết hợp giữa dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu cung cấp thông tin chi tiết hữu ích để cải thiện và nâng cao năng suất

- *Công nghệ tự động hóa và robotics.* Công nghệ này hỗ trợ doanh nghiệp logistics giảm thiểu các công việc thủ công, kết nối dữ liệu nhanh chóng, cải thiện năng suất và nâng cao hiệu quả công việc thông qua hệ thống tự động hóa. Với tính năng cảm biến cao, phân tích chính xác, robotics có khả năng tự học và dễ dàng tự mình hoàn thành các công việc như đóng gói, sắp xếp, phân loại, lấy hàng và vận chuyển hàng hóa, từ đó giúp doanh nghiệp giảm thiểu nhân lực, tăng năng suất và nâng cao tính linh hoạt trong quản lý kho hàng.

Cơ hội đối với doanh nghiệp logistics Việt Nam

Thứ nhất, CMCN 4.0 cùng với mạng internet không những cung cấp cho doanh nghiệp logistics khả năng tiếp cận toàn cầu và không bị giới hạn bởi không gian vật lý, mà còn giúp giảm thiểu rủi ro và chi phí duy trì hạ tầng công nghệ thông tin.

Thứ hai, CMCN 4.0 góp phần làm giảm chi phí vận chuyển và chi phí thông tin liên lạc, từ đó làm chi phí kinh doanh được tối ưu hóa, đồng thời hệ thống logistics và chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp cũng trở nên minh bạch hơn.

Thứ ba, CMCN 4.0 đem lại cho doanh nghiệp logistics Việt Nam là sự xuất hiện các loại hình dịch vụ mới liên quan đến hoạt động logistics. Ví dụ như hệ thống ifreight.net - hệ thống booking trực tuyến đầu tiên tại Việt Nam do công ty cổ phần Ifreight cho ra mắt, giúp doanh nghiệp có thể lựa chọn đơn vị vận chuyển với danh sách trên 40 hãng tàu để quyết định mức giá thấp nhất tại từng thời điểm, từ đó có thể booking trực tuyến thay vì thủ công như trước đây.

Thứ tư, công nghệ ngày càng tiến bộ, bao gồm trí tuệ nhân tạo, blockchain, IoT,... Sự phát triển của các công nghệ này tạo ra cơ hội để tăng cường đổi mới sáng tạo trong ngành logistics, từ quản lý kho hàng đến theo dõi và quản lý chuỗi cung ứng.

Thách thức đối với doanh nghiệp logistics Việt Nam

Bên cạnh những cơ hội nêu trên, các doanh nghiệp logistics Việt Nam còn đối mặt với những khó khăn, thách thức:

Thứ nhất, chi phí đầu tư lớn nên các doanh nghiệp chỉ đầu tư vào các hệ thống như quản lý vận tải (TMS), quản lý kho hàng (WMS) ... một cách nhỏ lẻ và chưa có tính đồng bộ cho toàn bộ doanh nghiệp.

Thứ hai, công tác quy hoạch giữa các ngành, lĩnh vực vẫn còn chưa có sự kết nối chặt chẽ với nhau; cơ sở hạ tầng giao thông, thương mại, công nghệ thông tin còn hạn chế, việc kết nối với các nước trong khu vực còn chậm; sự kết hợp giữa thương mại điện tử và logistics chưa thực sự hiệu quả.

Thứ ba, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics ở Việt Nam còn chưa cao so với các nước trong khu vực và thế giới. Việt Nam chưa có các doanh nghiệp lớn, cung ứng đồng bộ các dịch vụ logistics.

Thứ tư, vấn đề về nguồn nhân lực luôn là bài toán khó cho các doanh nghiệp logistics Việt Nam. Phần lớn nhân viên tốt nghiệp đại học nhưng không chuyên, chưa được đào tạo tác phong công nghiệp, sử dụng sức lực nhiều hơn là bằng phương tiện máy móc. Sự yếu kém này một phần là do phương tiện lao động còn lạc hậu, chưa đòi hỏi lao động chuyên môn.

Một số giải pháp giúp doanh nghiệp logistics Việt Nam bắt kịp xu thế của thế giới

Để doanh nghiệp logistics Việt Nam không nằm ngoài cuộc chơi với thế giới, cần có các giải pháp hỗ trợ như:

Về phía Chính phủ

- Cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông như đường bộ, đường thủy và hệ thống hàng không.
- Hoàn thiện hệ thống thông tin xuất, nhập khẩu đảm bảo kết nối các bên liên quan trong hoạt động logistics.
- Thay đổi và tiêu chuẩn hóa các quy định (cấp phép, điều kiện thương mại tiêu chuẩn...), vận tải đa phương thức. Thay đổi thói quen bán FOB mua CIF làm suy yếu các công ty vận tải Việt Nam, công nhận về mặt pháp lý các chứng từ điện tử. Thông nhất, chuẩn hóa tên, mã hàng hóa.
- Xây dựng các ứng dụng cho ngành logistics.
- Hỗ trợ các doanh nghiệp trẻ, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực logistics và các nhà sản xuất sản phẩm công nghệ logistics.

Về phía các cơ sở đào tạo

Để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, bên cạnh các môn học truyền thống, các trường cao đẳng, đại học cũng cần đầu tư phòng mô phỏng, phần mềm mô phỏng để sinh viên thực hành, thí nghiệm, thực hành các bài tập về giải pháp logistics và quản lý chuỗi cung ứng; dịch vụ hỗ trợ gom hàng chặng đầu và giao hàng chặng cuối;... Bên cạnh đó, nguồn nhân lực cho ngành logistics 4.0 cũng cần có khả năng cập nhật những thay đổi, phát triển của công nghệ đồng thời phải thuần thực, làm chủ được các máy móc, thiết bị đang dần dần thay thế công việc của con người.

Về phía các doanh nghiệp logistics

Cần phối hợp với các cơ sở đào tạo để truyền kinh nghiệm cho học viên, sinh viên. Ngoài ra, doanh nghiệp có thể ký kết các đơn đặt hàng thiết kế phần mềm quản lý hoặc sản phẩm ứng dụng công nghệ tại các trường cao đẳng, đại học, qua đó giúp làm giảm chi phí đầu tư của doanh nghiệp, thương nhân, đồng thời nâng cao kỹ năng thực hành của sinh viên - nguồn nhân lực logistics trong tương lai.

Tài liệu tham khảo:

Đinh Thu Phương (2018), Logistics Việt Nam trong cách mạng công nghiệp 4.0: Cơ hội và Thách thức, Thư viện số, <http://thuvienso.bvu.edu.vn/handle/TVDHBRVT/19059>

Nguyễn Thu Hương (2022), Phát triển bền vững logistics Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, Tạp chí điện tử Khoa học và Công nghệ Giao thông, 2(2), 35-46.

Phạm Quang Hải, Phùng Quang Phát, Đỗ Hồng Quân (2023), Chuyển đổi số trong doanh nghiệp logistics Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và Kinh doanh, tập 3 số 1, 28-37.

Hải quan số - Thực trạng và giải pháp để triển khai thành công

Phạm Quốc Hưng - CQ59/06.07CLC

Căn cứ quyết định số 749/QĐ-TTg (03/06/2020) “Phê duyệt chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến 2025, định hướng đến năm 2030” của Thủ tướng Chính phủ, căn cứ quyết định số 707/QĐ-TCHQ (04/05/2022) “Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số ngành Hải quan đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan. Từ đó, đặt ra nhiệm vụ trọng tâm cho toàn ngành Hải quan là *đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác nghiệp vụ hải quan với việc triển khai thuê dịch vụ công nghệ thông tin thực hiện Hải quan số*.

Thực trạng Hải quan số hiện nay

Trong thời gian vừa qua, nhiều dịch vụ công trực tuyến đã được Tổng cục Hải quan triển khai thành công. Tính đến nay, Tổng cục Hải quan đã cung cấp 223 dịch vụ công trực tuyến, trong đó có 198 dịch vụ liên quan đến thủ tục hành chính. Đặc biệt, có tới 192/223 thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 - cấp độ cao nhất hiện nay ở nước ta (đạt tỉ lệ 86,1%). Điều đó đã tạo nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến thông quan hàng hóa; nộp thuế, phí, lệ phí; thủ tục với phương tiện vận tải đường biển bằng phương thức điện tử (qua mạng internet).

Ngành Hải quan đã xây dựng trang thiết bị, cơ sở hạ tầng có tính đồng bộ từ trung ương tới các địa phương. Hệ thống mạng này cũng đã được kết nối với cộng đồng doanh nghiệp, các bộ, ngành, hãng tàu, cảng vụ, ngân hàng thương mại... phục vụ cho thông quan điện tử và triển khai Cơ chế một cửa quốc gia. Bên cạnh đó, Tổng cục Hải quan cũng đã nâng cao chất lượng hỗ trợ người dân và doanh nghiệp với các dịch vụ công trực tuyến như: tư vấn, hỗ trợ về chính sách, pháp luật hải quan; đăng ký sử dụng Hệ thống VNACCS; tiếp nhận thông tin doanh nghiệp; tra cứu biểu thuế, phân loại hàng hóa, mã số HS; in bảng kê mã vạch phương tiện vận tải; thông kê hải quan; tiếp nhận thông tin vi phạm pháp luật về hải quan; cập nhật các văn bản mới của Tổng cục Hải quan...

Tổng cục Hải quan chủ trương kết nối, trao đổi thông tin giữa cơ quan hải quan với các cơ quan quản lý nhà nước, ngân hàng thương mại và doanh nghiệp logistics, bảo hiểm cùng các dịch vụ khác có liên quan. Việc kết nối thông tin đã hỗ trợ cơ quan hải quan nâng cao năng lực, hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về hải quan, góp phần thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp, thúc đẩy tiến độ hoàn thành mục tiêu của Chính phủ, đồng thời thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính công theo các Nghị quyết số 19/NQ-CP, Nghị quyết số 36a/NQ-CP, Nghị quyết số 35/NQ-CP và Nghị quyết số 01/NQ-CP.

Nguyên nhân Hải quan số cần được triển khai

Trước hết, công tác chuyển đổi số sẽ giúp đổi mới căn bản, toàn diện, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan, cải thiện môi trường kinh doanh; nâng cao năng suất lao động của cán bộ, công chức; phát hiện và phòng ngừa tham nhũng; tạo thuận lợi, giảm chi phí cho cả cơ quan Hải quan và các đối tác thương mại thông qua thông quan nhanh hàng hoá; thông kê hải quan chính xác và kịp thời; việc phân tích dữ liệu chính xác hơn. Đồng thời, việc đẩy mạnh chuyển đổi số của ngành Hải quan còn mang lại lợi ích đối với các doanh nghiệp.

Thủ tục khai báo hải quan có thể được thực hiện mọi lúc, mọi nơi, trên mọi phương tiện; thời gian thông quan hàng hóa nhanh chóng, giảm chi phí logistics, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp,... Mọi dữ liệu của doanh nghiệp đều được minh bạch và kiểm soát 1 cách có hệ thống, thuận lợi cho việc ra quyết định của doanh nghiệp cũng như công tác kiểm tra và giám sát của cơ quan hải quan.

Bên cạnh đó, việc chuyển đổi số của ngành Hải quan sẽ thúc đẩy sự phát triển các dịch vụ công trực tuyến của quốc gia, từ đó góp phần hình thành nền Chính phủ điện tử, Chính phủ số ở Việt Nam. Cùng với đó là năng lực quản lý của Nhà nước được nâng cao, đảm bảo tính minh bạch trong công tác quản lý hành chính của các bộ, ban, ngành.

Giải pháp để triển khai Hải quan số thành công

Một là, về các văn bản pháp luật, quy định của ngành Hải quan

Tổng cục Hải quan cần nghiên cứu, đề xuất và xây dựng các Dự án luật nhằm đáp ứng cho nhu cầu chuyển đổi số toàn diện ngành Hải quan. Rà soát tổng thể các văn bản quy phạm pháp luật về hải quan để xuất sáu đổi, chuyển đổi số toàn diện để hoạt động hải quan được tái thiết kế lại thực hiện trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan số, xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai Chính phủ điện tử và áp dụng công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện cơ sở pháp lý đáp ứng yêu cầu triển khai đây đủ cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại. Đảm bảo tính thống nhất, tránh mâu thuẫn, chồng chéo trong quá trình triển khai hải quan số. Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở chuyên đổi số toàn diện để hoạt động hải quan được thực hiện trên môi trường số. Xây dựng các quy chế, quy trình nghiệp vụ đơn giản hoá, số hoá dữ liệu đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Cập nhật dữ liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hải quan theo hướng dẫn của Chính phủ.

Hai là, về thủ tục hải quan và kiểm tra giám sát hải quan

Tổng cục Hải quan triển khai các văn bản pháp luật hải quan theo hướng đồng bộ đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số. Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng các thành tựu khoa học của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm chuyển đổi toàn diện hoạt động nghiệp vụ hải quan. Xây dựng hệ thống quy trình nghiệp vụ đơn giản, hài hoà, tăng cường tự động hoá các quy trình thủ tục theo hướng đồng bộ, số hoá, tối ưu công nghệ. Xây dựng quy trình thủ tục hải quan đổi với hàng hoá xuất nhập khẩu. Hoàn thiện các bài toán nghiệp vụ và các quy trình nghiệp vụ thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan. Chuẩn hoá cơ sở dữ liệu hàng hoá xuất nhập khẩu cư dân biên giới, kết nối dữ liệu quản lý cư dân biên giới với các cơ quan liên quan. Tăng cường các biện pháp nâng cao hiệu quả trong công tác chống gian lận, giả mạo xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho hoạt động thương mại hợp pháp.

Ba là, về quản lý rủi ro

Tổng cục Hải quan cần đánh giá thực trạng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện hoạt động áp dụng quản lý rủi ro trong quyết định soi chiếu hàng hoá. Phối hợp xây dựng bài toán nghiệp vụ công nghệ thông tin tự động, hỗ trợ phân tích đánh giá rủi ro, xác định trọng điểm để quyết định soi chiếu hàng hoá đáp ứng hải quan số. Cần tiếp tục đẩy mạnh quá trình ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Xây dựng các chức năng công nghệ thông tin phân luồng quyết định kiểm tra đáp ứng quản lý nghiệp vụ Hải quan số. Triển khai chương trình khuyến khích người khai hải quan tự nguyện tuân thủ pháp luật, tổ chức các toạ đàm nhằm tuyên truyền rộng rãi tới toàn dân.

Bốn là, về kiểm soát hải quan

Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát Hải quan thông qua, hoàn thiện thể chế về lĩnh vực kiểm soát hải quan. Đồng thời, chủ động thu thập thông tin, nắm giữ tình hình trong và

ngoài nước, các địa bàn trọng điểm để kịp thời cảnh báo, dự báo kịp thời trong toàn Ngành về phương thức, thủ đoạn mới của tội phạm, hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, gian lận thương mại và hàng giả. Áp dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, đấu tranh hiệu quả với các hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Năm là, về kiểm tra sau thông quan

Tổng cục Hải quan cần áp dụng rộng phương pháp kiểm toán sau thông quan, từng bước áp dụng nghiệp vụ điều tra vào công tác kiểm tra sau thông quan. Xây dựng yêu cầu kết nối và chuẩn hóa thông tin, dữ liệu, phục vụ quản lý hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu, doanh nghiệp chế xuất phục vụ công tác quản lý và kiểm tra sau thông quan. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực kiểm tra sau thông quan đáp ứng quản lý hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan, phù hợp yêu cầu hải quan số.

Sáu là, về quản lý thuế

Áp dụng thống nhất chính sách thuế và thủ tục quản lý thuế, đánh giá thực trạng văn bản pháp luật liên quan đến chính sách thuế, xác định các nội dung sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu. Tinh gọn quy trình thủ tục quản lý thuế theo hướng đơn giản hóa, đồng bộ với các quy trình thủ tục hải quan. Rà soát, đánh giá việc thực hiện biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu trong quá trình số hóa dữ liệu tiên tới Hải quan thông minh.

Bảy là, về đào tạo nguồn nhân lực

Triển khai mô hình nghiệp vụ hải quan số, hải quan thông minh, phát triển ngành Hải quan theo định hướng của Đảng, Nhà nước về tổ chức bộ máy. Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức hải quan phù hợp với yêu cầu về nguồn nhân lực hiện nay. Ứng dụng công nghệ thông tin, trang thiết bị hiện đại để tăng cường kiểm tra nội bộ dưới hình thức trực tuyến. Xây dựng khung chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn nhằm hỗ trợ các cơ sở giáo dục và đào tạo trong quá trình giảng dạy. Xây dựng cơ chế trao đổi chuyên gia Hải quan với các tổ chức quốc tế cũng như các quốc gia trong khu vực và trên toàn thế giới.

Tám là, về công nghệ số

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện mạnh mẽ chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về hải quan thông qua thuê dịch vụ công nghệ thông tin để thực hiện hải quan số. Nâng cao hiệu quả Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại thông qua việc phát triển hệ thống công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu triển khai mở rộng các cơ chế trên.

Chín là, về cơ sở hạ tầng

Đầu tư các trang thiết bị thiết yếu đảm bảo cho tính chất công việc như hệ thống camera, tàu thuyền, ca nô, thiết bị ma tuý, cùng các loại máy móc phục vụ cho hoạt động kiểm tra chuyên ngành. Chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản lý và sử dụng tài sản, đầu tư hiện đại hóa hệ thống trụ sở làm việc của các đơn vị Hải quan. Phát triển hệ thống kế toán nội bộ của Kho bạc Nhà nước triển khai cho Tổng cục Hải quan.

Tài liệu tham khảo:

Quyết định số 749/QĐ-TTg (03/06/2020) "Phê duyệt chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến 2025, định hướng đến năm 2030" của Thủ tướng Chính phủ

Quyết định số 707/QĐ-TCHQ (04/05/2022) "Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số ngành Hải quan đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan

<https://haiquanonline.com.vn/nganh-hai-quan-chuyen-doi-so-toan-dien-167042.html>

<https://baochinhphu.vn/den-2025-hoan-thanh-hai-quan-so-xu-ly-tu-dong-tat-ca-cac-khau-nghiep-vu-hai-quan-102220506153854981.htm>

Nâng cao hiệu quả kết nối doanh nghiệp và các trường đại học tại Việt Nam

Nguyễn Thị Hường - CQ58/11.03

Xây dựng và phát triển mối quan hệ giữa trường đại học với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng là một trong những nhân tố quyết định nâng cao chất lượng đào tạo. Với một tinh thần cầu thị, thời gian qua các cơ sở đào tạo không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội. Chính sự kết nối, hiểu được nhu cầu của doanh nghiệp mà công tác đào tạo của các trường đại học Việt Nam được điều chỉnh phù hợp, đáp ứng tốt nhu cầu tuyển dụng.

Hiện nay, phần lớn các trường đại học ở Việt Nam đang đào tạo theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp, sinh viên được đào tạo sát với thực tế nghề nghiệp và có nhiều cơ hội tiếp cận doanh nghiệp tuyển dụng. Điều này giúp cho việc đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển thương hiệu của nhà trường và doanh nghiệp. Hơn nữa, doanh nghiệp là nơi tạo điều kiện để người học thực hành, là môi trường để sinh viên làm quen với công việc và áp dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn. Các trường đại học ở Việt Nam luôn xác định việc liên kết doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng được các nhu cầu của thị trường về nguồn nhân lực, đồng thời cũng là yếu tố quyết định sự phát triển của nhà trường.

Ở nước ta, việc gắn kết các trường đại học với các doanh nghiệp, giữa “học với hành” lý luận gắn thực tiễn, ngày càng trở nên quan trọng, cấp thiết không chỉ đối với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vận hành theo cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế.

Thực trạng kết nối doanh nghiệp và nhà trường

Để sinh viên ra trường đáp ứng được các yêu cầu của xã hội, có cơ hội lựa chọn việc làm phù hợp, thì sinh viên cần được trang bị những kiến thức, kỹ năng làm việc tiệm cận với các yêu cầu của doanh nghiệp, như vậy vai trò của doanh nghiệp là hết sức quan trọng. Theo đó, các trường đại học đã không ngừng mở rộng, củng cố quan hệ với doanh nghiệp thông qua các hình thức cơ bản sau:

Doanh nghiệp tham gia, góp ý xây dựng chương trình đào tạo

Để khắc phục tồn tại trong nội dung đào tạo như chưa đi sâu vào thực tế chuyên ngành, các môn học đại cương, lý thuyết còn quá nặng trong khi điều quan trọng là phải rèn luyện kỹ năng làm việc cho sinh viên, hiện nay, tổng quy trình xây dựng chương trình đào tạo, đề cương các môn học của từng chuyên ngành, các trường đại học luôn khảo sát ý kiến của doanh nghiệp. Với định hướng ứng dụng, các trường xây dựng các chương trình đào tạo theo các chuẩn mực tiên tiến, thường xuyên cập nhật với thực tế; gắn liền lý thuyết với thực hành; tăng cường gắn kết nhà trường với các viện nghiên cứu, các đơn vị sản xuất, kinh doanh; tăng thời lượng thực hành và thực tập cho sinh viên.

Qua phản hồi của doanh nghiệp, cơ sở đào tạo cập nhật chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, đảm bảo tăng cường thời lượng thực hành, thực tập, cung cấp cho

người học cơ hội được tiếp xúc sớm với ngành nghề mình lựa chọn; chú trọng đào tạo kỹ năng và thái độ, rèn luyện tính kỷ luật và tác phong làm việc nghiêm túc.

Mời doanh nghiệp tham gia giảng dạy thực tế

Để giúp sinh viên hình dung rõ hơn về công việc của mình sau khi ra trường, nhà trường phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các khoá kiến tập, thực tập, sinh viên có thể trực tiếp tham gia vào một số công việc trong các hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp, đã chứng tỏ được năng lực của mình, được doanh nghiệp đề nghị làm việc khi còn chưa nhận bằng tốt nghiệp.

Trường đại học thiết lập trung tâm hợp tác doanh nghiệp và trung tâm phát triển nghề nghiệp cho sinh viên để hợp tác với doanh nghiệp tạo việc làm cho sinh viên

Nhà trường đẩy mạnh hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm, hợp tác doanh nghiệp cho sinh viên. Hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp là yếu tố quan trọng giúp giải quyết việc làm cho sinh viên. Với sự hỗ trợ của doanh nghiệp, sinh viên sẽ được đào tạo bằng kiến thức, kỹ năng thực tế thay vì lý thuyết suông, chất lượng đào tạo và đặc biệt là triển vọng việc làm nâng cao. Năm vững kiến thức chuyên môn, thành thạo kỹ năng, chủ động và sáng tạo trong công việc sẽ giúp các em sinh viên sau khi ra trường hoàn toàn tự tin với công việc được giao, trong khi đó doanh nghiệp cũng không còn phải lo lắng về vấn đề mất thời gian đào tạo cho nhân viên.

Tham gia hội thảo, ngày hội tuyển dụng, tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm cho sinh viên

Các trường đại học đã tổ chức các khoá tập huấn ngắn hạn, trang bị cho sinh viên những kỹ năng mềm cần thiết cho quá trình tìm kiếm, lựa chọn công việc phù hợp như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, làm quen với các bài kiểm tra trí tuệ. Song song với đó, nhà trường đã mời các doanh nghiệp tổ chức các ngày hội việc làm, chế độ đãi ngộ, cơ hội thăng tiến. Qua các chương trình hội thảo này, các bạn sinh viên sẽ có định hướng tổng thể về công việc cũng như sự nghiệp của mình trong tương lai.

Những khó khăn ảnh hưởng tới mối quan hệ giữa trường đại học và doanh nghiệp

Việc kết nối các trường đại học - doanh nghiệp đã và đang được áp dụng khá rộng rãi ở Việt Nam mang đến nhiều lợi ích cho cả trường đại học và doanh nghiệp, đặc biệt là sinh viên, tuy nhiên, sự hợp tác này còn tồn tại một số vấn đề sau:

- Hợp tác đại học - doanh nghiệp còn mang tính ngắn hạn, chưa cam kết đảm bảo duy trì nguồn nhân lực và chất lượng đào tạo đồng đều ở các sinh viên.

- Vai trò hỗ trợ đào tạo của doanh nghiệp đối với đào tạo sinh viên còn mờ nhạt, rất ít các cuộc trao đổi của chủ các doanh nghiệp, lãnh đạo doanh nghiệp, nhà quản lý... được thực hiện cho sinh viên trên lớp học do những ràng buộc về mặt bằng cấp của người đứng trên bục giảng.

- Vai trò thúc đẩy hợp tác lớn nhất vẫn là lãnh đạo 2 bên, đặc biệt là lãnh đạo doanh nghiệp và cựu sinh viên, chưa được xây dựng trên cơ sở những cam kết có tính chất lâu dài và bền vững giữa các bên.

Giải pháp nâng cao hiệu quả kết nối doanh nghiệp và nhà trường

Định hướng đúng đắn và các giải pháp khoa học sẽ giúp tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm ổn định ngày càng tăng. Các giải pháp từ nhiều khía cạnh khác nhau phải thực hiện đồng bộ từ phía đơn vị đào tạo, doanh nghiệp, của đơn vị quản lý, phòng ban chức năng nhằm triển khai có hiệu quả mối quan hệ và hợp tác giữa các bên.

Đối với các trường đại học

Cần thiết kế lại các chương trình đào tạo để dành một tỷ lệ nhất định thời gian dành cho việc mời các nhà quản lý, nhà khoa học giỏi từ doanh nghiệp tham gia vào hoạt động đào tạo, nghiên cứu của nhà trường. Cần có hướng dẫn cụ thể trong công tác tài chính khi giao về cho các khoa.

Đối với các doanh nghiệp

Có cơ chế, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, khuyến khích đội ngũ nhà khoa học ở các trường đại học tham gia vào các dự án và chia sẻ học thuật với doanh nghiệp... Xây dựng mô hình doanh nghiệp trong nhà trường để nâng cao hiệu quả kết đào tạo. Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.

Các doanh nghiệp cử các chuyên gia, kỹ sư tham gia trực tiếp giảng dạy hoặc hướng dẫn thực hành tại nhà trường hoặc tại doanh nghiệp. Tạo điều kiện tiếp nhận các giảng viên, cán bộ quản lý đến doanh nghiệp học tập, học hỏi kinh nghiệm hoặc trao đổi những vướng mắc giữa chương trình đào tạo và yêu cầu thực tế.

Đối với sinh viên

Sinh viên cần tích cực tham gia sinh hoạt tại các câu lạc bộ, đội nhóm, đi làm thêm để tích luỹ kinh nghiệm. Đây là một trong những tiêu chí để nhà tuyển dụng lao động lựa chọn đối với những sinh viên vừa tốt nghiệp ra trường. Bên cạnh đó, tăng cường mối quan hệ giữa cựu sinh viên với nhà trường, truyền đạt kinh nghiệm học tập, nghề nghiệp cho các em sinh viên.

Để kết nối Nhà trường - Doanh nghiệp hiệu quả, ngoài sự chủ động trong việc thay đổi chương trình đào tạo theo hướng đáp ứng đòi hỏi thực tế của doanh nghiệp thì việc sớm định hướng, xây dựng được cho sinh viên thói quen “thể hiện” bản lĩnh trải nghiệm (tự rèn luyện, nghiên cứu, làm việc nhóm) đóng vai trò quan trọng. Điều này không chỉ giúp sinh viên thêm tự tin, chủ động trong việc tìm kiếm môi trường học tập - trải nghiệm, mà còn mang đến cho chính doanh nghiệp tuyển dụng những góc nhìn thực tế trong đặt hàng đào tạo với nhà trường.

Xây dựng và phát triển mối quan hệ giữa nhà trường với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng là một trong những nhân tố quyết định trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Với một tinh thần cầu thị, các trường đại học rất trân trọng những ý kiến đóng góp thẳng thắn, đầy tâm huyết của các đơn vị doanh nghiệp để không ngừng cải tiến phương pháp giảng dạy, đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nguồn chất lượng cao của xã hội.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Kim Dung, Phạm Thị Hương (2017), “Thực trạng hợp tác của các trường đại học với doanh nghiệp ở Việt Nam”, tạp chí Khoa học
Đỗ Thị Thanh Toàn (2018), “Liên kết trường đại học và doanh nghiệp - phương thức nâng cao chất lượng đào tạo”, tạp chí Giáo dục.
Đinh Văn Toàn (2016), “Hợp tác đại học - doanh nghiệp trên thế giới và một số gợi ý cho Việt Nam”, Tạp chí khoa học DHQGHN.
Nguyễn Liên (2023), “Đẩy mạnh liên kết doanh nghiệp và đại học trong khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”, Báo điện tử Đại biểu nhân dân.
Bích Thùy, Minh Đức (2023), “Tăng cường kết nối nhà trường, doanh nghiệp và người học”, Báo điện tử VTV News.

Artificial Intelligence và tiềm năng ứng dụng vào ngành hàng bán lẻ tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

Phan Thị Mai Hoa - CQ59/21.10CLC

C ụm từ AI không còn xa lạ trong những năm gần đây. Kể từ khi dịch Covid-19 ập tới gây ảnh hưởng nặng nề tới các ngành nghề, nhiều doanh nghiệp đang thay đổi xu hướng bán hàng, tiếp thị để có thể thích nghi với môi trường kinh doanh mới và AI chính là một trong những phương án được nhiều doanh nghiệp lựa chọn. AI là viết tắt của Artificial Intelligence (Trí tuệ nhân tạo). Công nghệ AI được hiểu là trí tuệ của máy tính được tạo ra bởi con người. Trí tuệ nhân tạo có thể tư duy, suy nghĩ, học hỏi như trí tuệ con người, đồng thời có thể xử lý dữ liệu ở mức rộng lớn hơn, hệ thống hơn và nhanh hơn con người. Với những ưu điểm đó, công nghệ AI đang được ứng dụng trong ngành bán lẻ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng trên nhiều phương diện.

Ưu và nhược điểm của AI

Ưu điểm

Mạng lưới thần kinh nhân tạo và công nghệ trí tuệ nhân tạo với khả năng học tập sâu đang phát triển nhanh chóng, AI xử lý được lượng lớn dữ liệu nhanh hơn nhiều và đưa ra dự đoán chính xác hơn khả năng của con người.

Khối lượng dữ liệu khổng lồ được tạo ra hàng ngày sẽ gây khó khăn cho các nhà nghiên cứu, AI sử dụng học máy để có thể lấy những dữ liệu đó và nhanh chóng biến nó thành thông tin có thể thực hiện được.

Nhược điểm

Ngoài những ưu điểm tốt, AI trí tuệ nhân tạo cũng có những nhược điểm riêng. Sử dụng AI rất tốn kém khi phải xử lý lượng lớn dữ liệu cần thiết cho lập trình AI. Khả năng giải thích sẽ là rào cản đối với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực hoạt động theo các yêu cầu tuân thủ quy định nghiêm ngặt. Đây là câu trả lời cho câu hỏi về những hạn chế của công nghệ AI là gì? Bởi vì công nghệ này mới và rất phát triển, không phải ở tất cả các quốc gia đều sử dụng AI.

Sau đây là một số ví dụ về các hạn chế của trí tuệ nhân tạo: Các tổ chức tài chính đã có một số quyết định từ chối tín dụng người dùng dựa trên nhận định của AI. Do đó, sẽ rất khó để đưa ra lời giải thích rõ ràng về lý do từ chối tín dụng người dùng.

Cách doanh nghiệp đưa công nghệ AI vào hoạt động kinh doanh

Thứ nhất, hoạt động vận hành và kinh doanh

Lập kế hoạch chuỗi cung ứng

AI đang thay đổi hoàn toàn chuỗi cung ứng bằng cách cung cấp cho các nhà bán lẻ thông tin chi tiết về cách chuỗi cung ứng của mình hoạt động cũng như giúp tìm ra phương án hoạt động hiệu quả và tiết kiệm nhất.

Dự báo nhu cầu

Khả năng dự đoán nhu cầu một cách nhanh chóng và chính xác là điều cần thiết trong hoạt động bán lẻ. Đó là lý do tại sao nhiều nhà bán lẻ lớn nhất thế giới đang sử dụng AI để phân tích các tập dữ liệu khổng lồ để họ có thể dự đoán các xu hướng hoặc sự bất thường ảnh hưởng đến nhu cầu.

Quản lý hàng tồn kho

Điều quan trọng đối với các công ty bán lẻ là họ phải đảm bảo luôn sẵn có các mặt hàng đáp ứng nhu cầu đúng thời điểm. Trong tương lai, nhiều giải pháp và thiết bị hiện đại sẽ được sử dụng trong nhà kho để tối ưu hóa các hoạt động sản xuất, trong đó có trí tuệ AI.

Trong nhiều lĩnh vực bán lẻ, trí tuệ nhân tạo và việc sử dụng robot giúp bạn có thể thực hiện các nhiệm vụ đơn giản như kiểm tra trạng thái của đơn hàng, xác định mức tồn kho và hỗ trợ các quyết định về hàng tồn kho khác. Ngoài ra, dữ liệu do hệ thống ghi lại có thể được sử dụng để cải thiện vị trí sản phẩm và xác định xu hướng, đưa ra các dự báo cần thiết.

Thứ hai, nâng cao trải nghiệm khách hàng

Cá nhân hóa dịch vụ tư vấn mua hàng

Tư vấn mua hàng được cá nhân hóa hiện đã trở thành một trong những xu hướng mới nổi mà nhiều nhà bán lẻ áp dụng. Về mặt này, AI có thể đóng một vai trò thiết yếu đối với việc tư vấn mua hàng. Thông qua việc sử dụng các công nghệ thông minh, dữ liệu về mong muốn và nhu cầu của khách hàng được thu thập và thiết lập sẵn, trí tuệ AI có thể đề xuất và gợi ý tự động các sản phẩm phù hợp nhất với từng khách hàng. Điều này giúp gia tăng trải nghiệm mua sắm cũng như giảm bớt các công việc của nhân viên tư vấn thủ công, từ đó giúp lôi kéo và xây dựng mối quan hệ với khách hàng.

Tiếp thị được Cá nhân hóa

Trí tuệ AI có thể được sử dụng để triển khai tự động hóa tiếp thị mạnh mẽ. Các quảng cáo được cá nhân hóa sẽ tự động gửi đến khách hàng qua nhiều kênh khác nhau như (MXH, E-Commerce, trang web,...). Tuy nhiên, để làm được điều này, trước tiên phải phân tích thông tin có sẵn trên Internet.

Điều này bao gồm, ví dụ, các lần mua hàng trước đây, số lần nhấp chuột, lĩnh vực quan tâm hoặc ý định mua hàng hiện tại. Trí tuệ nhân tạo có thể giúp xác định các mẫu từ dữ liệu người dùng để có thể đặt quảng cáo vào những thời điểm thích hợp và có thể cung cấp nội dung phù hợp hoặc giảm giá được cá nhân hóa. Ngoài ra, các sản phẩm đã được mua trước đó và bổ sung cho các sản phẩm hiện tại cũng có thể được cung cấp.

Chatbots

Chatbots có thể giảm bớt khối lượng công việc của nhân viên, đặc biệt là với những công việc tốn nhiều thời gian và công sức. Sử dụng nền tảng AI để thiết lập một mẫu phản hồi tùy thuộc vào một số tình huống nhất định trong các đoạn văn bản, email hoặc thư từ ngày càng thay thế cách trả lời thủ công.

Ngoài ra, yêu cầu của khách hàng được phân tích, sau đó bước tiếp theo được tự động chuyển tiếp đến các nhân viên thích hợp. Do đó, các hoạt động thường xuyên có thể được giảm bớt và một số lượng lớn các yêu cầu dịch vụ đến có thể được xử lý tự động.

Thứ ba, chuỗi cửa hàng tự động hóa

Robot tự động tại các cửa hàng bán lẻ

Một ứng dụng mới nổi về trí tuệ nhân tạo trong bán lẻ là việc sử dụng robot dịch vụ. Ngoài ra, trí tuệ nhân tạo không chỉ có thể giao tiếp bằng lời nói với người mua mà một số ứng dụng AI còn có khả năng đánh giá tâm trạng và cảm xúc của khách hàng.

Thanh toán tự động

Trí tuệ AI có thể giúp các nhà bán lẻ hiện đại hóa các hoạt động bán hàng và thanh toán. Một ví dụ nổi bật là chuỗi cửa hàng Amazon Go, ra mắt lần đầu vào năm 2016 tại Mỹ. Ý tưởng “Just Walk Out” cho phép khách hàng vào cửa hàng bằng cách đăng ký bằng điện thoại thông minh của mình. Sau đó, họ có thể duyệt và thêm các mặt hàng vào giỏ hàng như trong bất kỳ cửa hàng tạp hóa nào. Mỗi khi họ nhặt một thứ gì đó, bỏ vào giỏ hoặc đặt lại, sự kết hợp của AI, thị giác máy tính và cảm biến theo dõi chuyển động. Khi mua sắm xong, khách hàng chỉ cần bước ra khỏi cửa hàng và Amazon sẽ tự động thanh toán cho những món hàng họ đã lấy. Đó là một ý tưởng thực sự tuyệt vời mà Amazon đã áp dụng, thậm chí là hình mẫu để các nhà bán lẻ khác làm theo.

Ví dụ thực tiễn về ứng dụng AI của doanh nghiệp

LoweBot là một ví dụ về robot tự động được sử dụng trong việc cải thiện dịch vụ khách hàng tại cửa hàng, giúp giải đáp thông tin khách hàng hoặc chỉ dẫn khách hàng đến quầy sản phẩm họ đang kiểm một cách nhanh chóng bằng cách ra lệnh bằng lời nói hoặc cảm biến.

Starbucks đã cho ra mắt ứng dụng di động My Starbucks Barista cho phép khách hàng đặt hàng và thanh toán bằng cách nhắn tin hoặc trò chuyện với một barista ảo và nhận hàng tại cửa hàng gần nhất mà không cần xếp hàng. Công nghệ AI được tích hợp trong ứng dụng giúp xử lý các đơn hàng nhanh chóng, đồng thời theo dõi các sản phẩm mà khách hàng đã mua, từ đó gợi ý cho khách hàng các đề xuất về sản phẩm bổ sung, tặng các ưu đãi giảm giá theo đúng sở thích của họ dựa trên lịch sử mua hàng.

Các trợ lý mua sắm AI tiếp nhận các yêu cầu tư vấn bán hàng của khách hàng và chỉ đường đến đúng khu vực bán sản phẩm bằng một số câu thoại được lập trình trước.

Lợi ích của việc áp dụng công nghệ AI vào hoạt động kinh doanh

Nhiều chuyên gia đồng ý rằng: Trí tuệ nhân tạo AI sẽ đóng vai trò trung tâm trong thương mại bán lẻ của tương lai. Tuy nhiên, ngay thời điểm hiện tại, đã có nhiều giải pháp công nghệ dựa trên AI được sử dụng để mang lại trải nghiệm cá nhân hóa cho khách hàng, giúp các nhà bán lẻ giảm chi phí và ngày càng lôi kéo nhiều khách hàng hơn. Công ty có thể dự đoán hành vi của người mua hàng và tối ưu hóa toàn bộ chuỗi cung ứng từ quản lý và dự báo hàng tồn kho đến lập kế hoạch tại nơi làm việc. Tất cả các phân khúc này đều đóng vai trò quan trọng trong việc giúp các nhà bán lẻ tăng thị phần của mình.

Bên cạnh đó, những lợi ích quan trọng nhất của AI giúp các nhà bán lẻ:

- Tiết kiệm chi phí, tăng năng suất và tăng doanh thu là ba lợi ích hàng đầu của trí tuệ nhân tạo đối với lĩnh vực bán lẻ - *Statista*
- 84% nhà bán lẻ tin tưởng rằng đầu tư vào AI sẽ giúp họ có được lợi thế cạnh tranh lớn hơn - *Forbes*
- 70% thế hệ trẻ Hoa Kỳ nói rằng họ sẽ đánh giá cao một nhà bán lẻ sử dụng công nghệ AI để hiển thị các sản phẩm thú vị. - *RIS*

Những lợi ích trên cho thấy tiềm năng rất lớn để triển khai AI trong các giải pháp tương lai cho các nhà bán lẻ, rõ ràng nhất là việc cải thiện hoạt động kinh doanh để tăng lợi thế bản thân so với đối thủ hoặc đáp ứng các mong muốn cụ thể của khách hàng. Trong tương lai, việc người mua tìm đến các nhà bán lẻ sử dụng các giải pháp công nghệ dựa trên AI là điều có thể được dự báo trước.

Sức hấp dẫn của AI khiến nhiều doanh nghiệp muốn đầu tư vào lĩnh vực này hay thêm công nghệ AI vào quá trình kinh doanh. Tuy nhiên, đây là bài toán khó nếu AI chưa từng là một phần của công ty trước đây. Rất khó để xác định chính xác xem công ty có nên đầu tư hay áp dụng dạng AI nào, ứng dụng vào khâu nào, lợi ích tiềm năng và rủi ro tiềm ẩn khi sử dụng AI. Hay nói ngắn gọn hơn là: *AI sẽ tạo ra giá trị gì cho công ty?*

Để trả lời câu hỏi này, các doanh nghiệp cần làm rõ một số điều sau đây:

Thứ nhất, công ty có thực sự cần công nghệ AI hay không? là câu hỏi đầu tiên cần trả lời. Điều đó có nghĩa là doanh nghiệp đã nhận thấy những khó khăn trong hoạt động và biết được nguồn gốc gây ra các vấn đề đó. Ví dụ: sự dư thừa trong các nhiệm vụ cụ thể, quá tải hệ thống vận hành, tắc nghẽn trong quy trình hoạt động... Đây là những vấn đề mà doanh nghiệp đang cố gắng giải quyết hoặc cải thiện để nâng cao hiệu quả hoạt động và lợi thế cạnh tranh.

Thứ hai, chọn một nhiệm vụ làm điểm bắt đầu của dự án AI và xác định dữ liệu và hệ thống bổ sung cần có để triển khai công nghệ AI. AI thường được định hướng theo nhiệm vụ, chứ thường không bắt đầu từ một dự án. Vì vậy, đối với thử nghiệm AI đầu tiên tại công ty, hãy xác định cho AI một nhiệm vụ có giá trị cao dựa trên dữ liệu. Trong một dự án AI, các kết quả, phân tích, dự đoán của AI là đầu ra, còn dữ liệu chính là đầu vào. Do đó, dữ liệu tốt là huyết mạch của một dự án AI thành công. Trước khi triển khai dự án AI, doanh nghiệp cần điều tra, thu thập, tổng hợp và kiểm định tất cả các dữ liệu liên quan đến dự án đó. Dữ liệu thiếu hoặc sai sẽ ảnh hưởng đến phán đoán của AI, đưa ra những kết quả sai lầm. Ngược lại, nguồn dữ liệu tốt là cơ sở đầu tiên để hi vọng một dự án AI thành công.

Thứ ba, đánh giá xem kỹ năng của nhân sự và chi phí mà công ty bỏ ra có đủ để duy trì AI không. AI là một công nghệ thông minh. Tuy nhiên, vì là công nghệ, AI vẫn cần có người điều khiển, theo dõi và kiểm tra thường xuyên để tránh các sai sót và đạt hiệu quả tối ưu.Thêm nữa công ty cần cân nhắc kỹ vấn đề chi phí, liệu hiệu quả mà AI mang lại sẽ giúp đạt được khoảng lợi nhuận như thế nào, liệu nó có đáng để đầu tư hay không.

Tài liệu tham khảo:

Walker. 2013. Customer 2020.

Salesforce. 2017. Customers' expectations in age of the customer.

Demand Metric. 2016. Content Marketing Revolution: The age of hyper-personalization and Automation.

<https://subiz.com.vn/blog/cong-nghe-ai-la-gi.html>

Giải pháp thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế số tại Việt Nam

Ngô Tuấn Nguyên - CQ59/11.07

Tổng quan về nền kinh tế số tại Việt Nam

Kinh tế số là một nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa vào công nghệ số, đặc biệt là các giao dịch điện tử tiến hành thông qua Internet. Kinh tế số bao gồm tất cả các lĩnh vực và nền kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, vận tải, tài chính ngân hàng...) mà công nghệ số được áp dụng.

Ở các quốc gia đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế số đang là xu hướng. Hiện nay, kinh tế số đang là một trong ba trụ cột chính trong cuộc chuyển đổi số quốc gia và đóng góp vai trò quan trọng trong phát triển nền kinh tế.

Giai đoạn 2020 - 2022, ảnh hưởng của dịch Covid 19 gây ảnh hưởng sâu sắc tới đời sống của người dân, tình hình sản xuất cũng như ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế. Tuy nhiên đây cũng là cơ hội để thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế số đặc biệt là thương mại điện tử. Từ đây, nền kinh tế số của Việt Nam đang từng bước phát triển. Hiện nay, việc áp dụng công nghệ số đang được đẩy mạnh một cách nhanh chóng với hơn 50% bô, ngành triển khai chương trình, đề án chuyển đổi số. Chuyển biến lớn nhất trong việc áp dụng kinh tế số đó là sự tăng trưởng mạnh mẽ của thương mại điện tử với con số khoảng 60 triệu người tham gia mua sắm trực tuyến vào năm 2022 và con số đang tăng lên một cách nhanh chóng trong nửa đầu năm 2023. Kinh tế số đã đóng góp 14,26% vào GDP năm 2022 tăng đáng kể so với năm 2021 và các năm trước.

Nền kinh tế số Việt Nam đang ở giai đoạn mới phát triển trong điều kiện các chính sách, cơ sở hạ tầng, nguồn lực,... chưa được hoàn thiện. Vì vậy, cần phải có những giải pháp thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế số tại Việt Nam hiện nay.

Thuận lợi cho phát triển, tăng trưởng nền kinh tế số tại Việt Nam

Việt Nam có cơ cấu dân số trẻ cao, am hiểu về công nghệ và là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng số người dùng điện thoại thông minh, phủ sóng Internet một cách nhanh chóng. Mặt khác, cơ sở hạ tầng viễn thông đang được đầu tư xây dựng. Mạng 3G, 4G phủ sóng hơn 96% cả nước và mạng 5G đang triển khai thử nghiệm ở hơn 40 tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh,... và sớm phủ sóng cả nước.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã làm thay đổi thói quen mua sắm của người tiêu dùng chuyển sang mua sắm trực tuyến. Với các hình thức chợ trực tuyến nổi tiếng đang ngày càng phát triển về quy mô lẫn hình thức như: Shopee, Lazada, Amazon,...

Đi cùng với sự phát triển của các chợ, siêu thị trực tuyến thì an toàn thông tin mạng ngày càng được chú trọng.

Các doanh nghiệp đã thay đổi mô hình kinh doanh mới bằng cách đầu tư nhiều hơn vào kinh doanh trực tuyến, khai thác ở nhiều kênh khác nhau đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Điều này được thể hiện qua tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của thương mại điện tử qua các năm. Sự gia tăng đó đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số.

Khó khăn, thách thức trong việc tăng trưởng nền kinh tế số tại Việt Nam

Bên cạnh những thành tựu đạt được, tăng trưởng nền kinh tế số vẫn còn nhiều khó khăn liên quan đến thể chế, cơ sở hạ tầng, sự cạnh tranh của các công ty, nguồn nhân lực...

Các thể chế, chính sách, quy định liên quan đến các hoạt động chuyển đổi số (thương mại điện tử, ngân hàng số...) chưa được đồng bộ và chặt chẽ.

Hạ tầng phục vụ cho chuyển đổi số chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế số. Tốc độ mạng tại Việt Nam chỉ đạt mức trung bình so với khu vực và thế giới. Dẫn đến vấn đề bảo mật thông tin còn nhiều thách thức cũng như việc trao đổi dữ liệu, thực hiện dịch vụ trực tuyến còn chậm.

Vấn nạn tin giả, phát ngôn quá khích trên mạng xã hội cũng đang là vấn đề nhức nhối trong xã hội hiện nay. Từ đó các hoạt động kinh doanh lừa đảo qua mạng gây rất nhiều ảnh hưởng đến người tiêu dùng trên cả nước.

Nguồn nhân lực phục vụ cho chuyển đổi số khan hiếm và đang có xu hướng chuyển sang khu vực tư nhân làm cho tốc độ số hóa nền kinh tế chậm lại đáng kể.

Tỉ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến còn rất thấp, các thủ tục vẫn đang còn nặng tính thủ công giấy tờ. Vì vậy dẫn đến tình trạng nhiều lãnh đạo các cơ quan Nhà nước, ngành địa phương còn chưa nắm bắt đầy đủ cách thức sử dụng và thông tin họ cần xử lý.

Giải pháp thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế số tại Việt Nam

Thứ nhất, cần xây dựng, ban hành các khuôn khổ pháp lý cụ thể, chặt chẽ nhằm kiểm soát hiệu quả các hoạt động kinh tế diễn ra trên không gian mạng. Hoàn thành pháp luật về thương mại điện tử, có chính sách bảo vệ người tiêu dùng, tránh tối đa gian lận thương mại từ đó đem lại niềm tin cho người tiêu dùng.

Thứ hai, đẩy mạnh các gói chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các chính sách thu hút nguồn nhân lực. Đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp mới, hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển các sản phẩm nội địa có chất lượng cao và thúc đẩy áp dụng công nghệ số vào kinh doanh, sản xuất.

Thứ ba, tổ chức giáo dục và đào tạo sử dụng hệ thống thông tin, dịch vụ công trực tuyến cho các cá nhân và tổ chức. Khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia.

Thứ tư, phát triển và hoàn thiện các cơ sở hạ tầng phục vụ cho nền kinh tế số. Đẩy mạnh hoàn thiện hạ tầng giao dịch trực tuyến đa quốc gia và thống nhất phương thức thanh toán giữa Việt Nam và các nước trên thế giới. Cùng với đó là nâng cấp mạng 4G và đẩy nhanh tiến độ phổ cập mạng 5G trên toàn quốc.

Thứ năm, xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn an ninh mạng, nâng cao mức độ bảo mật và an toàn thông tin cá nhân khi thực hiện các giao dịch điện tử... nhằm hạn chế ít nhất rủi ro đánh cắp dữ liệu người dùng.

Cuối cùng, nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về nền kinh tế số. Khuyến khích người dân thay đổi thói quen mua sắm, thanh toán theo hình thức trực tuyến và các doanh nghiệp chuyển đổi sang kinh doanh trực tuyến nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng.

Tài liệu tham khảo:

<https://dangcongsan.vn/multimedia/mega-story/thuc-day-manh-me-chuyen-doi-so-quoc-gia-580776.html>

<https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-trang-va-giai-phap-thuc-day-phat-trien-nen-kinh-te-so-o-viet-nam-hien-nay-104016.htm>

<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/825738/viet-nam-day-manh-phat-trien-kinh-te-so.aspx>

“Nói room tín dụng” và tác động tới thị trường bất động sản

Đỗ Thị Khánh Thảo - CQ59/11.01CLC

Trần Hà Ngọc - CQ58/09.04

Sau hơn 2 năm xảy ra đại dịch Covid-19, thị trường bất động sản lại tiếp tục đối diện với những khó khăn do chính sách kiểm soát chặt chẽ dòng vốn, chứng khoán sai quy định và việc tăng lãi suất tiền vay, tiền gửi của hệ thống ngân hàng... Trước những khó khăn đó, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng cho năm 2023, với mức tăng 1,5 - 2% vào cuối năm 2022. Câu hỏi đặt ra là: “Liệu “nói room tín dụng” với mức 1,5 - 2% có đủ cho nhu cầu vốn của thị trường bất động sản?”

“Room tín dụng” được hiểu là giới hạn cho vay của một ngân hàng. Tùy vào sức khỏe tài chính của từng ngân hàng, bao gồm hiệu quả quản lý tín dụng và chất lượng tín dụng, NHNN sẽ phân phối tỷ lệ room tín dụng cho các Ngân hàng Thương mại (NHTM) trong nước dựa trên mức tăng trưởng tín dụng của toàn nền kinh tế.

Tại sao cần “nói room tín dụng”?

Việc hết room tín dụng sẽ ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của ngân hàng cũng như các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đang có nhu cầu vay tín dụng, bởi khi ấy ngân hàng đã sử dụng hết giới hạn tín dụng mà NHNN quy định trước đó và không thể tiếp tục cho vay. NHNN sẽ tăng mức giới hạn cho vay của NHTM, đồng nghĩa với việc NHTM sẽ được phép cho vay vượt quá hạn mức ban đầu. Điều này cho phép các NHTM bơm vốn vào nền kinh tế tùy theo các lĩnh vực mà ngân hàng cho vay. Hơn thế nữa, việc “nói room tín dụng” phải theo sát diễn biến kinh tế, thị trường, sự phát triển hay thụt giảm của một ngành nghề hay lĩnh vực nào đó.

Tác động của việc nói room tín dụng cho thị trường bất động sản

Việc nói room tín dụng sẽ hỗ trợ thị trường bất động sản, tác động tích cực đến dòng tiền của các doanh nghiệp bất động sản theo hai góc độ:

Thứ nhất, việc nói room tín dụng sẽ giúp các doanh nghiệp bất động sản có thêm nguồn vốn để phát triển và mở rộng vốn kinh doanh.

Thứ hai, việc nói room tín dụng cũng giúp các doanh nghiệp bất động sản có thể vay vốn với lãi suất thấp hơn.

Ngoài ra, quyết định “nói room tín dụng” cũng là tín hiệu khả quan đối với thị trường bất động sản, hỗ trợ nguồn cầu và cả nguồn cung. Tuy nhiên, sẽ không có sự bùng nổ mà thị trường sẽ hồi phục từng bước theo hướng bền vững.

Tình hình chung của thị trường Bất động sản quý III/2022 cho tới quý I/2023

6 tháng đầu năm 2022, thị trường bất động sản chứng kiến sức mua của nhiều loại hình bất động sản giảm nhưng giá vẫn tăng, đặc biệt là căn hộ chung cư. Báo cáo của Bộ Xây dựng chỉ ra trong quý I, giá căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ tiếp tục có xu hướng tăng 2-3% nhưng chỉ đạt khoảng 20.325 giao dịch thành công, giảm 55% so với quý liền trước và giảm 20% cùng kỳ năm trước. Có thể thấy, Bước ra khỏi đại dịch COVID-19, thị trường bất động sản 2022 đã có nhiều cơ hội để hồi phục và phát triển. Xuất hiện nhiều chủ đầu tư, dự án bất động sản mở

bán hoặc lên kế hoạch mở bán trong thời gian ngắn; sự quan tâm và lượng giao dịch bất động sản cũng tăng dần theo tháng và ở hầu hết các phân khúc của thị trường. Theo thống kê của Hội môi giới bất động sản Việt Nam, ngay từ đầu quý I, nền kinh tế trong nước đã bắt đầu duy trì đà phục hồi, các hoạt động sản xuất được đẩy mạnh, chuỗi cung ứng, kinh doanh được khôi phục. Từ giữa cuối quý II/2022, thị trường bất động sản bắt đầu ghi nhận những dấu hiệu trầm lắng. Hàng loạt các chính sách thắt chặt về tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp cùng lanh đạo một số doanh nghiệp vướng vào lao lý đã khiến tâm lý chung trên thị trường e ngại, mọi giao dịch bị trì hoãn, các dự án đang triển khai phải nhấn nút “tạm dừng”. Tình trạng này không chỉ kéo dài một hai tháng mà đã diễn ra trong suốt nửa cuối năm 2022 và càng về sau thì “sức khoẻ” thị trường cũng như cộng đồng doanh nghiệp càng suy giảm.

Cụ thể, nguồn cung mới giảm 30 - 60%, lượng tiêu thụ giảm 30 - 80% tùy từng phân khúc. Nhiều dự án nhà ở xã hội trước đây giá chỉ khoảng hơn 20 triệu/m² thì hiện nay nhiều nơi lên hơn 30 triệu/m². Nguyên nhân là bởi động thái “phanh” tín dụng vào bất động sản từ ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, cũng như “siết” thuế bất động sản trong thời gian qua. Theo chia sẻ từ các DN kinh doanh BDS, nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm này là do *thiếu nguồn vốn*. Trong khi nhóm nhà đầu tư có năng lực tài chính thì thận trọng giữ tiền, nghe ngóng thị trường, chờ đợi các luật sửa đổi, bổ sung liên quan có hiệu lực; người dân có nhu cầu nhưng không vay được tiền để mua nhà dẫn đến việc DN thiếu vốn để đầu tư. Cùng với đó là động thái liên tục nâng lãi suất điều hành từ đầu quý IV, lại càng khiến cho thị trường trở nên *khát vốn* hơn. “Việc kiểm soát tín dụng cũng như siết chặt các quy định tiếp cận vốn bằng kênh trái phiếu khiến thị trường địa ốc rơi vào cơn khát vốn nghiêm trọng, nhiều DN đã và đang bị cạn vốn. Việc ngân hàng tăng lãi suất làm cho sức cầu thị trường giảm mạnh, hiện tượng cắt lỗ đã xảy ra, nhiều nhà đầu tư vẫn đang bị mắc kẹt trong giò hàng của mình vì không thể thanh khoản. Và hon thế nữa việc siết tín dụng trong thời gian dài khiến cho nhiều người khó tiếp cận được với các dự án.

Có thể nhận định, thị trường Bất động sản nước ta trong giai đoạn cuối 2022 và đầu năm 2023 là “lên bỗng xuống trầm”. Chính vì thế, chính sách nói room tín dụng có thể coi một công cụ rất hiệu quả để điều tiết nền kinh tế và thị trường bất động sản, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay Nhà nước đang thực hiện nhiều chính sách để phục hồi và tái phát triển nền kinh tế sau dịch COVID-19. Trước tình hình chung áy, việc ngân hàng nhà nước nói room tín dụng thêm từ 1,5% - 2% vào đầu tháng 12/2022 được coi là tín hiệu vui cho rất nhiều doanh nghiệp, không chỉ riêng lĩnh vực kinh doanh, chứng khoán... mà đặc biệt là đối với thị trường bất động sản.

Việc nói room với mức 1,5 - 2% liệu có đủ để thỏa mãn nhu cầu vốn của thị trường bất động sản cuối năm 2022 và đầu năm 2023?

Ngày 5/12/2022 Ngân hàng Nhà nước quyết định nói room tín dụng thêm 1,5 - 2%, tương đương với 240.000 tỷ đồng được cung ứng cho nền kinh tế. Đây là một trong những chính sách để khuyến khích các ngân hàng thương mại giảm lãi suất cho vay. Cùng với đó, các ngân hàng thương mại cũng phải bằng mọi cách giảm chi phí hoạt động để tạo điều kiện hạ lãi suất cho DN, dự án, lĩnh vực cần thiết lúc này. Hơn thế nữa, việc này cũng như một tín hiệu vui cho rất nhiều doanh nghiệp, không chỉ riêng lĩnh vực kinh doanh, chứng khoán... mà đặc biệt là đối với thị trường bất động sản. Khi mà trong thời gian dài việc siết tín dụng khiến cho nhiều người khó tiếp cận được với các dự án.

Hiện nay, không ít dự án bất động sản đang triển khai dở dang gặp khó vì thiếu vốn. Còn ở phía người mua nhà để ở, nhiều trường hợp đã nộp 70 - 80% giá trị hợp đồng nhà. Họ

còn thiếu 20-30% nữa để có thể nhận nhà. Do đó, việc nói room tín dụng lần này sẽ ít nhiều tiếp vốn cho thị trường bất động sản đặc biệt hỗ trợ lớn cho người lao động mua nhà trả góp.

Ngân hàng Nhà nước không siết chặt tín dụng một cách bất hợp lý, mà tăng cường kiểm tra giám sát, không buông lỏng quản lý. Do đó, nói “room” tín dụng sẽ đồng nghĩa với việc các ngân hàng sẽ cấp tín dụng có chọn lọc. Đối với các dự án khả thi, chủ đầu tư uy tín, phát triển bền vững hay mục đích phục vụ cho nguồn cầu mua để ở... mang lại lợi ích kinh tế thì vẫn được xem xét cấp tín dụng. Hiện nhu cầu đầu tư bất động sản cả mục đích để ở lẫn kinh doanh vẫn còn rất lớn và lĩnh vực này sẽ có nhiều đóng góp lớn cho nền kinh tế.

Thế nhưng với mức nói room 1,5 - 2% có nghĩa là hạn mức tín dụng được tăng lên 14%. Điều này chứng tỏ triển vọng dòng vốn vào thị trường bất động sản được khơi thông trong ngắn hạn là rất thấp bởi các ngân hàng sẽ phải xem xét mức độ cho vay, nên cho vay doanh nghiệp nào và ưu tiên dự án nào hơn. Thị trường bất động sản cơ bản vẫn cần thêm 200.000 tỷ đồng để có thể tái đầu tư, đa dạng hóa giá cả ở các phân khúc đất đai nhà ở. Có thể thấy hiện nay Việt Nam vẫn giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát được lạm phát, xuất siêu và có dự trữ ngoại hối trên 100 tỷ USD. Cho nên việc nói room tín dụng 1,5 - 2% là chưa đủ để giải quyết nhu cầu vốn của thị trường bất động sản. Vấn đề là tiền được bơm vào dự án, phân khúc hay lĩnh vực nào mới là điều quan trọng. Thị trường bất động sản sẽ có giao dịch trở lại nhưng không nhiều và không thể sôi động khi nói “room” tín dụng.

Một số giải pháp để giải quyết nhu cầu vốn của thị trường bất động sản

Thứ nhất, Việt Nam cơ bản vẫn giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, nếu Ngân hàng Nhà nước xem xét nói room tín dụng trong năm 2023 thêm 1-2%, từ mức mục tiêu 14% lên mức 15-16%. Điều này có thể giải quyết phần nào nhu cầu vốn trong ngắn hạn của các chủ đầu tư, dự án hay doanh nghiệp mới.

Thứ hai, việc nói room tín dụng chắc chắn sẽ đem lại những tín hiệu tích cực cho nền kinh tế nói chung, thị trường bất động sản nói riêng. Tuy nhiên, số vốn cấp ra so với nhu cầu của thị trường vẫn là thấp. Chính vì thế các ngân hàng phải “chọn mặt gửi vàng” đưa dòng vốn vào các dự án có tính chất có ích cho xã hội, phù hợp nhu cầu sử dụng khai thác kinh doanh. Với các dự án sắp hoàn thành thì phải tạo điều kiện tiếp tục hoạt động để tạo lợi ích cho cả doanh nghiệp, xã hội và nền kinh tế.

Thứ ba, hiện nay, dư nợ cho vay bất động sản chiếm khoảng 20,6% tổng dư nợ của toàn nền kinh tế; trong đó có 67% gắn với bất động sản nhà ở, 33% bất động sản kinh doanh và đầu tư. Do đó, *người dân và doanh nghiệp phải đa dạng hóa nguồn vốn ngoài kênh tín dụng ngân hàng như trái phiếu doanh nghiệp, chứng khoán, đầu tư nước ngoài...*

Thứ tư, trên thế giới đã hình thành rất nhiều các quỹ như quỹ đầu tư, quỹ ủy thác, quỹ tín thác... nhưng ở Việt Nam vẫn chưa có đa dạng các quỹ, điều này gây khó khăn trong việc cung cấp vốn cho thị trường bất động sản. Do đó, cần có giải pháp thúc đẩy hoạt động của các loại quỹ này ở thị trường bất động sản Việt Nam.

Thứ năm, Nhà nước ta cần tăng cường kiểm tra, giám sát, không buông lỏng quản lý. Đồng thời việc điều hành, thực hiện phải kết hợp hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ.

Tài liệu tham khảo:

- <https://moc.gov.vn/vn/tin-tuc/1285/71426/bo-xay-dung-cong-bo-thong-tin-ve-nha-o-va-thi-truong-bat-dong-san-quy-2022.aspx>
- <https://kinhtedothi.vn/noi-room-tin-dung-thi-truong-bat-dong-san-ky-vong-khoi-sac.html>
- <https://vnexpress.net/ngan-hang-nha-nuoc-noi-room-tin-dung-them-1-5-2-4544506.html>
- <https://thuonghieucuongluan.com.vn/chuyen-gia-nhan-dinh-ve-noi-room-tin-dung-tac-dong-toi-nen-kinh-te-a184766.html>

Phát triển tiêu dùng xanh ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp

Võ Lam Trang - CQ58/23.01

T rước tác động của biến đổi khí hậu, môi trường ô nhiễm và nguồn tài nguyên dần cạn kiệt, xu hướng tiêu dùng xanh đang ngày càng phổ biến trên thế giới. Tại Việt Nam, tiêu dùng xanh đang trở thành xu thế mới, đóng vai trò quan trọng đối với môi trường và xã hội. Tuy nhiên, ở Việt Nam xu hướng tiêu dùng xanh còn gặp nhiều thách thức, trở ngại. Do vậy, cần có giải pháp để thúc đẩy tiêu dùng xanh, bảo đảm phát triển bền vững, bắt kịp với xu thế của thế giới.

Khái quát về tiêu dùng xanh

Tiêu dùng xanh (Green consumption) được hiểu là tiêu dùng bền vững. Tiêu dùng xanh là việc mua và sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, không gây hại cho sức khỏe con người và không đe dọa đến hệ sinh thái tự nhiên. Những sản phẩm xanh bao gồm các sản phẩm ở các ngành hàng như gia dụng, thực phẩm, mỹ phẩm... được sản xuất từ các nguyên liệu thiên nhiên, hữu cơ hoặc có thành phần ít gây hại đến môi trường và sức khỏe con người. Ngoài ra, sản phẩm còn có thể bao gồm các yếu tố như quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, không chứa hóa chất độc hại, hoặc những sản phẩm đó giúp cho người tiêu dùng xanh tiết kiệm năng lượng...

Ở Việt Nam, khái niệm tiêu dùng xanh vẫn còn khá mới mẻ, nhưng có thể hiểu một cách khái quát: tiêu dùng xanh là thực hiện một chuỗi các hành vi gồm mua sản phẩm hoặc dịch vụ xanh và sử dụng xanh gồm tái sử dụng, tái chế, xử lý sạch nhằm làm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường.

Bản chất của tiêu dùng xanh đó là những hành vi của con người (hành vi tiêu dùng xanh) nhằm hướng tới bảo vệ môi trường. Tiêu dùng xanh có liên quan mật thiết đến các khái niệm về phát triển bền vững hoặc hành vi tiêu dùng bền vững. Đây là một hình thức tiêu dùng phù hợp với việc bảo vệ môi trường cho hiện tại và cho các thế hệ tiếp theo, được thể hiện trong toàn bộ quá trình mua, sử dụng và thải bỏ, đặc biệt là trong giai đoạn mua các sản phẩm thân thiện môi trường.

Hành vi của người tiêu dùng xanh được xác định bằng các đặc điểm sau:

(1) Mua và sử dụng các sản phẩm có tác động đến môi trường thấp hơn, như các sản phẩm phân hủy sinh học, bao bì tái chế hoặc giảm thiểu và sử dụng năng lượng thấp hơn,...

(2) Sử dụng sản phẩm có nguồn gốc hữu cơ, được thực hiện bằng các quy trình tiết kiệm năng lượng, sau đó có thể được tái chế lại, trên thực tế, người tiêu dùng xanh là "người mua các sản phẩm và dịch vụ được coi là có ảnh hưởng tích cực (hoặc ít tiêu cực) đến môi trường.

Thực trạng tiêu dùng xanh ở Việt Nam

Ở Việt Nam, chưa có quy định cụ thể về tiêu dùng xanh nhưng những nội dung liên quan đến tiêu dùng xanh đã sớm được đưa vào trong các chính sách, quy định của Đảng và Nhà nước.

Tại Việt Nam, kinh tế xanh đã được xác định là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: “Xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”.

Mặt khác, Quyết định số 1658 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050” chỉ rõ nội dung quan trọng đến tiêu dùng xanh là xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững: “Thúc đẩy tiêu dùng và mua sắm xanh, bền vững thông qua các chương trình dán nhãn năng lượng, nhãn sinh thái, nhãn xanh...; đẩy mạnh mua sắm công xanh và tiếp tục áp dụng hiệu quả các công cụ kinh tế để điều chỉnh hành vi tiêu dùng. Từng bước tạo lập mô hình và hình thành văn hóa, lối sống xanh”.

Chiến lược Tăng trưởng xanh là cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng các chính sách liên quan đến tiêu dùng xanh ở Việt Nam trong giai đoạn tới. Như vậy, chuyển đổi mô hình tiêu dùng theo hướng xanh và bền vững đã trở thành đường lối, quan điểm, chính sách xuyên suốt của Đảng và Nhà nước và là một nội dung căn bản của mục tiêu phát triển ở Việt Nam hiện nay.

Xu hướng tiêu dùng xanh đang phát triển nhanh trên thế giới và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Theo số liệu thống kê, có tới 80% người tiêu dùng Việt sẵn sàng chi trả nhiều hơn cho các sản phẩm có cam kết xanh và sạch, sản xuất từ những nguyên liệu thân thiện với môi trường. Để cạnh tranh trên thị trường, xu hướng “xanh hóa” trong xây dựng thương hiệu ngày càng phổ biến, nhiều DN đã nỗ lực đầu tư sản xuất nhằm cho ra đời những sản phẩm đảm bảo yếu tố “xanh” và “sạch”, xây dựng thương hiệu xanh gắn với phát triển bền vững. Theo kết quả nghiên cứu của Nielsen VN, các thương hiệu có cam kết “xanh” và “sạch” đều có mức tăng trưởng khá cao, khoảng 4%/năm.

Xu hướng tiêu dùng xanh cũng kéo theo sự nở rộ của các chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch như Sói Biển, Bác Tôm, Home Food,... xuất hiện nhằm đáp ứng nhu cầu mua sản phẩm sạch, rõ nguồn gốc của người dân. Nhiều cửa hàng trà sữa, cà phê chuyển sang kinh doanh theo xu hướng xanh bằng cách sử dụng ống hút tre hoặc inox thay cho ống hút nhựa; hạn chế sử dụng các loại nước đóng chai có bao bì khó phân hủy; chỉ sử dụng túi giấy thay vì sử dụng túi nylon... Nhiều siêu thị lớn trên cả nước như Co.opmart, Lotte mart, Mega Market thời gian qua cũng chung tay, nỗ lực giảm thiểu việc sử dụng túi nylon, rác thải nhựa bằng cách sử dụng lá chuối gói rau củ, thực phẩm thay túi nylon; sử dụng, phân phối các sản phẩm bao bì thân thiện môi trường...

Khó khăn trong xu hướng tiêu dùng xanh

Hiện tại ở Việt Nam xu hướng tiêu dùng xanh còn gặp nhiều thách thức, trở ngại, nhất là từ phía các doanh nghiệp. Đầu tiên, ý thức trách nhiệm đối với vấn đề bảo vệ môi trường từ phía doanh nghiệp còn hạn chế.

Theo đánh giá của Bộ Tài nguyên và Môi trường, chi phí tài nguyên và mức phát thải trung bình của các doanh nghiệp Việt Nam nhìn chung cao hơn so với mức trung bình của khu vực và thế giới. Hiện nay, nước thải của ngành chế biến thực phẩm đang cao gấp 3, 4 lần so với thế giới. Đặc biệt, túi nylon là một trong những loại gây hại nghiêm trọng đến môi trường. Uớc tính, mỗi hộ dân ở thành thị đang thải ra khoảng 2-5 túi nylon mỗi ngày, bởi vậy nước ta đang thải ra môi trường 20 - 60 tấn nhựa/ngày chỉ tính riêng cho túi nylon.

Trong khi đó, các hoạt động đã triển khai mới dừng ở mức nâng cao nhận thức cộng đồng trong sử dụng các sản phẩm sinh thái, túi ni lông sinh thái,... là những hoạt động đơn lẻ, thiếu tính kết nối, phạm vi tác động giới hạn trong khuôn khổ của một nhóm đối tượng hướng thụ trực tiếp, vì vậy, chưa có tính phổ biến và tính bền vững.

Nhiều doanh nghiệp chưa giải quyết thỏa đáng mâu thuẫn giữa mục tiêu lợi nhuận và tăng trưởng xanh, đặc biệt là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phần lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa đều thiếu vốn cho đầu tư phát triển sản phẩm xanh.

Ngoài ra, về phía người tiêu dùng, Tiêu dùng năng lượng cho sinh hoạt và giao thông vận tải tăng, dẫn đến việc tiêu thụ nhiều hơn và xăng dầu hơn so với trước đây làm tăng ô nhiễm môi trường. Trong khi đó, các dạng năng lượng sạch có tiềm năng lớn ở Việt Nam và có thể sử dụng phổ biến ở quy mô gia đình như năng lượng Mặt Trời, gió, ... còn ít được nghiên cứu, ứng dụng và phổ cập.

Mặc dù tiêu dùng xanh mang lại nhiều lợi ích cho người tiêu dùng và môi trường sống. Song để các sản phẩm xanh có thể thay thế hoàn toàn các sản phẩm tiêu dùng thông thường gây ô nhiễm thì còn rất nhiều khó khăn.

Giải pháp thúc đẩy tiêu dùng xanh ở Việt Nam

Mặc dù tiêu dùng xanh mang lại nhiều lợi ích cho người tiêu dùng và môi trường sống, thế nhưng, để các sản phẩm xanh có thể thay thế hoàn toàn các sản phẩm tiêu dùng thông thường gây ô nhiễm thì còn rất nhiều khó khăn, nhất là với một nước đang phát triển như Việt Nam. Vì vậy, để tiêu dùng xanh không dừng lại chỉ là một phong trào ngắn ngủi thì cần có sự chung tay của toàn xã hội.

Về phía Nhà nước

Nhà nước cần xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý, chính sách về tiêu dùng xanh sao cho đồng bộ, nhất quán như: Đưa ra các chính sách khuyến khích sản xuất sản phẩm, dịch vụ xanh; phát triển những ngành nghề, lĩnh vực có áp dụng công nghệ sạch; đẩy mạnh xanh hóa sản xuất, ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, phát triển công nghệ xanh; Phát triển và nhân rộng các mô hình doanh nghiệp xanh; Hỗ trợ giá đối với các sản phẩm, dịch vụ xanh nhằm đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng đối với sản phẩm này.

Xây dựng và thực hiện chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường như: cho doanh nghiệp vay vốn ưu đãi để thực hiện các dự án sản xuất sạch hơn. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ về thông tin, khả năng tiếp cận dịch vụ môi trường và nguồn nguyên liệu sạch. Nhanh chóng hình thành nguồn vốn hoặc quỹ môi

trường của ngành để trợ giúp cho các doanh nghiệp nâng cao năng lực thực thi quy định và pháp luật bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của tiêu dùng xanh đối với môi trường sống và sức khỏe của con người, tiến tới thay đổi nhận thức và hành động của toàn xã hội trong hoạt động bảo vệ môi trường.

Về phía doanh nghiệp

Cần chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường; chủ động cải tiến quy trình sản xuất, đổi mới công nghệ, phát triển nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, công nghệ sản xuất nhằm tiết kiệm tài nguyên, tiêu hao ít năng lượng; ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu đầu vào thân thiện với môi trường. Đặc biệt, luôn phải đặt vấn đề sức khỏe người tiêu dùng là trọng tâm của việc phát triển sản phẩm và có một chiến lược phát triển sản phẩm gắn liền với cam kết bền vững.

Đẩy mạnh tuyên truyền về lợi ích của các sản phẩm xanh, chất lượng và giá cả cạnh tranh trên thị trường của các sản phẩm xanh cũng như lợi ích thiết thực trong bảo vệ môi trường đến cộng đồng, người tiêu dùng, người sản xuất để thu hút lực lượng tiêu thụ sản phẩm xanh và nâng cao nhận thức về tiêu dùng xanh. Đồng thời, tạo mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà sản xuất xanh, sản phẩm xanh và người “tiêu dùng xanh”.

Về phía người tiêu dùng

Xây dựng một chính sách tiêu dùng hợp lý, khoa học. Cần phải xem hướng dẫn tiêu dùng như là một bộ phận trong giáo dục lối sống của cộng đồng để đạt đến sự phát triển bền vững. Một chính sách tiêu dùng hợp lý, được chấp nhận sẽ góp phần sử dụng có khoa học các tài nguyên thiên nhiên. Nâng cao nhận thức về quyền lợi và trách nhiệm của người tiêu dùng đối với mọi hàng hóa lưu thông trên thị trường tạo ra sức ép buộc các nhà sản xuất phải tuân thủ đúng tiêu chuẩn về chất lượng đối với sản phẩm của mình.

Ngoài ra, người dân cần ý thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của tiêu dùng xanh đối với môi trường, sức khỏe của cá nhân, cộng đồng vì sự phát triển bền vững cho muôn đời sau. Tích cực vận động người thân, gia đình thực hiện hành vi tiêu dùng xanh, coi đây là trách nhiệm và vinh dự lớn lao của mỗi con người trong xã hội.

Có thể nói, để thay đổi thói quen tiêu dùng sẽ phải mất nhiều thời gian, nhưng với sự sẵn sàng của người tiêu dùng, sự vào cuộc của các cơ quan quản lý nhà nước và sự cam kết chung tay của các doanh nghiệp, chắc chắn xu hướng tiêu dùng xanh sẽ ngày càng lan tỏa và phát triển mạnh mẽ hơn. Qua đó, không chỉ đem lại nhiều lợi ích cho người tiêu dùng và những doanh nghiệp phát triển xanh, mà còn góp phần tích cực trong cuộc chiến nói không với rác thải nhựa, bảo vệ môi trường sống của chúng ta.

Tài liệu tham khảo:

Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030.

<https://scp.gov.vn/> (2019) Tiêu dùng xanh: Giải pháp hiệu quả bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng, hướng đến phát triển bền vững.

Kinh tế Việt Nam khi gia nhập các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

Nguyễn Thị Trà My - CQ 58/11.01CLC

Trong những năm gần đây, Việt Nam đẩy mạnh mở cửa, hội nhập kinh tế thế giới, tích cực tham gia vào mạng lưới FTA thế hệ mới. Theo đó, tính đến năm 2022, Việt Nam đã tham gia và đang đàm phán 17 FTA, trong đó có 15 hiệp định đã có hiệu lực và đang thực thi cam kết, 02 hiệp định đang đàm phán. Điều đó đã góp phần không nhỏ giúp Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế, mở rộng thị trường xuất khẩu, cung cống thị trường truyền thống, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội tham gia vào các thị trường tiềm năng trên thế giới, cũng như giúp cho người tiêu dùng Việt Nam có thể tiếp cận được nguồn hàng phong phú, chất lượng với giá cả hợp lý... Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, việc gia nhập các FTA thế hệ mới cũng đem lại cho nền kinh tế Việt Nam không ít thách thức, buộc phải đổi mới và vượt qua để phát triển, bắt kịp với xu thế hội nhập của thế giới.

Cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam khi gia nhập các FTA thế hệ mới

Cơ hội

Một là, góp phần phục hồi nền kinh tế cho Việt Nam. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc, xung đột Nga - Ukraine và đại dịch Covid-19 trong những năm gần đây đã tác động, gây ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Vào cuối năm 2019, đầu năm 2020, khi thời điểm dịch bệnh Covid-19 bắt đầu bùng phát trên thế giới và Việt Nam, nền kinh tế phải tập trung thực hiện phòng, chống dịch bệnh, các chuyên gia đã dự đoán rằng, tăng trưởng kinh tế trong năm 2020 sẽ không thể đạt được mục tiêu đã đề ra. Tuy nhiên, nhờ có sự kiện Việt Nam đưa EVFTA vào thực thi đã góp phần ngăn chặn nguy cơ khủng hoảng của nền kinh tế Việt Nam thời điểm đó. EVFTA đã đem đến cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam trong việc mở rộng và đa dạng hóa thị trường, hay nói cách khác EVFTA chính là “phao cứu sinh” cho các doanh nghiệp đang rơi vào tình trạng chuẩn bị phá sản vì phải “đóng băng” hoạt động sản xuất, kinh doanh quá lâu do diễn biến phức tạp của dịch bệnh. Đồng thời, EVFTA cũng góp phần lớn trong việc thúc đẩy sự hồi phục của nền kinh tế Việt Nam và giúp cho tăng trưởng kinh tế đang dần trên đà phục hồi hậu Covid-19. Nghiên cứu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy, EVFTA giúp kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng thêm 20% vào năm 2020; dự kiến tăng 42,7% vào năm 2025 và 44,37% vào năm 2030 so với không có Hiệp định. Đồng thời, kim ngạch nhập khẩu từ EU cũng tăng nhưng với tốc độ thấp hơn xuất khẩu, cụ thể là tăng 15,28% vào năm 2020; dự kiến tăng 33,06% vào năm 2025 và 36,7% vào năm 2030. Về mặt vĩ mô, EVFTA góp phần làm GDP của Việt Nam

tăng thêm ở mức bình quân dự kiến từ 2,18% - 3,25% (2019 - 2023); 4,57% - 5,30% (2024 - 2028) và 7,07% - 7,72% (2029 - 2033). Ngoài ra, việc gia nhập EVFTA còn góp phần giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam và người tiêu dùng có thể tiếp cận được các nguồn hàng hóa, nguyên liệu nhập khẩu tốt, chất lượng từ thị trường EU với một mức giá hợp lý.

Hai là, tạo điều kiện để cho Việt Nam có thể thay đổi, cải tiến các chính sách và pháp luật sao cho phù hợp với các thông lệ thương mại quốc tế. Các FTA thế hệ mới đặt ra những cam kết sâu, rộng hơn nhiều so với các quy định của WTO. Tuy nhiên, các hiệp định này cũng đã chứng minh được giá trị to lớn của chúng khi đã giúp cho nền kinh tế của Việt Nam chống chịu lại với các ảnh hưởng tiêu cực từ các cuộc chiến thương mại và đại dịch Covid-19, cũng như tạo điều kiện cho nền kinh tế Việt Nam từng bước gia tăng giá trị trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh đó, các FTA thế hệ mới luôn hướng đến xây dựng nên một môi trường cạnh tranh bình đẳng, công bằng, minh bạch thông qua việc thúc đẩy các quốc gia thành viên tái cơ cấu và đổi mới lại các chính sách, pháp luật của quốc gia mình như là các vấn đề về thuế, kiện toàn bộ máy nhà nước, chính sách pháp luật về sở hữu trí tuệ, vấn đề giới hạn đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài... theo hướng minh bạch, phù hợp hơn với các thông lệ quốc tế. Nhờ những thay đổi này sẽ góp phần giúp cho sản phẩm Việt Nam đủ điều kiện đến gần hơn với thị trường thế giới, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào các thị trường “khó tính” như EU, Mỹ...

Ba là, giúp thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Các FTA thế hệ mới đều hướng đến tạo ra một thị trường cạnh tranh công bằng, minh bạch, đều có các cam kết về đối xử công bằng giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước trong các hoạt động đầu tư kinh doanh như thành lập doanh nghiệp, mua bán, sáp nhập, mở rộng, kinh doanh, vận hành... Theo đó, đã tạo cơ hội lớn cho các nhà đầu tư nước ngoài có thể mạnh dạn đầu tư vào thị trường tiềm năng như Việt Nam. Việc đó tạo nên nguồn vốn FDI lớn cho sự phát triển cho nền kinh tế, đồng thời cũng góp phần giúp cho Việt Nam tiếp cận được các công nghệ, kỹ thuật hiện đại, hạn chế bớt các công nghệ lạc hậu, thúc đẩy phát triển công nghệ xanh, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường. Nhờ các FTA được ký kết, Việt Nam đã thu hút được FDI từ các đối tác có FTA với Việt Nam. Theo đó, trong 139 quốc gia, vùng lãnh thổ có dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam, đứng đầu là những nền kinh tế có quan hệ FTA với Việt Nam như: Hàn Quốc (đứng thứ nhất) với tổng vốn đăng ký trên 70,6 tỉ USD (chiếm 18,4% tổng vốn đầu tư); Nhật Bản (đứng thứ hai) với gần 60,3 tỉ USD (chiếm 15,7% tổng vốn đầu tư); tiếp đến là Singapore, Trung Quốc...

Thách thức

Một là, phải đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe từ các đối tác khi gia nhập FTA thế hệ mới. Việc gia nhập các FTA thế hệ mới mang lại rất nhiều cơ hội đối với các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận được thị trường tiềm năng nhưng nó cũng tạo ra sức ép cạnh tranh lớn cho các nhà đầu tư, tuy nhiên đây là sự cạnh tranh lành mạnh, có chọn lọc, minh bạch. Theo đó, đối với EVFTA thì các mặt hàng của Việt Nam muốn được hưởng ưu đãi thuế quan thì bắt buộc nguồn nguyên liệu phải đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe của

EU như về tỉ lệ hàm lượng nội khói nhất định, hạn chế hoặc loại bỏ một số chất cấm sử dụng trong thực phẩm... Đây chính là một thách thức rất lớn cho Việt Nam, bởi đa phần các nguồn nguyên liệu để sản xuất hàng hóa được nhập từ Trung Quốc và các nước trong ASEAN. Đồng thời, tiêu chuẩn của các nước châu Âu rất khác và khắt khe hơn nhiều so với các nước ở khu vực châu Á. Bên cạnh đó, hiện nay, nhiều doanh nghiệp trong nước chưa thực sự quan tâm phát triển các sản phẩm theo hướng chú trọng cải thiện chất lượng mà chỉ chú tâm vào việc đẩy mạnh phát triển về doanh thu, số lượng sản phẩm làm ra. Điều đó dẫn đến hàng hóa Việt Nam chưa có nhiều thương hiệu nổi tiếng và chưa thực sự đáp ứng được các tiêu chuẩn về chất lượng của thị trường quốc tế.

Hai là, hệ thống pháp luật Việt Nam chưa phù hợp với các thông lệ thương mại quốc tế. Để phù hợp với xu thế hội nhập của thế giới khi tham gia vào các FTA thế hệ mới đòi hỏi Việt Nam phải chấp nhận và tuân thủ luật chơi của thị trường quốc tế. Để làm được điều đó thì cần có hệ thống pháp luật phù hợp và một môi trường kinh doanh lành mạnh, có như vậy thì mới có thể khai thác được hết các lợi thế của FTA thế hệ mới. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta chưa thực sự phù hợp với các quy định của FTA thế hệ mới. Chẳng hạn như, Nghị quyết số 72/2018/QH14 của Quốc hội phê chuẩn CPTPP cùng các văn kiện liên quan đã chỉ ra rằng, hệ thống pháp luật Việt Nam có rất nhiều quy định chưa thực sự tương thích với CPTPP. Cụ thể, các quy định công đoàn, tổ chức đại diện của người lao động, về đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, tranh chấp lao động hay đình công lĩnh vực lao động; trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ là các quy định liên quan đến điều kiện đăng ký hợp đồng để có hiệu lực đối với bên thứ ba... Hay Nghị quyết số 102/2020/QH14 của Quốc hội phê chuẩn FTA giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu cũng đã cho thấy, các vấn đề chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với các quy định EVFTA. Cụ thể là, các vấn đề về tự do hóa đầu tư, thương mại dịch vụ và thương mại điện tử; về lĩnh vực sở hữu trí tuệ là các quy định về bảo hộ chỉ dẫn địa lý, các quy định về cạnh tranh không lành mạnh... Có thể thấy, để thực thi các cam kết của FTA thế hệ mới Việt Nam có thể lựa chọn áp dụng trực tiếp hoặc nội luật hóa các quy định trong FTA. Nhưng thực tế hiện nay các quy định của FTA thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên có rất ít các quy định có thể áp dụng được trực tiếp, vì vậy, phần lớn các quy định đó buộc chúng ta phải nội luật hóa chúng thông qua việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật mới. Theo Nghị quyết số 102/2020/QH14 của Quốc hội, Việt Nam cần nghiên cứu và sửa đổi, bổ sung các văn bản luật như: Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Công đoàn... Đây chính là thách thức lớn cho Việt Nam khi phải sửa đổi hàng loạt các văn bản pháp luật, đồng thời phải thực hiện các cam kết khác đối với các lĩnh vực cụ thể khi gia nhập EVFTA.

Ba là, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu. Sức cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp, sản phẩm của Việt Nam nói riêng tuy đã có những cải thiện đáng kể so với trước đây nhưng vẫn còn rất yếu so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Đối với các doanh nghiệp hàng đầu, được đánh giá có năng lực cạnh tranh cao thì chưa nhiều các doanh nghiệp có khả năng vươn ra chiếm lĩnh

thị trường khu vực và thế giới. Đôi với các doanh nghiệp nhà nước, mặc dù đã tạo rất nhiều điều kiện cho các doanh nghiệp này phát triển nhưng vẫn chưa phát huy được vai trò đi đầu, dẫn dắt trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới và phát triển theo hướng chuyển đổi số đi đôi với bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, ở thị trường trong nước, các doanh nghiệp nội địa còn phải đối mặt với “làn sóng” hàng hóa nhập khẩu với giá cả phù hợp và chất lượng tốt, điều này gây ra sức ép cạnh tranh cho các ngành sản xuất trong nước. Ngoài ra, hiện nay cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường đã ký FTA có sự chuyển biến, đã giảm tỷ trọng hàng nhiên liệu thô và nông, lâm, thủy sản, tăng tỉ trọng của nhóm hàng chế biến, chế tạo và vật liệu xây dựng. Tỷ trọng gộp của cả nhóm hàng chế biến, chế tạo và vật liệu xây dựng tăng từ 62,9% năm 2015 lên 69,8% trong tổng kim ngạch năm 2020. Tuy nhiên, chúng ta đã tập trung quá lớn vào thị trường Trung Quốc (xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc với trị giá 400 triệu USD, chiếm 27,3% tổng trị giá xuất khẩu) mà không đa dạng hàng hóa thị trường. Việc phụ thuộc quá lớn vào một thị trường sẽ gây ra những rủi ro rất lớn cho nền kinh tế Việt Nam khi thị trường đó cắt giảm hoặc tạm ngưng nhập khẩu. Từ đó cho thấy, năng lực cạnh tranh và khả năng chiếm lĩnh chuỗi cung ứng toàn cầu của các doanh nghiệp Việt Nam chưa cao, đồng thời sản phẩm của Việt Nam chưa thực sự đủ tiêu chuẩn về chất lượng, giá cả để đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm của các quốc gia khác.

Một số giải pháp định hướng

Một là, doanh nghiệp cần chú trọng vào chất lượng các sản phẩm xuất khẩu và nắm bắt được đầy đủ thông tin về các FTA thế hệ mới. Theo đó, với yêu cầu khắt khe cùng với các tiêu chuẩn cao từ EU, cũng như các nước châu Âu khác thì buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải chủ động trong việc tìm hiểu, nắm bắt rõ đầy đủ thông tin, yêu cầu, các quy định nghiêm ngặt về các FTA thế hệ mới, cũng như các quy định về xuất nhập khẩu của các quốc gia đối tác. Đồng thời, cần hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tiếp cận với các tiêu chuẩn khắt khe, các quy định từ các FTA thế hệ mới thông qua các buổi hội thảo, tọa đàm, báo cáo, hướng dẫn các doanh nghiệp để các doanh nghiệp có thể nắm rõ, áp dụng linh hoạt, trung thực các quy định và tự tin khi giao kết các hợp đồng với các đối tác đến từ các thị trường khắt khe. Bên cạnh đó, cũng cần đa dạng hóa các thị trường nhập khẩu nguyên liệu sản xuất, cần chú trọng vào chất lượng sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn từ các nước đối tác. Hạn chế việc sản xuất ô ạt, không nên chỉ quan tâm về mặt doanh thu, số lượng mà dẫn đến chất lượng không đạt chuẩn. Có như vậy, hàng hóa, sản phẩm của Việt Nam mới có thể vươn ra thế giới, thỏa mãn các tiêu chuẩn về chất lượng của thị trường quốc tế, xây dựng nên giá trị trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Hai là, cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, các chính sách, tạo ra một môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch nhằm thực hiện tốt các cam kết khi gia nhập các FTA thế hệ mới. Tuy nhiên, việc cải cách các thể chế chính trị, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành cần phải đảm bảo tính đồng bộ, không tạo ra các xung đột pháp lý và mâu thuẫn với chính sách, có hiệu quả và duy trì ổn định môi

trường đầu tư, kinh doanh, tạo ra một môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch, hạn chế ảnh hưởng đến lợi ích của các doanh nghiệp đang hoạt động, cũng như các nhà đầu tư mới trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, cũng phải tăng cường năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan thực thi, đặc biệt là hải quan và ngành tòa án là những người có năng lực chuyên môn cao và được trang bị những kỹ năng cần thiết về thông tin các quy định FTA thế hệ mới, các điều kiện, tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế... Có như vậy, mới có thể tận dụng được thời cơ của các FTA thế hệ mới, từ đó thúc đẩy và nâng tầm giá trị nền kinh tế Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Ba là, cần nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường trong và ngoài nước. Theo đó, đối với thị trường trong nước, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước ở những lĩnh vực trọng yếu đang bị gây sức ép cạnh tranh bởi hàng hóa nhập khẩu bên ngoài. Đồng thời, các doanh nghiệp trong nước cũng cần đổi mới quy trình sản xuất, chú trọng vào chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, các vấn đề về môi trường, hạn chế nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài. Bên cạnh đó, cần đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu của Việt Nam, không nên chỉ thu hẹp trong phạm vi các nước khu vực, cần vươn ra thị trường tiềm năng ở châu Âu. Hạn chế việc tổng giá trị xuất khẩu bị chiếm phần lớn quá nhiều bởi một quốc gia nhất định, bởi nó sẽ đem đến những rủi ro rất lớn khi hiện nay tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới đang rơi vào tình trạng bất ổn, các cuộc xung đột, chiến tranh thương mại có thể ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế Việt Nam.

Kết luận

Trong những năm qua, nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng phải đối mặt với rất nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc chiến tranh thương mại và tác động mạnh mẽ của đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, nhờ vào sự đẩy mạnh tham gia và ký kết vào các FTA thế hệ mới, điển hình với hai hiệp định nổi bật là CPTPP năm 2018, EVFTA năm 2019 đã góp phần lớn trong việc vực dậy nền kinh tế đang gặp nhiều khủng hoảng sau đại dịch, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp và sản phẩm của Việt Nam “bước chân” vào thị trường “khắt khe” như EU, Mỹ... Bên cạnh những cơ hội đó, việc gia nhập các FTA thế hệ mới cũng đặt ra cho Việt Nam không ít thách thức lớn. Chính vì vậy, việc phân tích, đánh giá các cơ hội, thách thức của nền kinh tế Việt Nam khi gia nhập FTA thế hệ mới và đưa ra các giải pháp, kiến nghị phù hợp nhằm thúc đẩy khôi phục và phát triển nền kinh tế Việt Nam theo hướng lâu dài và bền vững là điều rất quan trọng, cấp thiết.

Tài liệu tham khảo:

Bộ Công Thương Việt Nam (2020), “Công tác sửa đổi, xây dựng pháp luật để thực thi Hiệp định EVFTA”, truy cập ngày 01/02/2023, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/cong-tac-sua-doi-xay-dung-phap-luat-de-thuc-thi-hiep-dinh-ev.html>

Nguyễn Hồng Diên (2021), “Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu”, truy cập ngày 01/02/2023, <http://tapchimattran.vn/kinh-te/khai-thac-hieu-qua-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-mo-rong-va-da-dang-hoa-thi-truong-xuat-khau-41379.html>

Nguyễn Thị Thu Trang (2016), “Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết của FTA Việt Nam - EU về Sở hữu trí tuệ”, NXB. Công Thương, Hà Nội.

Cơ hội và thách thức của các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu ở Việt Nam khi Trung Quốc mở cửa biên giới sau đại dịch

Vũ Thị Tâm - CQ59/09.04

Việt Nam là một nước có nền kinh tế mở, vì vậy hoạt động giao thương qua lại với các nước khác trên thế giới diễn ra khá sôi nổi và nhộn nhịp, tuy nhiên chính đặc trưng này khiến nền kinh tế Việt Nam cũng nhạy cảm với những biến động của tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới. Sau khi kiểm soát được đại dịch Covid-19, Việt Nam dần tiến hành mở cửa nhằm phục hồi nền kinh tế thông qua các hoạt động thương mại diễn ra cả ở trong nước lẫn quốc tế, tuy nhiên quá trình hợp tác gặp nhiều khó khăn vì một số nước vẫn duy trì các biện pháp phòng dịch khắt khe để đối diện với tình hình dịch bệnh đang diễn ra căng thẳng, trong đó có Trung Quốc - đối tác chính trong hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay.

Là một đất nước có nền kinh tế phát triển đứng thứ 2 thế giới, đồng thời có lợi thế về giao thông qua lại với Việt Nam, Trung Quốc là thị trường trọng yếu, ảnh hưởng đến quy mô, tốc độ phát triển và hoạt động xuất nhập khẩu đối với nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, chính phủ Trung Quốc lại kiên định với chính sách Zero - Covid, đóng cửa biên giới trong một thời gian dài khiến cho hoạt động thương mại với Việt Nam bị ngưng trệ, gây ảnh hưởng tiêu cực đối với nền kinh tế của cả 2 nước nói riêng và đối với tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu nói chung.

Ngày 8/1/2023, sau hơn 3 năm đóng cửa biên giới để phòng chống dịch Covid-19, Trung Quốc đã tiến hành các hoạt động để dần nói lời chính sách Zero - Covid, trong đó có tiến hành mở lại toàn bộ cửa khẩu đường bộ, cụ thể là biên giới Việt Trung ở các tỉnh phía Bắc Việt Nam. Trước động thái mở cửa của Trung Quốc, rất nhiều hoạt động kinh tế xã hội được diễn ra giữa người dân và doanh nghiệp hai nước như: lượng người nhập cảnh vào Việt Nam và nhiều người Trung Quốc ở Việt Nam xếp hàng trước cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn để làm thủ tục xuất nhập cảnh; hàng hóa bị ùn ú, tắc nghẽn được thông quan dễ dàng, thuận lợi, các hoạt động kinh tế khác như du lịch, hoạt động văn hóa... cũng được diễn ra sôi nổi, nhộn nhịp. Tuy nhiên, liệu những tín hiệu tích cực từ việc Trung Quốc mở cửa trở lại có được duy trì hay không? Cơ hội và thách thức mà Việt Nam thực sự phải đổi mới khi Trung Quốc mở cửa là gì?

Cơ hội của Việt Nam khi Trung Quốc mở cửa biên giới sau đại dịch

Thứ nhất, Trung Quốc mở cửa biên giới sẽ giúp kết nối lại chuỗi cung ứng bị đứt gãy trong một thời gian dài, hứa hẹn về các hoạt động xuất nhập khẩu, thông quan hàng

hóa giữa biên giới hai quốc gia diễn ra sôi nổi, nhộn nhịp. Từ khi có quyết định của chính phủ Trung Quốc về việc mở cửa biên giới sau đại dịch, các cơ quan chức năng có thẩm quyền thuộc cửa khẩu biên giới hai quốc gia đã tích cực triển khai thi hành chính sách, thực hiện các thủ tục thông quan nhanh chóng, đầy đủ, an toàn để giải quyết các xe hàng đã bị ngưng trệ quá lâu giúp chuỗi cung ứng được lưu thông, giải quyết kịp thời bài toán về xuất nhập khẩu cho các doanh nghiệp hai nước hiện nay. Các quy định về xét nghiệm Covid - 19 đã được sửa đổi sao cho phù hợp với tình hình mở cửa trở lại của Trung Quốc, tạo thuận lợi cho các xe chở hàng hóa đều được thông quan dễ dàng. Theo ông Hoàng Khánh Duy, phó trưởng Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn (tỉnh Lạng Sơn) chia sẻ: "Hàng hóa đến đâu, hầu như xuất đến đây, tồn hàng rất ít, chỉ khoảng trăm xe cuối ngày". Đây là dấu hiệu tích cực đầu năm cho thấy việc Trung Quốc mở cửa đã làm thông quan hàng hóa, chuỗi cung ứng được kết nối liền mạch, giảm thiểu chi phí phát sinh liên quan đến xét nghiệm và tối ưu hóa thời gian xuất khẩu của các doanh nghiệp. Dự báo trong tương lai, số lượng hàng xuất nhập khẩu qua lại giữa hai nước còn tiếp tục tăng lên nếu các chính sách, quy định về xuất nhập khẩu giữa hai nước ngày càng được tối giản hóa và phù hợp với bối cảnh mở cửa hiện nay.

Thứ hai, khi Trung Quốc mở cửa, giá nguyên vật liệu, linh kiện điện tử, máy móc nhập khẩu có khả năng giảm giúp các doanh nghiệp Việt Nam khắc phục được khó khăn liên quan đến nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong số các thị trường Việt Nam nhập khẩu (chiếm 32,9%) và cụ thể các mặt hàng liên quan đến nguyên vật liệu đầu vào như: máy móc, linh kiện, thiết bị điện tử được Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất. Trong suốt thời gian bị ngưng xuất nhập khẩu giữa biên giới hai quốc gia khiến cho các doanh nghiệp gặp khó khăn về nguồn nguyên vật liệu từ đó dẫn đến khan hiếm và đẩy giá các nguyên vật liệu đầu vào tăng lên. Tuy nhiên hiện nay, khi việc thông quan hàng hóa được thông suốt, nguồn cung nguyên vật liệu được đáp ứng kịp thời, các loại giá phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu có xu hướng giảm hoặc không biến động quá lớn sẽ khiến cho giá các yếu tố đầu vào trở về mức hợp lý và ổn định, tạo hiệu quả về đầu ra cả về lượng và chất cho các mặt hàng của các doanh nghiệp.

Thứ ba, cầu các loại hàng hóa ở cả hai nước có xu hướng gia tăng. Thông tin về việc mở cửa thông quan biên giới giữa hai quốc gia đã làm cho nhu cầu tiêu thụ hàng hóa tăng lên: về phía Trung Quốc, người dân đã phải ở nhà trong một thời gian dài để tuân thủ chính sách chống dịch của chính phủ, điều này khiến cho nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của họ giảm, lượng cầu về hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam cũng giảm do sự khan hiếm trong lượng hàng của Việt Nam ở thị trường Trung Quốc, do đó khi hàng hóa được thông quan, họ sẽ có nhu cầu nhiều hơn về các mặt hàng của Việt Nam đặc biệt về các mặt hàng liên quan đến thủy sản, dệt may, cao su...và các mặt hàng nông, lâm, thủy sản khác, dẫn đến các đơn hàng được đặt về Việt Nam nhiều hơn làm gia tăng lượng hàng xuất khẩu sang Trung Quốc. Ngoài ra, nhu cầu nhập khẩu các nguyên vật liệu đầu vào từ Trung Quốc ở Việt Nam cũng tăng lên do nhu cầu thúc đẩy phát triển sản xuất và tăng

trưởng của các doanh nghiệp. Đặc biệt Việt Nam là một nước có số lượng nhập khẩu máy móc, máy vi tính, thiết bị, sản phẩm điện tử... chiếm trọng yếu trong số các hàng hóa nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, do đó nhu cầu về các mặt hàng này dự báo sẽ tăng đáng kể so với năm 2022.

Khó khăn của Việt Nam khi Trung Quốc mở cửa biên giới sau đại dịch

Thứ nhất, sự không thống nhất trong chính sách của hai quốc gia liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, giao thương qua lại trong bối cảnh dịch bệnh và chiến tranh. Do sự khác biệt liên quan đến các chính sách kiểm soát dịch bệnh, Việt Nam và Trung Quốc có những biện pháp mở cửa nền kinh tế khác nhau: cụ thể phía Trung Quốc có những biện pháp thủ tục nghiêm ngặt trong việc nhập khẩu hàng hóa, các cửa khẩu chưa có sự đồng bộ trong việc mở cửa lưu thông, về phía Việt Nam đã tiến hành mở cửa biên giới, thực hiện chính sách “bình thường hóa” với dịch COVID - 19 từ sớm, đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa với các quốc gia nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp phục hồi phát triển sản xuất sau đại dịch trong đó có Trung Quốc.

Thứ hai, nguy cơ tiềm ẩn rủi ro liên quan đến lan truyền dịch bệnh có biến thể mới từ Trung Quốc. Việc tiến hành mở cửa đồng nghĩa với việc chấp nhận “sống chung” với dịch, khi đó nguy cơ lan truyền dịch bệnh, nguy cơ dịch “bùng phát lại” trong cộng đồng cao và khó kiểm soát. Đặc biệt Trung Quốc lại vừa trải qua các đợt dịch căng thẳng, liên tục phong tỏa nhằm ngăn chặn dịch bệnh lây nhiễm, vì vậy tiến hành mở cửa biên giới của Trung Quốc cũng gây e ngại lớn đối với các nước có hoạt động xuất nhập khẩu với Trung Quốc trong đó có Việt Nam. Nguồn lây nhiễm có thể đến từ các tài xế, các hàng hóa được vận chuyển hoặc từ người dân nhập cảnh giữa hai nước.

Thứ ba, áp lực cạnh tranh hàng hóa với Trung Quốc. Để nâng cao hiệu quả cạnh tranh về giá và khối lượng sản phẩm cung ứng với thị trường trong và ngoài nước, “các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng của Việt Nam” phải thực hiện “mục tiêu nội địa hóa 65-70% trong các năm tới”. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tỷ trọng nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc năm 2022 so với năm 2021 tăng khoảng 32,9% - cao nhất trong các thị trường nhập khẩu thuộc khu vực Đông Nam Á, do đó khi Trung Quốc mở cửa biên giới, tỷ lệ này dự báo còn tăng đáng kể. Điều này có thể gây ảnh hưởng lớn tới giá hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam trong việc cạnh tranh với thị trường nước ngoài - đặc biệt là với thị trường Trung Quốc. Trung Quốc có ưu thế về xuất khẩu nguyên vật liệu cho các nước trên thế giới, lợi thế ấy khiến giá trị hàng hóa được sản xuất ở Trung Quốc có giá cả cạnh tranh hơn và được ưa chuộng hơn không chỉ nội địa mà còn ở nước ngoài. Do đó, khi Trung Quốc mở cửa, đồng nghĩa với việc hàng hóa từ thị trường này sẽ được cung ứng mạnh mẽ hơn, tạo áp lực cạnh tranh tới các hàng hóa ở các nước trong khu vực và trên thế giới, điều đó khiến các doanh nghiệp Việt Nam cần có những tính toán, đề ra phương hướng, chiến lược nhằm đạt tới mục tiêu nội địa hóa, giảm thiểu phụ thuộc vào hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu từ nước ngoài.

Giải pháp nhằm phát huy thuận lợi và hạn chế khó khăn từ việc mở cửa biên giới sau đại dịch của Trung Quốc

Thứ nhất, phối hợp, đồng nhất các chính sách liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa giữa hai nước. Chính phủ hai nước cần tăng cường có các cuộc gặp mặt, trao đổi về các vấn đề liên quan đến giao thương qua lại giữa hai quốc gia, từ đó đề xuất các chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, đồng bộ giải pháp tiến tới tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, tăng cường hợp tác có hiệu quả đồng thời bảo đảm an ninh và phòng chống dịch bền vững.

Thứ hai, khai thác tối đa các văn bản hợp tác đã ký kết với Trung Quốc gồm 13 bản được diễn ra vào cuối năm 2022 như: Bản ghi nhớ giữa Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ Thương Mại Trung Quốc về tăng cường hợp tác đảm bảo chuỗi cung ứng Việt - Trung, Bản Ghi nhớ giữa Bộ Công Thương Việt Nam và chính quyền nhân dân tỉnh Vân Nam và Bộ Văn hóa và Du lịch Trung Quốc giai đoạn 2023-2027,... và còn nhiều văn bản khác. Khi khai thác có hiệu quả các văn bản này, doanh nghiệp sẽ có định hướng kinh doanh và hợp tác có hiệu quả hơn khi Trung Quốc mở cửa trở lại, cụ thể: quá trình xuất nhập khẩu hàng hóa sang Trung Quốc sẽ thuận lợi hơn, việc kiểm dịch các xe từ biên giới Việt Nam sang sẽ được nới lỏng và thời gian chờ được thông quan cũng sẽ được rút ngắn hơn so với giai đoạn Trung Quốc “đóng cửa” nền kinh tế hay việc nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc sang cũng sẽ thuận lợi hơn, các doanh nghiệp cũng không bị rơi vào trạng thái khan hiếm nguồn vật liệu đầu vào trong một thời gian dài... Do đó chính quyền các địa phương Việt Nam sát biên giới với Trung Quốc cần thông tin tới các doanh nghiệp và có kế hoạch nhằm quản lý và khai thác các văn bản có hiệu quả, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong nước có hướng phát triển hiệu quả hơn trong bối cảnh hiện nay.

Thứ ba, về phía ngành hải quan cần tiến hành đầu tư xây dựng hệ thống hải quan điện tử mới giúp cho việc thông quan hàng hóa biên giới trên bộ được nhanh chóng thuận tiện hơn, nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu trong bối cảnh toàn cầu đang tiến tới phục hồi nền kinh tế sau đại dịch, việc chậm cải tiến hệ thống hải quan không chỉ ảnh hưởng tới hoạt động xuất nhập khẩu với Trung Quốc nói riêng mà còn ảnh hưởng tới hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam nói chung.

Thứ tư, các doanh nghiệp cần không ngừng cải tiến, nâng cao máy móc trang thiết bị để nâng cao hiệu suất hoạt động nhằm đưa ra thị trường sản phẩm có giá cả mang tính cạnh tranh cao, đặc biệt cạnh tranh với hàng hóa nội địa ở thị trường Trung Quốc và hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc sang, ngoài ra không ngừng sáng tạo các thiết kế mới, đưa ra những ý tưởng đột phá về sản phẩm và nâng cao trải nghiệm người dùng, nắm bắt tâm lý người tiêu dùng ở các nước xuất khẩu, đặc biệt tâm lý người tiêu

dùng ở thị trường Trung Quốc sau khi nước này mở cửa nền kinh tế nhằm cung cấp sản phẩm có chất lượng và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân ở thị trường trong và ngoài nước kịp thời.

Thứ năm, các doanh nghiệp trong nước cần tăng cường chủ động về nguồn nguyên vật liệu đầu vào, khai thác tối đa thế mạnh trong nước nhằm gia tăng giá trị hàng hóa để giảm giá bán khi xuất khẩu sang thị trường các nước lân cận từ đó giúp việc cạnh tranh không chỉ với các doanh nghiệp ở Trung Quốc mà còn với các doanh nghiệp ở các nước khác có hiệu quả và bền vững trong giai đoạn diễn biến về dịch bệnh và chính trị đang ngày càng phức tạp, quá trình nhập khẩu hay xuất khẩu hàng hóa đều trở nên khó khăn và khó kiểm soát, nguồn cung nguyên vật liệu khan hiếm. Do đó điều tất yếu phải nâng cao năng lực cung ứng nguyên vật liệu nội địa nhằm phục vụ tối đa cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước, tránh phụ thuộc quá nhiều vào nguyên vật liệu đầu vào từ bên ngoài.

Kết luận

Trong bối cảnh tình hình chính trị và dịch bệnh diễn biến phức tạp, khi Trung Quốc mở cửa biên giới sau đại dịch là một bước đột phá mở ra không chỉ cho nền kinh tế Việt Nam mà còn với nền kinh tế thế giới những thay đổi mới, tạo ra những cơ hội song hành với khó khăn thách thức về việc phục hồi và phát triển nền kinh tế sau đại dịch khi nước có nền kinh tế đứng thứ hai thế giới bắt đầu phục hồi trở lại. Do đó, bài toán đặt ra về lâu dài cần đưa ra những chiến lược và hợp tác toàn diện hơn trên các lĩnh vực với Trung Quốc để từ đó không chỉ khai thác những lợi thế thương mại, nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu ở Việt Nam mà còn tiến tới hợp tác có hiệu quả nhằm thúc đẩy nền kinh tế hai nước phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo:

- <https://baochinhphu.vn/bai-cuoi-can-giai-phap-dot-pha-thuc-day-hoat-dong-thuong-mai-bien-gioi-102230504215924398.htm>
- <https://vtv.vn/kinh-te/trung-quoc-mo-cua-bien-gioi-co-hoi-song-hanh-thach-thuc-20230107103746269.htm>
- <https://vneconomy.vn/trung-quoc-mo-cua-co-can-canh-giac-ve-mot-lan-song-covid-19-moi.htm>
- <https://www.customs.gov.vn/index.jsp?pageId=442&tkId=6083>
- <https://tuoitre.vn/hang-hoa-xuat-sang-trung-quoc-se-duoc-go-bo-xet-nghiem-tu-8-1-2023-202212300945059.htm>
- <https://tuoitre.vn/xuat-khau-sang-trung-quoc-hang-chuyen-den-dau-xuat-den-day-20230129140813395.htm>

Đính chính

Nội san tập 8/2023 đã đăng bài: "Đẩy mạnh kinh tế số và kinh tế xanh phát triển song hành" của tác giả Trần Thuỳ Nhụng - CQ59/21.07CLC

Nay sửa lại là: Trần Thuỳ Nhụng - CQ59/21.08CLC

Ảnh hưởng của mạng xã hội đối với sinh viên

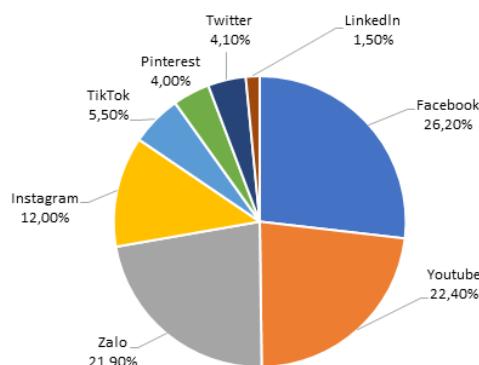
Hoàng Phương Thảo - CQ58/21.01CLC

Sự phát triển của mạng xã hội có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của toàn xã hội trong những năm gần đây đặc biệt là đối với sinh viên. Trong thời đại được gọi là “Thế giới phẳng” theo quan điểm của Thomas L. Friedman tác giả của cuốn sách World is flat (Thế giới phẳng) “không ai có thể phủ nhận lợi ích từ mạng xã hội”. Bên cạnh rất nhiều tiện ích mà mạng xã hội mang lại như: thông tin nhanh, khối lượng thông tin phong phú được cập nhật liên tục, có nhiều tiện ích về giải trí... còn có một khía cạnh khá quan trọng, làm thay đổi mạnh mẽ hình thức giao tiếp giữa những cá nhân, các nhóm và các quốc gia với nhau, đó chính là khả năng kết nối. Tuy nhiên mạng xã hội cũng đem đến nhiều mặt tiêu cực đặc biệt là đối với sinh viên như mất nhiều thời gian vào mạng xã hội, làm xao nhãng việc học, sa đà vào thế giới ảo mà quên mất hiện thực, dễ bị lừa đảo, lợi dụng... Chính vì vậy chúng ta cần làm rõ những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực mà mạng xã hội mang đến đời sống sinh viên hiện nay. Từ đó có thể đưa ra những giải pháp giúp các bạn sinh viên sử dụng mạng xã hội một cách hiệu quả hơn.

Đầu tiên chúng ta cùng đi tìm hiểu về khái niệm “Mạng xã hội”, một khái niệm mà chúng ta đã nghe nhiều đến nó nhưng có thực sự hiểu nó không? Mạng xã hội là một nền tảng trực tuyến với nhiều tính năng và mục đích khác nhau. Là nơi mọi người có thể kết nối dựa trên những điểm chung như tính cách, nghề nghiệp, sở thích... Những người tham gia vào MXH được gọi là cư dân mạng. Hiện nay có rất nhiều mạng xã hội được hình thành phổ biến như là: Facebook, Instagram, YouTube, TikTok, LinkedIn... Mạng xã hội tạo ra nhằm mục đích cho phép người dùng giải trí, giao lưu, chia sẻ thông tin mà không phải phụ thuộc vào không gian và thời gian.

Thực trạng sử dụng mạng xã hội của sinh viên hiện nay

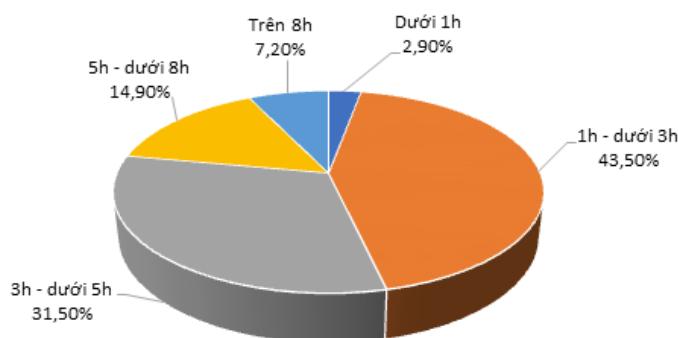
Biểu đồ 1: Nền tảng MXH được sử dụng nhiều nhất



Theo thống kê của Bộ Giáo dục từ nghiên cứu về việc sử dụng MXH của sinh viên lên 1,5 triệu sinh viên của các trường đại học trên toàn quốc đã đưa ra một con số đó là 92% các sinh viên ra dùng 1 mạng xã hội nhất định. Vậy mạng xã hội nào được sử dụng nhiều nhất?

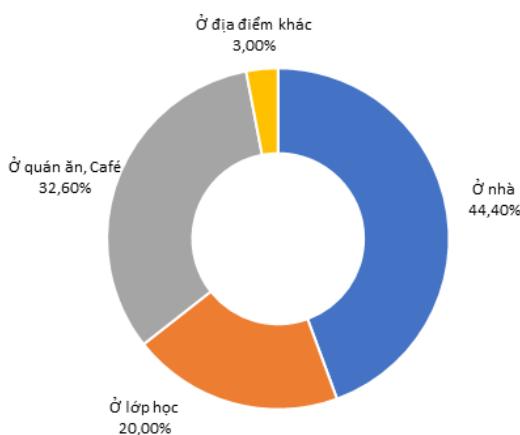
Từ biểu đồ 1 ta thấy rằng Facebook vẫn là nền tảng mạng xã hội được sử dụng nhiều nhất, tiếp theo đó là Youtube, Zalo, Instagram và Tiktok. Đến nay Facebook đã trở thành mạng xã hội thành công nhất thế giới với gần 1,5 tỉ người sử dụng và trong đó có một bộ phận không nhỏ sinh viên Việt Nam coi Facebook là cuộc sống thứ 2 của mình bởi Facebook có tính tương tác cao, kho lưu trữ lớn, đây còn là nơi giúp kết nối mọi người trên khắp thế giới một cách dễ dàng.

Biểu đồ 2: Thời gian sử dụng MXH



Nhìn vào biểu đồ 2 ta thấy, thời lượng sử dụng MXH của sinh viên rất lớn. Theo thống kê sơ bộ hiện nay thời lượng sinh viên sử dụng MXH trung bình là từ 1 giờ đến dưới 3 giờ/ngày là cao nhất (chiếm 43,5%), và từ 3 giờ đến dưới 5 giờ/ngày (chiếm 31,5%). Đáng lưu ý là có 7,2% SV cho biết họ thường bỏ ra hơn 8 giờ/ngày để vào MXH.

Biểu đồ 3: Địa điểm sử dụng MXH



Sinh viên thường có thói quen sử dụng mạng xã hội trước khi đi ngủ hay khi mới thức dậy. Ngoài ra có thể trong lúc ăn, lúc rảnh, hay thậm chí ngay trong giờ học và những khoảng thời gian

khác. Sinh viên chủ yếu sử dụng MXH tại nhà chiếm 44,4%. Khoảng trên 32,6% sinh viên truy cập MXH tại các quán ăn, quán café hay những địa điểm công cộng mà có wifi miễn phí. 20% sinh viên truy cập MXH tại trường học và trên 3% sinh viên truy cập tại các địa điểm khác. Sinh viên thường có thói quen sử dụng mạng xã hội trước khi đi ngủ hay khi mới thức dậy. Ngoài ra có thể trong lúc ăn, lúc rảnh, hay thậm chí ngay trong giờ học và những khoảng thời gian khác. Việc truy cập MXH của sinh viên được thực hiện mọi lúc mọi nơi.

Ảnh hưởng tích cực trong việc sử dụng mạng xã hội đối với sinh viên

Mạng xã hội đã trở nên gần gũi và phổ biến đối với rất nhiều người, đặc biệt là đối với sinh viên. Với nội dung phong phú, đa dạng, cách thức sử dụng dễ dàng, mạng xã hội đã đem đến cho sinh viên rất nhiều lợi ích.

Thứ nhất, sinh viên có thể chia sẻ thông tin, kết nối với bạn bè một cách dễ dàng. Quan hệ xã hội trong cuộc sống là một điều rất quan trọng, giúp con người tồn tại và kết nối được với xã hội. Đối với sinh viên, mối quan hệ xã hội luôn cần được mở rộng chính vì vậy mạng xã hội giúp sinh viên có thể giao lưu, kết nối với nhau mà không bị gò bó về mặt không gian và thời gian. Điều này giúp chúng ta xây dựng được những mối quan hệ tốt đẹp, từ đó tìm kiếm được những cơ hội mới để phát triển bản thân.

Thứ hai, sinh viên có thể khai thác thông tin, tìm kiếm tri thức mới phục vụ cho học tập. Mạng xã hội chính là nơi có thể cung cấp cho sinh viên nhiều thông tin, kiến thức bổ ích về đa dạng các lĩnh vực, ngành nghề. Qua đó sinh viên có thể tìm kiếm được nhiều thông tin hữu ích, nắm bắt được nhiều thông tin quan trọng, nắm bắt được những xu thế mới của đời sống để có thể phục vụ tốt nhất cho công việc và cuộc sống.

Thứ ba, sinh viên có thể tham gia nhiều khóa học bổ ích nhờ mạng xã hội. Việc học trực tuyến thông qua Internet và mạng xã hội giúp sinh viên có thể tiết kiệm được thời gian, chi phí. Sinh viên có thể thông qua mạng xã hội để tìm kiếm và tham gia học những khóa học phát triển bản thân như học tin học văn phòng, tiếng anh giao tiếp, các lớp học để trau dồi kinh nghiệm chuyên môn, tham gia các lớp học kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình...

Thứ tư, sinh viên có thể khởi nghiệp từ các nền tảng mạng xã hội. Ở thời đại chuyên đổi số như hiện nay, việc mua bán trực tuyến đã không còn xa lạ gì đối với mọi người, đặc biệt là với sinh viên. Chính vì vậy, mạng xã hội chính là nơi kinh doanh lý tưởng, là nơi sinh viên có thể thỏa sức với những ý tưởng kinh doanh của riêng mình mà không cần bỏ quá nhiều vốn, nơi có lượng khách hàng tiềm năng và không cần đến mặt bằng kinh doanh cũng như cần quá nhiều nhân lực.

Ảnh hưởng tiêu cực trong việc sử dụng mạng xã hội đối với sinh viên

Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực mà mạng xã hội đem lại thì việc sinh viên ngày càng lạm dụng mạng xã hội cũng đem đến những ảnh hưởng tiêu cực

Thứ nhất, việc sử dụng và lạm dụng mạng xã hội quá nhiều có thể khiến sinh viên mất thời gian và mất tập trung. Ngày nay, sinh viên có xu hướng dành nhiều thời gian vào mạng xã hội hơn là vào học tập dẫn tới xao nhãng chuyện học tập, xa rời thực tế và các mối quan hệ đời thực. Thay vì tìm kiếm những cơ hội học tập và làm việc trên mạng xã hội, có những sinh viên dành

phản lớn thời gian ở trên mạng xã hội chỉ để giải trí, lướt web, đăng tải những hình ảnh status với mục đích “câu like”. Tất cả những điều đó làm lãng phí thời gian mà không thu lại được gì.

Thứ hai, việc lạm dụng các phương tiện truyền thông khiến cho tư duy sáng tạo của sinh viên bị giảm sút. Sự phát triển vượt bậc của công nghệ và internet khiến sinh viên ngày càng ỷ lại vào việc tìm kiếm, thu thập thông tin, kiến thức trên internet thay vì tự mình suy nghĩ hay tìm kiếm trong sách vở. Bởi vậy thói quen đọc sách của sinh viên cũng như tư duy sáng tạo, nghiên cứu đang ngày một giảm dần.

Thứ ba, sinh viên có thể bị lôi kéo, lợi dụng nếu không có đủ tinh táo. Mạng xã hội là ảo, chính vì vậy mạng xã hội chính là công cụ để các đối tượng phạm tội lừa đảo, lợi dụng lòng tin của người dùng mạng xã hội để chiếm đoạt tài sản.

Thứ tư, sinh viên có thể gặp vấn đề về sức khỏe thể chất và tinh thần. Việc sử dụng mạng xã hội quá nhiều có thể khiến suy giảm nhận thức. Đặc biệt nếu như tiếp xúc quá nhiều với mạng xã hội sẽ dễ gặp phải các vấn đề về tâm lý như nảy sinh cảm xúc tiêu cực, thậm chí có thể dẫn tới trầm cảm. Ánh sáng xanh phát ra từ màn hình máy tính, điện thoại có thể khiến mắt ngứa, thị lực suy giảm, cơ thể sẽ trở nên nặng nề và sờ lười biếng hơn.

Giải pháp giúp sinh viên sử dụng mạng xã hội một cách hiệu quả

Để phát huy những mặt tích cực và loại bỏ những mặt tiêu cực trong sử dụng mạng xã hội của sinh viên thì cần đưa ra những giải pháp hợp lý.

Thứ nhất, sinh viên cần xác định rõ mục đích sử dụng mạng xã hội của mình là gì, ví dụ như giao lưu kết nối với bạn bè, tìm kiếm thông tin, học tập, cập nhật tin tức... Việc xác định mục đích sử dụng sẽ giúp sinh viên tập trung vào những hoạt động quan trọng và tránh lãng phí thời gian. Không nên lãng phí quá nhiều thời gian cho những nội dung không liên quan.

Thứ hai, sinh viên nên tìm kiếm và theo dõi các trang mạng xã hội liên quan đến sở thích và lĩnh vực của mình để có thể nhận được thông tin hữu ích và có giá trị nhất.

Thứ ba, sinh viên nên thiết lập thời gian sử dụng mạng xã hội của mình. Mỗi ngày chỉ nên dành từ 1-2 tiếng cho mạng xã hội, không nên sử dụng mạng xã hội quá nhiều để tránh ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần và các hoạt động học tập và làm việc.

Thứ tư, cần ứng xử văn minh, kiểm soát hành vi của mình trên mạng. Chọn lọc thông tin để xem, thận trọng trước khi chia sẻ bất kì thông tin nào lên mạng nhất là những thông tin chưa được kiểm chứng. Những lời nhận xét phải khách quan, đa chiều và tế nhị. Tất cả những hành động, lời nói thiếu suy nghĩ, thiếu tôn trọng có thể làm người khác bị tổn thương tinh thần.

Thứ tư, cần nâng cao bảo mật thông tin khi sử dụng mạng xã hội. Việc rò rỉ thông tin khi sử dụng mạng xã hội có thể ảnh hưởng lớn tới cuộc sống và học tập của sinh viên. Để lộ thông tin cá nhân có thể trở thành công cụ để kẻ xấu lừa đảo và chiếm đoạt tài sản. Chính vì vậy sinh viên cần nâng cao bảo mật tài khoản, thông tin trên mạng xã hội.

Tài liệu tham khảo:

- Trần Thị Minh Đức, Bùi Thị Hồng Thái (2014) “Sử dụng mạng xã hội trong sinh viên Việt Nam”
- The ASIAN school (2023) “Positive & Negative Effect Of Social Media On Education”
- Thomas L. Friedman (2006) “Thế giới phẳng-Tóm lược lịch sử thế giới thế kỉ 21”, Nxb Tuổi Trẻ

Giải pháp bảo vệ thông tin người dùng khi tham gia sử dụng các nền tảng mạng xã hội

Võ Thị Hạnh - CQ58/11.02

Trong thời đại kỹ thuật số phát triển nhanh chóng, mạng xã hội đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Tuy nhiên, việc chia sẻ thông tin cá nhân trên các nền tảng mạng xã hội đặt ra nhiều rủi ro về quyền riêng tư và an ninh thông tin. Sự lộ thông tin cá nhân có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng như xâm phạm quyền riêng tư, lừa đảo hay vi phạm pháp luật. Vì vậy, bảo vệ thông tin người dùng trở thành một vấn đề cấp bách và được quan tâm hàng đầu hiện nay.

Mạng xã hội đã mang lại nhiều lợi ích cho cuộc sống của chúng ta, như giúp kết nối với bạn bè xa cách, chia sẻ thông tin, và tham gia vào các cộng đồng trực tuyến. Tuy nhiên, điều quan trọng cần nhớ là thông tin cá nhân của chúng ta có giá trị và nếu không được bảo vệ cẩn thận, có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng. Việc lộ thông tin cá nhân có thể khiến người dùng trở thành mục tiêu của các cuộc tấn công mạng, bị lừa đảo, hoặc bị xâm phạm quyền riêng tư.

Lợi ích của việc bảo vệ thông tin người dùng

Bảo vệ quyền riêng tư và tự do cá nhân: Bảo vệ thông tin người dùng giúp đảm bảo quyền riêng tư và tự do cá nhân. Người dùng có quyền tự do quyết định thông tin cá nhân của mình và không bị xâm phạm từ bên thứ ba.

Tránh bị theo dõi và quảng cáo không đáng: Khi thông tin cá nhân được bảo vệ, người dùng sẽ tránh được việc bị theo dõi quá mức và nhận quảng cáo không mong muốn. Việc bảo vệ thông tin giúp người dùng kiểm soát thông tin mà họ muốn chia sẻ và giới hạn sự can thiệp từ các bên thứ ba.

Tăng cường an ninh mạng: Bảo vệ thông tin người dùng cũng đóng vai trò quan trọng trong tăng cường an ninh mạng. Khi người dùng tuân thủ các biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân, họ giúp ngăn chặn các cuộc tấn công mạng, xâm nhập và lừa đảo trực tuyến. Điều này góp phần vào việc xây dựng một môi trường mạng an toàn hơn cho tất cả mọi người.

Bảo vệ danh tiếng và sự tin tưởng: Việc bảo vệ thông tin người dùng giúp duy trì danh tiếng và sự tin tưởng của cá nhân, tổ chức hoặc doanh nghiệp. Khi thông tin cá nhân không bị lộ ra công chúng hoặc bị lạm dụng, người dùng có thể giữ vững sự tín nhiệm và lòng tin từ phía người khác.

Tạo ra môi trường kinh doanh tin cậy: Việc bảo vệ thông tin người dùng không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân mà còn đối với các tổ chức và doanh nghiệp. Khi một nền tảng

mạng xã hội đảm bảo tính bảo mật và quyền riêng tư của người dùng, nó tạo ra một môi trường kinh doanh tin cậy, thu hút sự tham gia và tín nhiệm từ người dùng.

Phát triển kinh tế số: Việc bảo vệ thông tin người dùng cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế số. Khi người dùng cảm thấy an toàn và tin tưởng khi sử dụng các nền tảng mạng xã hội, họ sẽ dễ dàng tham gia vào các hoạt động trực tuyến, giao dịch thương mại điện tử và ứng dụng công nghệ số, góp phần vào sự phát triển của nền kinh tế số.

Hiểm họa khôn lường của việc không bảo vệ thông tin người dùng

Rủ ro lạm dụng thông tin cá nhân: Khi thông tin cá nhân không được bảo vệ, có nguy cơ rất cao rằng thông tin này sẽ bị lạm dụng. Các bên thứ ba có thể sử dụng thông tin cá nhân để tiến hành lừa đảo, gửi thư rác, hoặc thậm chí đánh cắp danh tính người dùng.

Xâm nhập và lộ thông tin: Nếu thông tin người dùng không được bảo vệ đúng cách, có thể xảy ra các cuộc tấn công mạng và xâm nhập vào tài khoản cá nhân. Kẻ xâm nhập có thể truy cập và lộ trình đến thông tin nhạy cảm của người dùng, như thông tin tài chính, hình ảnh riêng tư và tin nhắn cá nhân.

Đánh cắp danh tính và gian lận: Khi thông tin người dùng bị đánh cắp, tội phạm có thể sử dụng nó để giả mạo và thực hiện các hành vi gian lận. Điều này có thể gây thiệt hại về tài chính và danh tiếng cho người dùng, cũng như ảnh hưởng đến mối quan hệ xã hội và kinh doanh của họ.

Phát tán thông tin sai lệch: Trên mạng xã hội, thông tin có thể được chia sẻ rộng rãi và lan truyền nhanh chóng. Nếu không có bảo vệ thông tin, người dùng có thể trở thành nạn nhân của thông tin sai lệch hoặc tin giả. Điều này góp phần vào sự lan truyền tin tức không chính xác và gây hỗn loạn thông tin.

Tiếp cận và quấy rối trực tuyến: Khi thông tin cá nhân không được bảo vệ, người dùng dễ dàng trở thành mục tiêu của quấy rối trực tuyến và khủng bố trực tuyến. Kẻ xấu có thể tiếp cận và theo dõi người dùng, gửi thông điệp đe dọa hoặc tạo ra một môi trường trực tuyến không an toàn.

Mất lòng tin: Khi người dùng không tin tưởng vào việc bảo vệ thông tin của mình trên mạng xã hội, họ có thể trở nên đề dặt và chần chừ trong việc chia sẻ thông tin cá nhân hoặc tham gia các hoạt động trực tuyến. Điều này có thể làm giảm sự tương tác và gắn kết trong cộng đồng mạng và làm mất lòng tin của người dùng.

Ảnh hưởng đến tâm lý và sức khỏe tinh thần: Khi thông tin cá nhân bị xâm phạm, người dùng có thể trải qua căng thẳng, lo lắng và sự mất an ninh. Cảm giác không an toàn trên mạng xã hội có thể gây ra tác động tiêu cực đến tâm lý và sức khỏe tinh thần của người dùng.

Giải pháp bảo vệ thông tin người dùng trên mạng xã hội

Đối với nhà sản xuất

Tăng cường quản lý và tuân thủ quy định: Các nhà sản xuất mạng xã hội cần chấp hành chặt chẽ các quy định về bảo vệ thông tin cá nhân của người dùng. Điều này bao gồm

việc đảm bảo tuân thủ quyền riêng tư, bảo mật và bảo vệ dữ liệu theo các tiêu chuẩn quốc tế và quốc gia.

Mở rộng tùy chọn quyền riêng tư: Cung cấp cho người dùng nhiều tùy chọn quyền riêng tư để kiểm soát thông tin cá nhân của mình. Điều này có thể bao gồm điều chỉnh cài đặt quyền riêng tư, cho phép người dùng quyết định những thông tin nào được chia sẻ và với ai.

Cung cấp hướng dẫn sử dụng dịch vụ: Nhà sản xuất cần cung cấp thông tin rõ ràng và dễ hiểu về quyền riêng tư và bảo vệ thông tin cho người dùng. Đồng thời, cung cấp tài liệu giáo dục và hướng dẫn về cách sử dụng an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng xã hội.

Tối ưu hóa công nghệ bảo mật: Đầu tư vào công nghệ bảo mật tiên tiến để ngăn chặn việc xâm nhập và lạm dụng thông tin người dùng. Sử dụng mã hóa dữ liệu, cơ chế xác thực hai yếu tố và các biện pháp bảo mật khác để đảm bảo an toàn thông tin cá nhân.

Đối với người sử dụng

Nâng cao ý thức và hiểu biết: Người tiêu dùng cần tự nâng cao hiểu biết về quyền riêng tư và bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng xã hội. Thông qua việc tìm hiểu về cài đặt quyền riêng tư và kiểm soát thông tin cá nhân, họ có thể chủ động bảo vệ mình khỏi việc lạm dụng thông tin.

Kiểm tra và cập nhật cài đặt quyền riêng tư: Người dùng nên thường xuyên kiểm tra và cập nhật cài đặt quyền riêng tư trên tài khoản mạng xã hội của mình. Điều này bao gồm xem xét và điều chỉnh cài đặt quyền riêng tư, quản lý danh sách bạn bè và kiểm soát thông tin được chia sẻ.

Đánh giá và lựa chọn các ứng dụng an toàn: Khi sử dụng các ứng dụng và dịch vụ mạng xã hội, người dùng nên đánh giá và lựa chọn những ứng dụng có chính sách bảo mật và quyền riêng tư tốt. Đọc và hiểu các điều khoản và điều kiện sử dụng trước khi cung cấp thông tin cá nhân.

Không chia sẻ thông tin nhạy cảm: Người dùng nên hạn chế chia sẻ thông tin cá nhân nhạy cảm trên mạng xã hội. Thông tin như số điện thoại, địa chỉ nhà, thông tin tài chính nên được bảo mật và chỉ chia sẻ với người tin cậy.

Sử dụng mật khẩu mạnh và bảo mật: Để bảo vệ thông tin cá nhân, người dùng cần sử dụng mật khẩu mạnh và duy nhất cho tài khoản mạng xã hội. Ngoài ra, cần thường xuyên thay đổi mật khẩu và không sử dụng mật khẩu giống nhau cho nhiều tài khoản.

Kiểm tra hoạt động và báo cáo sự vi phạm: Người dùng nên kiểm tra các hoạt động không bình thường trên tài khoản mạng xã hội của mình và báo cáo ngay lập tức các hành vi vi phạm hoặc đáng ngờ đến nhà sản xuất.

Tài liệu tham khảo:

[http://cntt.gov.vn/SitePages>ListNewfeed.aspx?CID=43&ItemID=31669](http://cntt.gov.vn/SitePages/ListNewfeed.aspx?CID=43&ItemID=31669)

<https://vov.vn/the-gioi/cuoc-song-do-day/kinh-nghiemcac-nuoc-trong-kiem-soat-quan-ly-mang-xa-hoi-post963374.vov>

<https://trangcongnghe.vn/cong-nghe/tin-ict/228159-tham-gia-mang-xa-hoi-an-toan-nhung-tiem-an-va-cach-bao-ve-chinh-minh.html>

Xu hướng khởi nghiệp thông qua TikTok Shop của Gen Z

Lê Thị Linh Chi - CQ59/21.01
Nguyễn Thu Thủy - CQ59/21.02

TikTok Shop là một gian hàng mới được triển khai, tích hợp trên nền tảng TikTok. Trong bối cảnh thị trường Việt Nam xuất hiện ngày càng nhiều đợt mua sắm lớn, TikTok dự đoán Shoppertainment (mua sắm kết hợp giải trí) sẽ là xu hướng trong thời gian tới đây. Trong báo cáo tổng hợp các yếu tố quan trọng tác động đến hành vi tiêu dùng mùa mua sắm, TikTok cũng nhấn mạnh video dạng ngắn sẽ trở thành công cụ quan trọng, giúp doanh nghiệp tìm kiếm và tương tác với khách hàng. Vì vậy, đây cũng là thị trường “màu mỡ” dành cho các nhà bán hàng, sáng tạo nội dung tham gia kinh doanh. Với những cơ hội mà TikTok Shop đem lại, hứa hẹn sẽ tạo ra một xu hướng mới trong thời gian sắp tới đặc biệt là cho thế hệ Gen Z - những người gần như đều dùng TikTok mỗi ngày.

Đặt vấn đề

Xu hướng khởi nghiệp đã phát triển mạnh mẽ trong giới trẻ và mạng xã hội TikTok đã trở thành một nền tảng phổ biến để xây dựng kinh doanh trực tuyến. TikTok Shop, một tính năng mới của ứng dụng, cho phép người dùng bán hàng trực tiếp từ trang cá nhân của mình, đã thu hút sự chú ý lớn từ các nhà khởi nghiệp trẻ. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là liệu xu hướng khởi nghiệp thông qua TikTok Shop có mang lại những lợi ích đáng kể cho giới trẻ hay không. Có những yếu tố tích cực mà TikTok Shop mang lại, như tạo ra cơ hội kinh doanh dễ dàng và tiếp cận đám đông người dùng rộng lớn. Tuy nhiên, cũng cần xem xét các hạn chế và tác động tiềm năng của việc khởi nghiệp qua TikTok Shop, như cạnh tranh khốc liệt, sự phụ thuộc vào nền tảng TikTok và việc xây dựng một thương hiệu bền vững.

Khái niệm

TikTok Shop là một gian hàng được tích hợp trực tiếp vào tài khoản của những người sử dụng nền tảng TikTok. Khi người dùng xem video, TikTok sẽ hiển thị trực tiếp link mua hàng và bạn chỉ cần nhấp vào đường link là có thể mua hàng mà không cần phải thoát khỏi app hay chuyển đến ứng dụng khác. TikTok Shop là một gian hàng được tích hợp trực tiếp trên nền tảng TikTok. Chính nhờ tính năng này mà các nhà bán hàng, nhà sáng tạo nội dung có thể quảng bá sản phẩm bằng cách đăng tải video, livestream bán hàng hay thông qua tab giới thiệu trên Profile. Người mua sẽ thấy được đầy đủ thông tin về sản phẩm từ mô tả, giá thành, lượt đánh giá, lượt mua,... thậm chí, bạn có thể thanh toán trực tuyến trực tiếp thông qua nền tảng này. Có thể thấy, TikTok Shop là một tính năng độc đáo, mang đến sự tiện lợi cho người mua và người bán. Sự xuất hiện của TikTok Shop sẽ mang đến một làn gió mới cho thị trường kinh doanh tại Việt Nam. Hứa hẹn đây sẽ là một sân chơi đầy căng thẳng và kịch tính cho các nhà bán hàng. Dù vậy, bản chất của TikTok vẫn là một nền tảng cung cấp các video giải trí có nội dung ngắn, lôi cuốn người xem. Bạn chỉ có thể thành công với TikTok Shop khi đầu tư chất xám vào các video hay mở Livestream trên kênh TikTok của mình. Đây sẽ là cách nhanh nhất giúp bạn tiếp cận thành công khách hàng và quảng bá sản phẩm hiệu quả.

Lợi thế của TikTok Shop so với các sàn thương mại điện tử khác

Một là, TikTok Shop có nguồn khách hàng tiềm năng to lớn

Người dùng TikTok Shop chủ yếu thuộc thế hệ gen Z hoặc cuối gen Y, hầu hết là khách hàng trẻ, từ 18 - 24 tuổi (chiếm 43,7%), trong đó tỷ lệ khách hàng nữ chiếm 57%. Tại Đông Nam Á, TikTok Shop hiện có khoảng 226,8 triệu người dùng - một thị trường vô cùng tiềm năng. Bà MaryLeigh Bliss, Phó chủ tịch phụ trách nội dung của Công ty Tư vấn tiếp thị thanh niên Ypulse đánh giá, TikTok Shop đang là nền tảng tiềm năng đối với các thương hiệu dành cho người tiêu dùng thế hệ Gen Z. Đặc biệt hơn cả, nhóm tuổi này rất rành trong việc sử dụng công nghệ và có kinh nghiệm trong các hoạt động thương mại điện tử. Theo dự đoán, lượng người dùng ở độ tuổi này vẫn sẽ có xu hướng gia tăng mạnh trong tương lai. Nhờ đó mà các chủ shop khi bắt đầu chiến lược kinh doanh với TikTok Shop sẽ có được nguồn khách hàng tiềm năng to lớn.

Hai là, khả năng lan tỏa rộng rãi, mạnh mẽ của TikTok

Các mạng xã hội và nền tảng thương mại điện tử thông thường dành thời gian để phân tích hành vi, thói quen và sở thích của người dùng và nội dung phù hợp. Nhưng TikTok hoạt động hoàn toàn ngược lại. Chúng sẽ phân phối thử nội dung của một số người nhất định, dành sự ưu tiên cho những video có nội dung chất lượng và mang lại nhiều giá trị cho người xem để kiểm tra mức độ tương tác và thu thập dữ liệu. Sau đó, dựa vào mức độ quan tâm của người dùng mà TikTok sẽ mở rộng phạm vi và hiển thị video trên trang FYP (For you page) của người khác nếu nội dung đó đảm bảo yêu cầu.

Do đó, TikTok đã trở thành một công cụ khám phá phổ biến cho người dùng. Nội dung trên nền tảng khuyến khích người dùng khám phá các thương hiệu và sản phẩm mới một cách tự nhiên và thậm chí đưa ra các quyết định mua hàng không có kế hoạch. Một nửa người dùng TikTok thừa nhận rằng họ đã khám phá sản phẩm hoặc thương hiệu mới khi đang sử dụng nền tảng, 89% đã mua hàng ngoài kế hoạch sau khi xem video trên TikTok. Đây cũng là con số cao nhất trong tất cả các nền tảng mạng xã hội hiện có.

Ba là, tỷ lệ chuyển đổi cao

Điểm khác biệt giữa TikTok Shop và các nền tảng thương mại điện tử khác là nội dung hiển thị cho người dùng là các video ngắn. Video thường là một dạng nội dung cảm xúc có thể thúc đẩy quá trình mua hàng của người xem thông qua hành động, âm thanh và hình ảnh sống động. Theo nghiên cứu của Nielsen, 83% người dùng thích xem quảng cáo dưới định dạng video hơn ảnh GIF hoặc văn bản. Nhờ quá trình chuyển đổi số và sự ưa chuộng của người tiêu dùng, video dạng ngắn đang là định dạng được nhiều thương hiệu lựa chọn để tiếp cận và thu hút khách hàng. Có lẽ vì vậy mà TikTok Shop có tỷ lệ chuyển đổi cao hơn so với các nền tảng thương mại điện tử và các kênh bán hàng trực tuyến khác.

Minh chứng cho điều này chính là sự tham gia vào cuộc đua Short Video của các ông lớn trên thế giới như: Facebook, Instagram, Youtube... Tất cả chỉ là để cạnh tranh với TikTok Shop. Ngay cả Shopee, nền tảng thương mại điện tử hàng đầu châu Á, cũng đã ra mắt tính năng Shopee Video tại thị trường Ấn Độ. Điều này cũng cho thấy phần nào sự đặc biệt của TikTok Shop.

Hạn chế của TikTok Shop

Một là, lượt truy cập và tỷ lệ chuyển đổi phụ thuộc lớn vào content

Lượt truy cập và tỷ lệ chuyển đổi là 2 yếu tố vô cùng quan trọng đối với những nhà bán hàng. Trong đó, lượt truy cập sẽ có tác động trực tiếp đến tỷ lệ chuyển đổi. Kênh

TikTok của bạn có lượt truy cập lớn sẽ giúp gia tăng lượt chuyển đổi và tạo ra hàng nghìn đơn hàng.

Tuy nhiên, điều khiến TikTok Shop trở nên đặc biệt đó là lượt truy cập sẽ đến từ nội dung video. Người bán đăng tải càng nhiều video có nội dung thú vị, thu hút người dùng sẽ tạo cơ hội giúp shop có nhiều đơn hàng. Mặt khác, nếu người bán không sáng tạo nội dung mới hay không đầu tư chất lượng cho nội dung video thì sẽ không có nhiều lượt truy cập, lượt chuyển đổi hay bất cứ đơn hàng nào trên TikTok Shop.

Dù Shop của bạn có danh tiếng nhòe vào gian hàng trên các sàn thương mại điện tử nhưng nếu không có sự cố gắng, đầu tư chất xám vào content thì người dùng sẽ không có nhu cầu mua hàng tại kênh của bạn. Chính vì vậy, các nhà bán hàng cần liên tục sáng tạo nội dung thú vị nhằm thu hút được sự quan tâm của người dùng, đặc biệt là thế hệ gen Z - lượng người dùng chủ yếu trên TikTok và thực hiện các chiến lược Marketing hiệu quả nhằm có được lượng lượt truy cập ổn định.

Hai là, nhu cầu mua hàng khởi nguồn từ cảm xúc

Tại các nền tảng thương mại điện tử lớn như Lazada và Shopee nhu cầu về sản phẩm đến từ phía người dùng. Họ sẽ chủ động tìm kiếm sản phẩm mà họ có nhu cầu mua. Đồng thời, tự nghiên cứu, so sánh giá cả và xem các đánh giá sản phẩm thông qua lời nhận xét của những người đã mua và sử dụng sản phẩm. Từ đó, đưa ra quyết định mua hàng.

Tuy nhiên, đối với TikTok Shop thì lại khác. Sự kết hợp giữa giải trí và mua sắm đã tạo ra nhu cầu mua hàng trên nền tảng khởi nguồn từ cảm xúc. Nói cách khác, người xem sẽ phát sinh nhu cầu mua hàng khi họ xem được những video hoặc livestream bán hàng. Việc quyết định mua sản phẩm hay không sẽ còn phụ thuộc lớn vào cảm xúc mà video mang lại.

Trong khi đó, cảm xúc lại là một thứ khó đoán, khó kiểm soát. Mỗi người sẽ có cảm nhận của riêng mình về video có cùng nội dung mà họ xem được trên TikTok. Chính vì vậy, các nhà bán hàng sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn trong việc nắm bắt cảm xúc của khách hàng. Nếu muốn gia tăng tỷ lệ chuyển đổi thì họ buộc phải đầu tư vào chất lượng nội dung video cũng như chất lượng sản phẩm.

Kết luận

Có thể thấy, sự trỗi dậy mạnh mẽ của TikTok Shop đã mang đến cơ hội rất lớn cho các nhà bán hàng, đặc biệt là xu hướng khởi nghiệp của gen Z như hiện nay. Tuy nhiên, TikTok Shop không thể thay thế hoàn toàn cho các sàn thương mại điện tử hiện tại mà sẽ bổ sung, lắp đầy các ngóc ngách thị trường mà Shopee hay Lazada chưa với tới, cũng như làm đa dạng hóa các phương thức tiếp cận khách hàng cho người bán. Tuy nhiên, những người bán hàng trên TikTok Shop cần cân nhắc cẩn thận trong việc sáng tạo cũng như phân bổ nội dung để duy trì một lượng content đa dạng sáng tạo nhưng giữ được tinh thần và câu chuyện của thương hiệu cũng như thiết kế.

Tài liệu tham khảo:

- Diễn đàn đầu tư kinh doanh: "Sự trỗi dậy của TikTok Shop: Thời của mua sắm và giải trí" - Tác giả: Anh Hoa
<https://baodautu.vn/su-troi-day-cua-TikTok-shop-thoi-cua-mua-sam-va-giai-tri-d182791.html>
- TikTok: "TikTok dự đoán Shoppertainment (hình thức mua sắm kết hợp giải trí) sẽ là xu hướng trong Mùa Siêu Mua Sắm tại Việt Nam"
<https://newsroom.TikTok.com/vi-vn/TikTokmegasales>
- Digital Marketing Insight: "Xu Hướng TikTok Bùng Nổ: Hình Thức Quảng Cáo TikTok Toàn Diện Dành Cho Tất Cả Nhà Tiếp Thị"
<https://www.asiapacdigital.com/vn/digital-marketing-insight/TikTok-heat-will-go-on-a-complete-TikTok-advertising-guide-for-all-marketers>
- Doanh nghiệp số: "TikTok Shop là gì? Có phải xu hướng kinh doanh bùng nổ trong tương lai?"
<https://doanhnhiepso.net/TikTok-shop-la-gi-xu-huong-kinh-doanh-moi/>

Nghiên cứu khoa học sinh viên Tập 09/2023



Chịu trách nhiệm xuất bản

PHAN ĐỨC CHÍNH

Chịu trách nhiệm nội dung

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

Tham gia biên tập số này:

1. PGS. TS. NGÔ THANH HOÀNG
2. PGS. TS. LÊ XUÂN TRƯỜNG
3. PGS. TS. HÀ MINH SƠN
4. PGS. TS. NGÔ THỊ THU HỒNG
5. TS. LUU HỮU ĐỨC
6. TS. NGUYỄN THỊ THÚY NGA
7. TS. NGUYỄN HỮU TÂN
8. TS. NGUYỄN HỒNG CHỈNH
9. TS. NGUYỄN TIẾN ĐỨC

Trình bày và thực hiện
BAN QUẢN LÝ KHOA HỌC

Thiết kế bìa
Bùi Dũng Thắng